

MỤC LỤC

ĐÊM TRĂNG	2
CÁI ĐẦU LÂU	19
CÂU CHUYỆN TRÊN TÀU THUỶ	27
MỘT CHUYỆN NGOẠI TÌNH	33
HAI LẦN CHẾT.....	42
MỘT NGƯỜI HIẾM CÓ	49
ÔNG PHÁN NGHIỆN	64
VÌ TÌNH.....	74
MAU TRÍ KHÔN	80
MỘT NGƯỜI SAY RƯỢU.....	86
CHIM ĐÈO	92
THOA (MỘT ĐỜI NGƯỜI)	97

ĐÊM TRẮNG

Đường quanh co ở giữa hai bên rừng núi phần nhiều là hẹp và xấu lắm; chúng tôi phải cho ngựa dẫn hàng một tiến lên.

Ở Pa Khá, chỗ nghỉ sau cùng tới đây, từ 12 giờ trưa đến bây giờ gần 6 giờ chiều, mà chỉ đi được chừng ba mươi cây số. Hối ấy vào trung tuần tháng hai. Trời về tiết xuân, nhưng gặp được lúc ấy cũng ấm áp dễ chịu.

Chúng tôi dừng ngựa lại trước một cái nhà lều rộng lớn, làm trên một khoảng đất san phẳng, lấn vào khu rừng phía tay trái độ bốn năm sào. Lều dựng theo lối ta, mái lợp tranh, ba phía vách bằng phên nửa hấy còn xanh tươi: cửa cũng bằng phên, nhưng đan chưa xong, còn đặt nằm dưới đất. Chỗ này dựng lên để cho những người đi xa nghỉ chân và nhân thể cho bọn người Thổ săn bắn ở vùng này làm nơi tạm trú. Cái lều cao, rộng hơn nhà ta ở nhiều lắm, nhưng trống hơn không có bày biện gì. Ở mặt đất giữa lều, chỉ thấy một đống củi gỗ rậm, một tia khói đưa lên thông thả, với năm ba chiếc ghế thấp vớt bỏ chung quanh. Áp theo cả chiều dài bức vách trong cùng và bức vách phía trái còn có một thứ tầng cũng đan bằng nửa, rộng ngót một thước tây, cao lên tới ngực, buộc vào những cột chống là mấy khúc cây nhỏ mới đẵn về. Thấy có hai người Thổ đang thông chân nằm ngủ ở trên, tôi đoán đó là một thứ chõng hay một thứ giường phên mới ứng chế.

Gởi người buộc ngựa rồi, chúng tôi vào lều giở bánh tây, cơm nắm, Lạp xưởng và giò chả ra ăn với nhau. Trong lều không có đèn, chúng tôi ngồi quây lấy đống củi bấy giờ đã thổi cháy to lên cho sáng. Những chuyện Mán Thổ núi rừng tất nhiên được dịp đem ra nói. Người thì khoe những cảnh lạ, những điều kỳ quái ghê sợ mà mình đã trải qua; người thì thuật những phen thập tử nhất sinh ở chốn ma thiêng nước độc; nhưng đậm đà nhất là những chuyện

trăng gió đường rừng, những chuyện hát đúm ở các chợ phiên. Mỗi người đều có một chuyện "tìm hoa" trong làng để nhắc lại.

Nhân đó một người bạn kể cho tôi nghe những bước phiêu lưu của một người đàn ông mà thỉnh thoảng tôi được gặp trong cái thì giờ đứng uống bát nước ở một hàng quán. Ông này là người Kinh, nhưng nét mặt với tiếng nói thì y như người Thổ; vóc dáng trông đầy đà lực lưỡng, bao giờ cũng mặc một bộ quần áo bằng vải ka-ki. Ông ta rất táo tợn; trong bọn đi rừng đến cả người Thổ cũng phục ông ta là người thạo và xông pha nhất. Họ gọi ông ta là ông Ba-đi-ghệt - nhưng cái sinh đi ghệt ông ta đã bỏ, chỉ còn lưu lại cái tên hiệu thôi. Ông Ba chẳng ở lâu được một chỗ bao giờ; gặp việc gì ở đâu cũng đi nhận làm ngay, thấy cái gì cũng buôn: gỗ, vải vóc, thuốc phiện lậu, xương hùm, nấm hương, nhung hươu, đủ mọi thứ. Có một điều ai cũng chú ý nhất mà ông vẫn đem khoe với bất kỳ người nào muốn nghe chuyện, là đến đâu, ở đâu ông ta cũng tìm được một người con gái để kết duyên hờ với mình. ở với nhau được ít ngày rồi một hôm, người con gái Thổ thấy ông ta đi không bao giờ trở về nữa. Tôi chưa ngồi nói chuyện với ông Ba-đi-ghệt bao giờ nên không biết rõ tâm địa của người đàn ông ấy. Nhưng tôi xem ra thì không mấy người ưa. Họ bảo rằng ông ta bạo dạn thì không ai hơn, nhưng mà giáo quyết nham hiểm cũng không ai bằng nữa.

Ăn uống xong, tôi để các bạn ngồi đó, giải áo khoác lên chiếc chông bên cạnh một cái cửa sổ mắt cáo rồi nhảy lên ngả lưng. Tôi duỗi thẳng chân ra nằm, vươn vai mà thở một hơi thực dài đuổi hết những cái mệt nhọc nặng nề từ trước. Không gì khoái chá bằng được nghỉ ngơi sau một cuộc trèo non lội suối đường trường.

Hai người Thổ vẫn ngủ say, tiếng ngáy rờn rợn. Các bạn đi đường thì bàn nhau vào ngủ trong làng, nhân tiện để tìm mấy đoá hoa rừng. Hôm ấy có cuộc hát thi, vì gặp ngày làng mở hội.

Tôi lẳng lặng nhắm mắt không trả lời ai hết, vì tôi không muốn theo họ và để phí mất lúc khoan khoái để chịu bấy giờ. Tâm hồn tôi thấy băng khuâng như nằm ở trên mây, trí tưởngchap chờn... rồi giấc ngủ dịu dàng dần tới.

Tôi mở mắt ra thì trăng xuyên qua khung cửa sổ mắt cáo đã đặt trên mình tôi những mảng sáng vuông nhỏ. Bấy giờ có lẽ đã nửa đêm, hai người Thổ không còn ngủ gần tôi, mà các bạn người Kinh cũng đi cả.

Tôi không muốn ngồi dậy, cứ để nguyên giày mà nằm yên đó, hai mắt lim dim.

Nhưng tôi không buồn ngủ thêm nữa.

Trong mình thấy tỉnh táo vui lắm. Huyết mạch lưu thông như hơi gió thổi; tôi tưởng chừng có thứ thuốc tiên trong thân thể, khiến cho người tôi bỗng chốc thành khinh khoái như bay...

Tôi lắng tai nghe. Một dải suối róc rách ở gần, tiếng sóng như thủy tinh gieo vào trong thứ giọng rừ rừ rồi tằm của những côn trùng dưới cỏ. Sau lều thì khu rừng cây yên lặng như ngủ kỹ, nhưng ở trong đũa những tiếng bí mật, khiến cho mình cảm thấy được cái sinh hoạt của nó trong lúc đêm khuya. Một con hươu đang ngó ngán nhìn cái lều vắng không. Những tiếng rất nhẹ của con sóc chạy trên cành; những tiếng lá cựa dưới mình một con vật đang nằm, một tiếng vỗ cánh nặng nề của con chim lớn. Từng trận gió thổi qua, một loạt lá rơi dào dạt, rồi tất cả lại im lặng như ngóng đợi, như nín hơi. Xa xa, rõ thực xa, giọng thác ào ào, để ý thì mỗi lúc thấy một gần thêm, rồi lại xa dần, rồi lại như biến đi mất. Có khi nghe như tiếng muôn nghìn người ồn ào đưa từ đâu đâu tới; phảng phất trong trí não tôi hình dung ra những cảnh chợ búa xe pháo ở chốn thị thành.

Tôi cứ nằm đó nghe hoài. Nghe càng lâu muôn tiếng càng hỗn độn. Sau cùng thành một thứ giọng rì rào mờ ám mỗi khắc một nhạt dần. Thần trí lại chịu một sức thôi miên ma túy đưa lại đâu từ chốn bồng lai. Văng vẳng trên không, chỉ còn những tiếng nhạc gần rồi lại xa, với những hơi sáo rất nhỏ, rất trong, và cao tí.

Bỗng đâu, một cơn gió lạnh thổi qua làm tôi hơi rùng mình. Tôi thở dài rồi mở hé mắt; trên lông mi những phấn bụi ánh sáng đang nhảy nhót rập rờn. Tôi lại thấy như không phải nằm đó một mình... Hình như có ai đứng bên tôi. Mà "ai" đó hình như là một người thiếu nữ. Tôi chắc đó chỉ là hình ảnh của sự mơ màng thôi, nên cứ lặng yên, bỗng thấy một bàn tay, một bàn tay bé nhỏ dịu dàng, êm ái để lên vai tôi:

- Đêm trăng sáng đẹp như thế này mà không đi nghe hát một lúc chơi, lại nằm đây ngủ!...

Câu nói tiếng Thổ, giọng dẻo dăng trong trẻo nghe rất hay. Chưa nhìn cũng chắc người đứng đó là đẹp lắm. Tay người thiếu nữ lại lay tôi lần nữa.

Tôi mở hần mắt nhìn cô ta nhoẻn miệng cười:

- Đi dậy đi anh. Dậy đi chơi một tý!

Cô ta đứng trước cái cửa sổ vách liếp và ngoảnh mặt ra phía rừng. Người vào trạc mười chín, hai mươi, hai mắt tinh anh, đẹp lạ thường, đôi má đầy, mơn mớn đào non, nhỏ và mướt.

- Trời ơi! Con gái Thổ mà có người nhan sắc đến thế này ư? Tôi mơ hay tỉnh?

Tôi nghĩ bụng thế, rồi ngồi dậy, thì ra tỉnh chứ không phải mơ. Tôi hỏi cô ta:

- Cô em ở đâu đến?

- Tôi ở trong làng (Cô vừa nói vừa lấy bàn tay lau miệng).

- Làng cô xa không?

- Không xa lắm.

- Cô em có đi với ai nữa không?

- Không.

Tôi bối rối quá, vì cô ta bỗng dưng có vẻ thẹn. Tôi ngẩn người ra, không biết hỏi thêm câu gì. Tôi nhìn cô ta một lúc lâu, cô ta ngẩng lên nhìn tôi rồi trông đi chỗ khác.

Giá tôi đừng nín lặng, hỏi chuyện nữa đi mới phải. Nhưng biết hỏi gì? Những phút đối diện yên lặng ấy sao mà dài và khó chịu đến thế!

Tôi ngượng ngịu quá chừng. Xin thú thực rằng xưa nay tôi nói đùa với các chị con gái Thổ đã nhiều, nhưng tôi đều coi thường, không để ý gì đến ai hết. Cũng nhiều cô khá lắm, song không ai có thể gọi là đẹp, đẹp trong trẻo và say đắm như cô này.

Tôi nghĩ mãi, mà chẳng có câu nào cho hợp lúc cả; mãi sau mới hỏi lên được:

- Cô em ở đâu đến?

Thì lại là câu mình đã hỏi rồi.

Cô con gái nhìn tôi hơi ngạc nhiên, song cũng đáp:

- Tôi ở trong làng.
- Gần không?
- Không xa lắm.
- Nhưng cô em đi đâu thế?

Cô Thổ đã hết then, tươi cười nét mặt và nhanh nhẹn trả lời:

- Tôi đi chơi. Tôi đến đây thấy có ngựa buộc ở ngoài kia, tôi vào, không có ai, chỉ có anh ngủ... Tôi vào rủ anh đi nói chuyện chơi.

Rồi cô cười, mà cười quá chừng: tiếng giòn và đầy đặn. Tôi cũng cười góp nhưng nghĩ thầm:

- Quái lạ, chả nhẽ người này lảng lơ đến nỗi đi tìm một người đàn ông ngủ một mình để nói chuyện với, hay sao?

Tôi nhìn người thiếu nữ một lần nữa: Không! Cô ta chỉ có vẻ đẹp dễ, trong sạch và rất đáng yêu quý thôi. Đôi mày đưa cong lên ở dưới cái trán bịt khăn chàm, có một vẻ kín đáo ý nhị, tôi ưa quá. Tôi lại hỏi cô:

- Thế cô em vào đã lâu chưa?
- Vào lâu rồi. Tôi xem anh ngủ mãi.
- Tôi không ngủ, mà sao tôi không biết?
- Anh ngủ đấy mà!

Cô vừa thông thả nói lại vừa cười. Cô cười sao xinh thế! Con người nhan sắc mà có duyên thay!

- Này cô em...

Cô bé nhìn tôi. Nhưng tôi không tiện hỏi câu ấy. Miệng cô vẫn hé nở, để lộ ra một nét trắng nhỏ của đầu hàng răng trên. Cô lại uốn ẹo dựa cái thân mềm mại vào chân tôi, làm cho tôi gợn cả người lên và không nghĩ đến những cái vẫn vợ như trước nữa. Tôi mỉm cười và liếc để tay lên vai cô ta. Người con gái nói luôn:

- Anh nhé, anh đi chơi nói chuyện với tôi nhé. Tôi... tôi đến rủ anh đi chơi...

- Cô thích đi chơi với tôi à?
- Thích. Mà thế nào cũng đi nhé?
- Ở đây nói chuyện cũng được chứ sao?

Nói rồi, tôi liền xốc nách bế cô ngồi lên với tôi, và lấy áo phủ khoác cho tấm thân xinh bé ấy. Cô ta có ý không bằng lòng, bỏ áo của tôi xuống và ngồi nhích ra một chút. Cô mặc một chiếc áo chàm mới, lúc ấy trông thẫm đen: áo cài một bên nách, hở cổ, thân ngắn, tay rộng, thắt ở ngang lưng; chiếc váy cộc cũng bằng vải chàm và cũng mới. Cái đèn tối dưới lều trong treo dịu dàng; chúng tôi hình như ở dưới bóng rợp của một thứ "nắng trăng". Cửa trước lều không đóng, lại thêm có ba cái cửa sổ mắt cáo ở vách trong nên chúng tôi trông được tỏ mặt nhau và cả những gói hành lý để ở một góc.

Lúc ấy hai tay cô gái thu lại để chồng lên một đùi. Chân cô buông thõng và hơi đưa đẩy, nét mặt cô có vẻ buồn bực làm cho tôi lo ngại.

Tôi lấy tay nhẹ nâng lấy cằm người thiếu nữ rồi kéo lại cho trông tôi:

- Cô em không muốn ngồi với tôi sao?

Cô sẽ mỉm cười:

- Sao không muốn? Không thì tôi "lại với anh" làm gì?
- Thế cô muốn nói chuyện với tôi lắm sao?

Cô Thỏ lại cười:

- Ừ, muốn!

Tôi đánh liều hỏi một câu nữa:

- Thế cô em yêu tôi chứ?
- Anh bảo cái gì hả?

Tôi ghé vào tai cô nói:

- Em... có yêu tôi không?

Cô vợ vẫn trả lời:

- Không biết.

Rồi lại vợ vẫn nhìn tôi.

Bấy giờ, tấm lòng xuân phơi phới của tuổi hai mươi lăm bị kích động mà sôi nổi trong người tôi, khiến cho tôi quên cả chủ định từ trước. Tôi liền ôm lấy cô bé, ôm bằng cả một tấm lòng chứa chan yêu dấu và bảo cô rằng:

- Sao lại "không biết" hở em? Em đến đây với tôi như một người trong giấc mơ màng, tôi có biết em là ai đâu; nhưng tôi yêu em ngay, mà sao em cứ lững lờ không để cho tôi biết bụng em thế?

Tôi còn nói nhiều câu rất ngọt ngào, nhiều lời rất hay, mà cái vốn tiếng Thổ của tôi có thể cho nói được.

Hơi nóng trong người cô thiếu nữ như thấm vào người tôi, vào tận trong huyết mạch; tôi mơn trớn cô ấy như một con chim bé nhỏ mà người ta nâng lên để vào trái tim mình...

Bỗng nhiên, cô đẩy khế tôi ra, ngồi thẳng lên, buộc lại cái khăn chàm; rồi tụt đứng xuống đất. Tôi nhìn cô ra ý hỏi duyên cớ, thì cô cau đôi mày lại, bảo tôi:

- Tôi không bằng lòng thế ! Tôi lại rủ anh đi dạo này với tôi kia mà.

Tôi cũng đứng xuống đất, giữ lấy hai vai cô, rồi nhìn vào cái mặt lạnh lùng của cô mà nói:

- Trời ơi! Em biết không! Trong lúc đêm khuya canh vắng em đến đây, em gọi tôi, em làm cho tôi vui sướng vô cùng; em là con gái, mà em lại xinh đẹp dường này! Thế thì em bảo tôi không yêu mến em sao được?

Cô Thổ nhìn tôi:

- Nhưng anh đi dạo này với tôi đã.

Tiếng cô nói gọn, nhất quyết; tôi hơi sinh nghi. Nhưng cô mỉm cười ngay; cô lại kéo lấy tay tôi nói một cách nũng nịu:

- Đi chơi một lúc thì sao? Anh nhé, đi chơi với tôi một lúc nhé, anh bằng lòng đi!

- Mà đi đâu bây giờ?

- Chơi bên rừng... trên bờ thác, xem nước chảy. Đêm trăng đẹp, đẹp quá, không đi cũng hoài...

Tôi nói:

- Không sợ hổ à?

Cô ta cười mấy tiếng khẽ:

- Sợ hổ! Đây không có hổ - hay có cũng ít khi lắm. Vả lại có trắng kia mà. Anh nằm đây còn không sợ thì đi chơi có sợ gì? Anh à, anh đi với tôi nhé!

Bên rừng tối trên thác sâu, ở những nơi phong cảnh đêm khuya hoang dại này phải đâu là nơi để khách đa tình đến cùng nhau than thở? Người con gái Thổ chắc cũng chẳng ưa gì những chốn ấy cho lắm, thế mà cứ thiết tha nài tôi đi cho được, hẳn cũng có duyên cớ gì đây? Mà duyên cớ gì? Trông cái mặt nhan sắc dịu hiền thế kia, tôi không thể cho cô ta là một người có lòng bí hiểm được.

Tôi ngẫm nghĩ một lát, rồi quyết thử "đi chơi" với cô ấy xem sao.

Tôi lấy cái áo phủ khoác lên vai, thắt lại cái thắt lưng da ở áo ngoài rồi đi lấy mũ đội.

Cô ấy trông theo tôi từng cách cử chỉ một: lúc thấy tôi thu gọn lại cái ống dây thùng to nằm cuộn tròn trong một góc lều, để lấy một cái gậy ở dưới thì cô Thổ liền chạy lại hỏi ngay:

- Ô! Anh có những dây tốt nhỉ! Để làm gì thế?

- Để qua cầu.

- Sao lại để qua cầu?

- Cầu nhỏ ở ven núi trên này chật chội lắm. Giá không có cuộn dây này thì tôi rơi xuống núi mấy lần rồi.

Cô Thổ cười:

- Thế mà tôi đi không việc gì đấy!

Chúng tôi đã ra tới cửa; cô Thổ toan dắt tôi theo một lối tắt đi về bên rừng. Bỗng cô đứng yên, mắt nhìn vào mắt tôi, rồi chạy vào trong lều, đến bên cuộn dây chảo. Tôi hỏi:

- Cô làm gì thế?

- Anh à, đem cái này đi!

Cô vừa nói vừa lôi cuộn dây ra. Tôi hỏi lại:

- Đi chơi kia mà?

- Cứ đem đi, anh ạ.

Tức khắc, tôi không nói một lời nào, đi vào bỏ gậy và mũ áo ra, rồi toan trèo lên cái "giường" phên nằm, nhất định không đi đâu nữa. Cô ta liền chạy lại bên tôi níu lấy tay tôi năn nỉ:

- Anh đi với tôi một tí, đi với tôi một tí thôi mà.

- Không! Đi làm gì thì cô phải nói rõ cho tôi biết đã.

- Rồi anh biết mà!

- Nói ngay bây giờ kia!

Người thiếu nữ ra chiều thất vọng vô cùng:

- Không... anh đi, anh đi với tôi một tí thôi, rồi anh thấy cái này hay lắm.

Cô ta vừa nói vừa cầm cái mũ và diu tôi ra cửa, cuộn dây chao đeo nặng một cánh tay.

Tôi không còn hiểu gì trong cái cử chỉ lạ lùng của người con gái nữa. Miệng cười của cô ta cũng không còn duyên gì hết; tôi thấy bực mình lắm; nhưng tôi cứ theo.

Ra đến ngoài thì thấy mặt trăng đã chếch về tây. Đám rừng âm u với dãy núi trập trùng tắm trong một bầu ánh sáng rõ ràng và lạnh lẽo. Tiếng ve sang sảng kêu ran như đã kêu từ mấy thế kỷ; bóng trăng theo đó mà rung trên ngọn cỏ, bụi cây.

Chúng tôi xuống một con đường dốc nhỏ đi vào nách rừng. Cô Thổ trước còn cười nói đơn đả để tôi vui lòng; đến sau, thấy tôi đã nhất định đi theo, thì cô chỉ rảo chân bước. Người thiếu nữ ấy cũng đủ nhan sắc và dịu dàng để tôi quên được cái lo ngại; và cái trường hợp cũng đủ ly kỳ để gợi tính tò mò và lòng mạo hiểm của tôi.

Xuống hết đường dốc này lại trèo lên một khu rừng nhỏ nữa. Chúng tôi đi qua một đám cây rất rậm chỉ lác đác được ít mảnh sáng trăng. Rồi cây cối mỗi lúc một thưa dần, lối đi mỗi lúc một rõ. Tôi đi rừng đã quen, và chỗ này cũng không khó đi lắm, nên tôi chỉ để mắt trông những bóng lá đi lần lần trên má và trên vai người thiếu nữ, với hai ống chân trắng trắng thoăn thoắt ở trong đám tối mập mờ. Có một lần tôi đi sát lưng cô ta, để tay lên vai mà giữ cô lại. Cô ngoảnh đầu cười gượng. Tôi hỏi:

- Cô định dẫn tôi đi đâu?

- Đi đằng này, mà!

- Làm gì? Hả!?

Mặt cô bỗng ra vẻ thương khó. Cô ta muốn cười nhưng không được, chỉ quay đầu đi, rồi vừa nói vừa thở dài:

- Anh đi một lúc nữa rồi anh biết. Anh, anh! Đi, đi!

Xuống một đường dốc.

Rồi lên một đường dốc nữa.

Chỗ này trèo rất khó nhọc, lại không có lối như trước, chỉ có người thiếu nữ đi quen nên đã lên được xa. Tôi phải bảo cô ấy quăng một đầu dây xuống cho tôi và lên trước, buộc đầu kia vào một gốc cây để tôi bám leo lên cho dễ. Qua một lớp cây rậm và um tối thì đường đã dốc xuống; đi một lát nữa thì đã thấy lối rõ và dễ đi. Tôi nghe thấy tiếng ào ào ở đâu từ lúc nãy; bây giờ nghe càng gần thêm.

- Có phải gần đây có một cái thác không?

Tôi hỏi người thiếu nữ thế. Cô ta đáp:

- Phải. Gần đến nơi rồi.

- Đến nơi? Thế ra đi đến đấy à?

- Phải.

- Nhưng đến làm gì mới được chứ?

- Anh cứ đi rồi biết mà!

Tôi nghĩ bụng chưa bao giờ gặp cảnh ngộ nào lạ kỳ hơn. Thực vậy. Mà cho cả về sau này cũng thế, trong suốt cuộc đời phiêu linh của tôi, tôi không hề gặp đêm nào như cái đêm hôm ấy cả.

Tôi tự hỏi xem cái kết của cuộc "đi chơi" này rồi sẽ ra sao. Nhưng không tìm được câu trả lời, thì tôi cứ ra chân bước.

Tôi có ý xem xét những chỗ vừa đi qua, thì phần nhiều đường lối giống nhau không thể phân biệt và nhớ được rõ. Phải là người ở lâu và quen đây lắm mới thuộc được những đường tắt này.

Chúng tôi đang đi ở trong bóng những cây lá chen nhau, bỗng đến ngay một nơi quang quẻ rộng rãi toàn ánh trăng sáng. Tôi

nhịp mắt lại vì hơi chói, trông ra thì núi non nhấp nhô, tỏ mờ trước mắt; khuôn trăng tròn vẹn, kê ngay trên một đỉnh núi, bình tĩnh như có ý đợi chờ.

Tiếng thác nghe thấy từ lâu, bấy giờ đang rộn rã cuộn cuộn ở phía dưới chân. Nhưng tôi chưa trông thấy nước: nguồn thác sâu lắm, mà chỗ ấy thì cao. Một con đường nhỏ chạy qua mặt tôi, dẫn đến một cái cầu ghép bằng thân cây như tôi thường gặp. Cầu này thay một chỗ đất sụt làm lở một quãng đường ven núi đất và cắt đứt mất lối đến Hoàng Su Phì: Bấy giờ tôi đã nhận ra rằng cô con gái dẫn tôi đi toàn nẻo tắt và hà tiện được tới ba phần tư đường. Vì từ chỗ lều tranh đến đây, đi khỏi một quãng đường thấp rồi lên những đường leo lưng chừng núi, còn phải qua một khúc cầu nữa.

Chúng tôi tiến lên chừng hai chục bước thì đến bên cầu. Cầu hẹp và dài, chỉ có mười khúc cây đâm ngang cắm sâu vào núi để nâng đỡ. Cô Thổ nhẹ nhàng đi ra tới giữa rồi ngoảnh lại đợi tôi đi theo. Tôi trông xuống, thấy dưới sâu lắm, và rải rác có những tảng đá lớn; nước thác chảy như xiết, âm âm từ một nẻo khuất giữa hai chân núi, vòng khúc rần xông ra. Tôi còn ngập ngừng một hồi chưa dám đi lên vội. Sau đánh bạo tiến lên được ba bước. Một khúc gỗ cựa mình một cái làm tôi sồn cả gai ốc, đã tưởng cái cầu gãy nhưng không việc gì.

Tôi phải hết dè giữ mới lại dám bước lên, dò đi như người "leo cầu vồng" vậy. Dưới chân, nước vẫn gầm như chuyển đá, mà bên trái thì cái núi dốc như tường xiêu, lại ở quá tầm tay không thể nào vịn được.

Dò được nửa cầu rồi. Càng thấy ghê sợ thêm. Liệu chừng không thể qua được khỏi cầu mà không ngã, tôi phải lấy cuộn dây định tìm quãng lên một cái chạc cây nào trên lưng núi, rút chung đôi lại rồi vúi lấy mà sang.

Bỗng người con gái Thổ giữ lấy tay tôi nói:

- Thôi! Không phải đi nữa.

Tôi vừa ngật ngưỡng vừa nhìn cô ta, lấy làm kinh dị. Cô Thổ điềm nhiên nhắc lại:

- Thôi, không phải đi nữa: Đến nơi rồi!

- Sao? Đến nơi?

- Phải.

- Ô quái lạ! Quái lạ! Quái lạ! - tôi nghĩ bụng thế - người con gái này thực kỳ quái, nó định trêu mình đây hay sao?

Tôi nhìn mặt người con gái để dò xét ý tứ, nhưng cô ta không nhìn tôi và có ý quay mặt đi. Tôi vừa bực mình vừa lo ngại, quát khê lên một câu:

- Làm sao lại thế này!

Cô ta không trả lời. Ánh trăng chiếu vào sắc da người con gái, lúc ấy xanh bệch như da người chết. Nét mặt sất lại như lo sợ hay tức giận, miệng mím vào một cách đặc biệt, rồi bỗng nói rất nhanh:

- Ở dưới cầu này có một người ngã xuống chết!

Tôi còn chưa hiểu, hỏi lại, thì cô ta nói luôn:

- Người ấy là một người đàn ông cùng đi với tôi, rồi lỡ chân rơi xuống đây chết.

- Cùng "đi chơi" với cô à?

- Ừ.

- Thế làm sao, nói mau! Sao cô lại gọi tôi đến?

Cô Thỏ nói:

- Tôi nhờ anh đem nó lên đây cho tôi.

- Nhờ tôi? Sao lại nhờ tôi. Nhờ tôi mà được à?

Cô ta điềm tĩnh không đáp câu hỏi của tôi, nhưng trở xuống dưới gầm cầu mà bảo:

- Kia kia, nó ngã xuống mắc vào cành cây ở lưng chừng núi kia kia.

Tôi chú mắt trông, chỉ thấy nước thác chảy xuống từng bậc, bọt sùi lên trắng như tuyết ở chung quanh những tảng đá cuội lù đen.

- Đâu nào?

- Ở cái cây kia mà. Kia kia, chỉ có một cây thôi, mà nó ở lưng chừng núi.

Tôi quỳ gối, đầu cúi về phía trong mà trông xuống thì quả thấy ngang núi đâm ra một cây nhỏ, rễ ăn chặt vào, có lẽ sâu lắm, nên đất lở đến tận chỗ ấy mà cây vẫn vững nguyên. Mình cây cong cong ở chân rồi đâm vát lên trời, cành lá xò ra gần che mất một nửa mình người bị nạn. Lúc ấy tôi chỉ trông thấy có một cái vai dốc xuống mắc vào gốc cây.

- Các người đi xem hát hội ở làng xa hết cả (người con gái nói). Tôi đi tìm chỉ thấy có anh, tôi mới định nhờ anh lấy nó lên hộ tôi.

- Ừ thế làm sao không nói thực ngay để cho tôi... (tôi nghĩ đến những cử chỉ của tôi trong lều) để cho tôi tưởng cô đến rủ tôi đi chơi thực?

Cô gái mỉm cười một cách nhạt nhẽo:

- Tôi sợ anh không đến, tôi phải nói thế...

Thấy tôi có dáng nổi giận, cô vội nói thêm:

- Mà rồi tôi cũng về với anh kia mà!

Tôi vừa lườm vừa nhại:

- Hừ ! Về - với - anh!

Cô Thổ lại hết lời nói với tôi những câu rất ngọt ngào và thiết tha; mặt thì nhợt nhạt, mắt thì long lanh mà miệng vẫn gượng cười; giọng nói khác đi, hình như cô ta cố nén sự cảm động.

Tôi không nỡ từ chối giúp đỡ cô ta. Nhưng tôi không giấu cái bực mình, vừa tìm cách xuống đến cái cây vừa gắt.

Chỗ sườn núi lở, dốc như bức vách nghiêng, mà trừ cái cây giữ lấy người chết cách chúng tôi khá xa, thì chả còn bầu vùi vào đâu được nữa; người bị nạn chắc hẳn ngã về phía trong, nên mới tình cờ mắc vào gốc cây đó, chứ nếu ngã phía ngoài hay ngã nhích ra chút nữa thì không còn mình xác nào. Tôi giở cuộn dây ra, nằm úp mình trên cầu rồi ròng dây xuống ướm thử. Cái dây dài được hơn hai chục thước mà thả đến chỗ ấy cũng không thừa được bao. Tôi thử tìm cách buộc vòng, câu lấy người chết lên, nhưng vướng nhiều cành nên không làm thế được. Tôi lại phải kéo dây lên thắt hơn một chục nút để cho dễ bám. Trong khi ấy người con gái lặng lẽ ngồi bên cạnh tôi mà xem.

Nước thác vẫn réo ào ào, làm tăng cái vẻ to tát của chốn núi vực cao sâu ở dưới bóng một vành trăng ngàn năm lặng lẽ.

Tôi nhìn cô Thổ thì cô ta nhìn lại, tôi cau mày mắng:

- Buộc đi chứ, ngồi đấy à?
- Buộc gì?
- Thì thắt nút đi chứ!

Cô ta lôi một phần dây lúng túng thắt được một nút rồi hỏi:

- Anh làm những nút này làm gì thế?

Tôi không thèm đáp. Rồi thấy cô ta cứ dang tay kéo dây mãi chưa thắt được vòng nào thêm, tôi tức mình giật về, không khiến nữa.

Nút thắt xong tôi buộc rất chắc chắn một đầu dây vào ba thân gỗ về phía núi; bỏ mũ ra; bảo cô Thổ giữ lấy mỗi buộc chắc chắn để tôi leo xuống. Chân tôi đạp vào đất núi làm cho cát bụi ở đấy theo gió bay cả vào mắt mũi tôi. Tôi vừa buông một tay để dụi thì "sựt" một tiếng ở đầu dây. Tôi lạnh cả người vội quát:

- Cái gì thế, cái gì thế?
- Không hề gì. Cái mối dây nó thắt chặt lại đấy mà.
- Phải cẩn thận, nghe không! Phải nằm xuống mà giữ!

Cô Thổ trên cầu nằm áp người xuống, hai tay nắm lấy phần đầu dây.

Xuống đến nơi, tôi bẻ mấy cành lá đi cho quang, và để chân lên một cái chạc dún thử mấy cái. Cây này là một giống ổi rừng, thân già quánh và to. Lúc đứng trên cầu tôi tưởng là một thứ cây dai và mềm vì thấy nó nhỏ lắm, nên định buộc cuộn dây vào người, ôm lấy cái xác mà bảo cô Thổ kéo lên. Như thế thì khó nhọc vô cùng, chưa chắc người con gái Thổ đã kéo nổi.

Nhưng bấy giờ tôi lại tính cách khác. Người chết là một người đàn ông to lớn mặc quần áo tây vàng; hai chân dặng ra, áp với núi và đâm ngược lên trời, mình úp vào trong nên tôi không thấy mặt. Hắn bị mắc vai bên phải vào ngay gốc cây và hình như bị nát cả cổ và có lẽ gãy xương đâm vai; nhưng máu chỉ đầm ra ngoài áo có một ít. Một cánh tay nắm lại chọc vào núi, còn tay kia bị đè ở

dưới mình. Tôi ngồi quắp lấy một cành to, trông lọng dây vào hai chân người kia rồi lựa cho lách xuống đến tận thất lưng.

Mặt trăng lúc ấy mới lọt một phần xuống sau đỉnh núi trước mặt. Tôi trông thấy bóng cây với bóng người tôi in lên cái thây chết. Những cành lá theo gió và theo cách cử động của tôi mà lung lay một cách bình yên.

Xem cách ăn mặc của người chết thì tôi đoán là một người Thổ "văn minh" giàu có, hoặc một người Kinh buôn bán ở đường rừng.

Tôi bám dây tụt xuống, để một chân lên mình người chết và ghì cho cái trông ở lưng hấn thắt vào rõ chặt rồi đạp chân kia vào núi, tôi đu người tôi sang một bên. Vai cái xác liền rời ra cùng với một loại đất vụn rời xuống: Người chết đã nằm ngang ra dưới đầu dây. Cổ hấn treo về một bên và hơi ngật ra đằng sau; tóc bộn bề và ướt đẫm, da xám như mầu đá mài.

Tôi lại ngồi lên một cành cây nắm lấy vai hấn dịu lại xem cho rõ mặt. Nhưng tôi kêu lên một tiếng kinh dị: ô lạ này!

Người bị nạn nào phải ai đâu? Chính là ông Ba-đi-ghệt!

Phải, ông Ba-đi-ghệt, cái người mạo hiểm táo tợn chúng tôi vẫn biết tiếng, mà tôi mới gặp được hơn nửa tháng, trong một làng ở gần Pa Khá. Ông này đi trước chúng tôi đã lâu kia mà, sao bây giờ lại vẫn ở đây, rồi lại chết thảm hại thế này? Mà sao người con gái Thổ kia lại...

Tôi thoáng nghĩ đến một điều làm cho tôi cảm tức.

- À thì ra (tôi lẩm bẩm nói thế) thì ra họ trăng gió với nhau đã lâu, hôm nay đi chơi trên cầu này rồi một người rơi xuống chết, rồi nó tìm mình đến, nó dụ mình đến để mình gỡ xác tình nhân nó lên!

Hai con mắt ông Ba mở lim dim như ngủ gà, như xem cái tức giận trong lòng tôi. Trên cái mặt đầy những máu, máu đọng đen thẫm lại một bên, hai môi đầy trên lún phún một hàng râu; miệng thì nhả một cái cười kinh khiếp.

Tôi liền buông tay ra bám dây leo lên cầu. Người con gái hỏi, nhưng tôi lặng thinh. Lên tới nơi tôi nhìn nó một cách rất khinh bỉ.

Nó hỏi nữa:

- Sao? Anh? Xong rồi chứ?

Tôi cười gằn:

- Xong. Chỉ cứ việc kéo tình nhân chị lên!

Nó chỉ trông tôi một cái nhanh, không nói gì, chống tay ngồi lên rồi mồm môi kéo.

Nhưng cái xác nặng lắm, nó ngã hẳn người ra mới lên được một chút, rồi lại để tụt xuống ngay. Tôi thấy nó làm ngứa mắt liền vuốt tóc lại bên kéo đỡ. Không đầy năm phút cái xác đã lên nằm trên cầu.

Tôi toan cuốn xong cái dây thừng rồi mới hỏi xem người con gái định xử trí ra sao, thì bỗng thấy nó cười nhạt một tiếng nghe lạnh đến xương tủy. Tôi ngẩng lên nhìn.

Bấy giờ cô thiếu nữ dịu dàng ở trong lều không còn đó nữa. Tôi chỉ thấy một người con gái kỳ dị, đang nghiêng răng mà lăm bắm ở trước mặt tôi. Nó vẫn xóc nách người chết để ngồi rũ dưới chân, trông thẳng vào mặt tôi nhếch mép một cái, rồi nói:

- Anh tưởng nó là tình nhân tôi hả? Không! Nó là kẻ thù của tôi. Tại sao? Nó giết mất anh Cẩm của tôi. Anh Cẩm là người sắp lấy tôi, mà nó giết đi, rồi quăng xuống đây cho mất xác.

Nói đoạn nó chỉ tay xuống những từng nước trắng xóa ở dưới. Tiếng thác chảy như dữ dội thêm. Nhưng cái trường hợp ấy làm tôi quên cả ghê rợn.

Người con gái lại nói - phải nghe giọng nó nói mới thấy được cái cảm giác của tôi lúc bấy giờ.

- Nó nhiều tiền, nó muốn lấy tôi, nó đến dụ tôi, tôi bằng lòng ngay; nhưng tôi bằng lòng ở với nó để lừa giết nó. Tôi rủ nó đến đây chơi, nó không nghi ngờ, tôi liền chém cho nó một nhát. Anh trông đây này!

Tôi trông.

Ở sau gáy ông Ba quả có một nhát dao bổ thực sâu, nhưng chỗ ấy máu đọng lại thâm xỉ nên lúc này tôi không để ý.

- Tôi chém nó (lời người con gái) để cho nó cũng chết ở dưới cầu này, để chồng tôi... (giọng nói ngày một thêm đầy, gần như nghẹn ngào) để cho chồng tôi trông thấy được hả dạ... Nhưng mà nó

không rơi xuống thác, nó lại vướng vào cây. Tôi muốn cho nó rơi xuống đến tận dưới thác kia, tôi mới gọi anh đến. Bây giờ anh đứng mà xem.

Trước cái dáng điệu kia, cái giọng nói kia, tôi không biết trả lời ra sao cả. Tôi cũng không biết xử trí thế nào nữa; tôi đứng ngẩn ra nhìn.

Trông con mắt lóng lánh của người con gái, cùng với cái mặt đanh thép kia, tôi tưởng như thấy cái khí chất rừng núi, cái tâm hồn Thổ Mán hiện ra.

Tôi vẫn ngẩn ra nhìn.

Người con gái lại cười nhạt mà lấy lại câu lúc nãy:

- Bây giờ anh đứng mà xem.

Nói xong, nó đứng dạng hai chân ra, cái mép váy đằng trước căng thẳng bởi hai ống chân hơi thô và trắng. Một tay nó xốc ông Ba đứng dậy, một tay nữa nâng ở ngang lưng. Tôi toan dò bước đến gần thì đã thấy người con gái dướn mình văng cái thân chết xuống. Rồi, không biết vì quá đà hay cố ý, cả người con gái cũng văng theo...

Mặt trăng kia đã kín đáo ẩn mình sau đỉnh núi; hai cái thân người trên cao rơi xuống một tiếng gôm ghê trong những tiếng thác đổ âm âm không bao giờ ngớt.

Rút từ tập truyện ngắn Vàng và máu, 1934.

CÁI ĐẦU LÂU

Chiều hôm đó, tôi ngồi chơi với Ngô Đàm trong phòng sách của anh ta. Sau một hồi chuyện phiếm, bạn tôi lấy ra một cái hộp gỗ trắng đem khoe tôi:

- Tôi mới mua được cái này hay lắm.
- Cái gì?
- Rồi anh sẽ biết.

Nấp hộp mở, anh lấy ra một cái đầu lâu lớn, nung nhẹ đặt lên bàn, rồi nhìn tôi mỉm cười. Tôi hỏi:

- Anh mua vật này làm gì?

Đàm không trả lời ngay, lim dim mắt, gạt tàn thuốc lá và thông thả nói:

- Cái đầu lâu là biểu hiện sự chết, là một vật mà các nhà hiền triết hoặc tu hành bên Âu châu thường bày trước mặt, bên những chồng sách đầy bụi bám để suy nghiệm về những lẽ huyền bí của "đời sau". Đối với một nhà thông thái thì đó là một vật khảo cứu cũng như viên đá lạ, một chất hóa học hay một ống cây vi trùng. Tôi không phải là nhà hiền triết, không phải là nhà tu hành hay nhà thông thái, nên cái đầu lâu đối với tôi là một thứ bài trí ghê gớm, một thứ đồ... "mỹ thuật" của người hiếu kỳ như tôi. Nhưng có lẽ trong những lúc đọc sách ở nơi tĩnh mịch này, trong những khi suy xét về những điều bí hiểm của sự chết, của đời người, thứ đồ "bài trí" kia sẽ là một vật kích thích cho trí tưởng tượng của tôi... Biết đâu bạn anh sẽ chẳng là một nhà tư tưởng trầm mặc như nhà hiền triết, nhà tu hành?

Câu nói văn hoa, nửa nghiêm trang, nửa đùa cợt của Đàm khiến tôi hơi ngạc nhiên, nhìn bạn.

Bổng cửa phòng bật mở, một người thiếu niên mặc âu phục bước vào, chưa kịp nói gì đã trông thấy cái đầu lâu, rồi đứng đực ra đó. Đàm hỏi:

- Kia, anh Chung, sao hôm nay trông kỳ khôi thế?

Lúc ấy, Chung mới ngoảnh lại sẽ gật đầu chào tôi, rồi lại trân trân nhìn cái đầu lâu trên bàn, mãi mới nói:

- Ô anh Đàm! Anh cũng có cái này ư?

- "Cũng có?" Thế ra tôi không thể có một cái đầu lâu được sao?

- Ô, thế anh không thấy gì lạ chứ? Anh không thấy gì ư?

Chung ngồi xuống, đưa tay vuốt tóc, mặt hầy còn vẻ lo lắng, nhìn hết tôi đến Đàm rồi đến cái đầu lâu. Anh nói:

- Sao lại có sự ngẫu nhiên lạ thường đến thế? Tôi đến đây cũng định thuật cho anh nghe về cái đầu lâu ở nhà tôi... thì lại gặp ngay chính vật này... Chính cái đầu lâu này. Tôi đã tưởng nó đang ở nhà tôi biến lại đây, nên tôi mới sững sốt đến thế. Để tôi kể đầu đuôi câu chuyện các anh nghe.

Chung lấy chén nước uống cạn một hơi, lóng cồng châm điều thuốc lá rồi nói tiếp:

"Trước kia tôi vẫn ở trên Hàng Bông như anh đã biết. Nhưng cách đây nửa tháng, anh Lịch là người học trường Mỹ thuật mới ra năm nay, tìm được một cái nhà ngói ở ngoại ô để làm phòng vẽ. Nhà ấy một tầng chia làm hai căn rộng. Lịch ở một căn còn một căn gọi anh Thao học năm thứ hai trường thuốc với tôi đến ở cho vui và chịu đỡ Lịch ít tiền thuê nhà.

Chỗ này ở xa thành phố, chung quanh toàn bãi cỏ, một mặt ngoảnh ra phía đường cái. ở chỗ yên tĩnh như thế để học hành, lại rẻ tiền nhà, mà có hai người bạn cùng nhả nhận tử tế cả thì còn gì dễ chịu hơn. Tôi không bao giờ phàn nàn nếu trưa hôm kia anh Thao không có cái ý kiến kỳ quặc đem về nhà một cái đầu lâu.

Đầu lâu thì tôi không lạ gì. Hồi còn học trường Bưởi, tôi đã được trông thấy nhiều lần ở phòng thí nghiệm. Nhưng cái mà anh Thao lấy ở nhà thương về lại là của một tên tù mới chết, trông còn mới, trắng hơn cái này nhiều, mà xương chưa được khô lắm. Thao xem ra quý hóa cái vật quái gở ấy lắm. Tôi thì không. Tôi thoát

trông thấy nó bỗng ghê rợn cả người... Có lẽ vì tôi thoáng nghĩ đến cảnh hiu quạnh chung quanh nhà của chúng tôi, hay có lẽ tôi vừa mới đọc xong những truyện linh hồn hiển hiện anh cho mượn ngày trước... Cái đầu lâu đặt trên bàn học anh Thao kê gần cửa sổ lúc nào cũng như chăm chú nhìn tôi bằng hai con mắt đen và rỗng, mà hai hàm răng thì nhe ra một cách chế giễu độc địa. Tôi có cái cảm giác khó chịu hình như "nó" biết cả những điều tôi nghĩ thầm. Tôi sinh ác cảm với "nó" và chắc hẳn "nó" cũng không ưa gì tôi. Cái vật trơ trơ kia không ngờ lại làm tôi băn khoăn đến thế. Tôi lấy đủ các nhẽ để tự nhủ mình cũng không xong, mà nỗi lo ngại của tôi mỗi lúc một thêm nặng nề như đè nén mãi lòng mình.

Tối hôm ấy, thấy bứt rứt trong người, để Thao ngồi học một mình, tôi đi nằm trước. Anh Lịch ở phòng bên cạnh vào nói mấy câu chuyện rồi lại ra ngay. Tôi nằm đó chừng đến hơn một giờ đồng hồ mới ngủ đi được. Nhưng cả trong giấc ngủ, tôi vẫn bị cái đầu lâu kia ám ảnh hoài. Tôi nằm mơ toàn thấy những đầu lâu với xương người, hay những cái ghê sợ hơn thế. Một lần tôi hốt hoảng thức dậy thì ngọn đèn cây trên bàn học anh Thao đã tắt, trong nhà tối đen như bưng lấy mắt, bên ngoài cũng vậy, vì tôi cố tìm cái cửa sổ chần song sắt cũng không trông thấy đâu. Bên cạnh tôi anh Thao chừng đã ngủ say, tiếng thở đều và thông thả. Thỉnh thoảng một tiếng ngáy ở buồng anh Lịch lại đưa sang. Mọi vật quanh nhà đều im lìm. Không một tiếng lá bay, không một hơi gió thoảng. Tôi muốn quên mà không thể quên cái đầu lâu kia được. Tôi thấy hình như nó có tri giác, nó "vẫn còn thức" và trong bóng tối, đang nhìn trừng trừng mắt nhìn sự kinh khiếp của tôi.

Bỗng nhiên tôi thấy lạnh tái người đi. Từ phía bàn giấy anh Thao, tôi chợt nghe thấy những tiếng ken két như hai hàm răng nghiền vào nhau. Tiếng ấy nghe mỗi lúc một rõ dần, mà lâu đến gần một phút. Trước tôi còn muốn tin là tiếng anh Thao nghiền răng trong mơ. Nhưng Thao nằm bên cạnh tôi, mà tiếng kia thì rõ ràng ở bàn giấy đưa lại. Tiếng nghiền răng vẫn không dứt, nghe ra giận dữ và ghê gớm hơn lên... Tôi vội nắm lấy cánh tay anh Thao, hết sức lay. Thao thức dậy hỏi thì tiếng nghiền răng lại ngừng bật. Tôi ghé tai Thao nói rất nhỏ:

- Này Thao ạ, tôi vừa thấy một việc lạ quá!
- Ở đâu?

- Ở cái đầu lâu.
- Có lẽ nào?
- Cứ để yên mà nghe.

Rồi chúng tôi không nói gì thêm, lắng tai nghe ngóng một lúc thì lại thấy như trước, tiếng nghiến răng cứ trước nhỏ, sau to dần. Thao liền đứng phắt lên, chạy lại bàn đánh diêm thắp đèn: cái đầu lâu vẫn nguyên chỗ cũ, nhưng lúc ấy ngoảnh mặt nhìn về phía giường tôi nằm.

Chúng tôi nhìn khắp nhà một lượt. Không có gì lạ. Cửa sang phòng anh Lịch vẫn đóng kín. Cửa sổ tuy không có cánh, nhưng có chấn song sắt, mà cái bàn giấy của Thao kê xa đó những năm sáu bước, áp vào bức tường đối diện với giường của chúng tôi.

Thao bảo tôi rằng những tiếng vừa rồi là tiếng chuột gặm, nhưng chính anh cũng biết nhà chúng tôi không có qua một con chuột nào. Và cái tiếng lúc nãy nghe to, nghe rõ một cách khác thường lắm.

Thao thấy tôi lo ngại cũng không bình tĩnh được, nhưng anh cố tìm lời an ủi tôi.

Chúng tôi để đèn rất lâu chờ xem, song không thấy gì. Nhưng khi tắt đèn lên giường nằm chưa đầy nửa giờ, thì cái tiếng nghiến răng lúc nãy lại bắt đầu, mà lần này thêm dữ dội.

Lúc ấy, cây đèn để ngay cạnh giường ngủ. Tôi chấp ba que diêm làm một bật lên thắp. Trông sang bàn giấy thì cái đầu lâu đang lắc lư như thăng phồng nhựa của trẻ con chơi!

Ngô Đàm bỗng phì cười lên thì Chung có ý không bằng lòng.

"Quả thế, cái đầu lâu cứ nhả nhỏ, lắc lư đến nửa phút. Mà chả có gì đáng cười hết. Chính anh Thao là người không sợ gì cả, lúc ấy cũng phải kinh ngạc mà nhìn tôi.

Suốt đêm ấy, chúng tôi không ngủ, cứ để đèn ngồi rình thì lại không thấy xảy ra việc gì nữa.

Sáng hôm sau (tức là hôm qua) chúng tôi nói chuyện ấy cho anh Lịch nghe thì anh cũng không tin. Sau thấy tôi nhất định nài anh Thao đem cái đầu lâu vứt đi, Lịch mới cho là chuyện có thực. Nhưng anh nói:

- Đã thế thì để đêm nay tôi cũng rình xem, rồi có thể nào vút đi cũng không muộn.

Thì đêm qua cũng lại giống đêm trước. Cứ tắt đèn được một lúc lại thấy cái đầu lâu nghiêng răng ken két mà thấp đèn lên lại thôi.

Tôi nhân đọc các sách anh cho mượn và gần đây lại được đọc một đoạn dật sử về hồi đại cách mệnh Pháp, thấy kể chuyện những thủ cấp sau ba, bốn giờ vẫn còn sống được, nên tôi càng cho việc cái đầu lâu kia nghiêng răng là một việc phi thường. Bây giờ thì tôi tò mò hơn là khiếp sợ. Tôi bảo Thao cứ để yên cái đầu đấy và đến rủ anh ngủ ở nhà chúng tôi một tối xem. Tôi vẫn biết anh hay để ý đến những thứ chuyện kỳ dị này lắm".

*
* *

Ngô Đàm vui lòng nhận lời. Tôi cũng ngờ ý muốn đi với anh ta một thể và cùng hẹn đến tối sẽ có mặt ở nhà anh Chung.

Lúc Chung ra khỏi, Đàm xoa tay mỉm cười một mình. Tôi hỏi ý anh về chuyện vừa rồi ra sao, thì Đàm chỉ nhún vai, nói:

- Tôi sợ không gặp được cái ly kỳ như anh Chung nói, không khéo lại chỉ là một câu chuyện buồn cười thôi. Nhưng dẫu sao, ta cứ đi xem, không biết đâu mà nói trước được.

Bấy giờ rưỡi hôm ấy chúng tôi đến nhà thì các anh Thao, Chung và Lịch đang ăn cơm ở phòng vẽ của Lịch. Đàm đứng xem mấy bức vẽ than của Lịch được chừng năm phút thì các anh ăn xong. Chúng tôi sang cả phòng bên kia nói chuyện.

Trước hết, Đàm đi lại bên bàn cầm cái đầu lâu ngắm nghía mãi. Mặt anh có vẻ nghiêm trang như nhà thông thái đang khảo cứu, nhưng đôi mắt tươi cười một cách hóm hỉnh. Bỗng anh quay lại hỏi Lịch:

- Anh có thấy gì lạ ở cái đầu lâu này không?
- Không.

- Giá lúc anh cầm nó lên xem, anh chú ý chút nữa, thì thấy bốn chiếc răng trong cùng hà gần một nửa.

Lịch ngạc nhiên hỏi:

- Nhưng sao anh lại biết tôi đã cầm lên xem?

- Có gì là lạ. Anh cầm lên xem cẩn thận lắm, nhưng lúc chực bỏ cái quai hàm dưới ra để xem bộ răng thì trượt tay suýt đánh rơi xuống bàn. Có phải không?

- Phải. Nhưng sao anh biết?

- Tôi thường đọc sách của Conan Doyle, nên cũng tập được một đôi chút tỉ mỉ. Những vết đen này là bởi than vẽ ở ngón tay anh ra... Chỉ cần để ý một chút cũng thấy được. Anh đang vẽ ở phòng ngoài chắc chột nghĩ đến cái đầu lâu, nên vào xem thử chứ gì?

Rồi Đàm đi khắp gian nhà, cúi nhìn các chân tường một cách cẩn thận như người đi tìm một vật quý đánh rơi. Anh lại nhờ Lịch cầm đèn ở phòng bên sang, còn tự anh cũng cầm cây đèn bên cạnh cái đầu lâu, và bảo dẫn đi xem chung quanh nhà.

Bên ngoài tối như mực. Trên trời mây ám không có một ánh sao nào. Ngoài một hàng dóc rào mau, xa xa thấy một đám sáng chiếu lên: đó là thành phố Hà Nội. Sau một cuộc tìm xét rất kỹ càng, nhưng rất vô ích, Đàm đạo mạo như một nhà trinh thám, bước vào trong nhà rồi xoa hai tay vào với nhau. Thốt nhiên, như sự nghĩ ra điều gì, anh nói:

- Tôi khờ quá, không đem cái đèn bấm ở nhà tôi lại.

Thao nói:

- Hay để tôi lên phố mượn?

- Anh chắc có mượn được không. Thôi để tôi về nhà lấy vậy. Phiên thực, nhưng thế chắc chắn hơn.

Lúc Đàm trở lại thì đã gần mười một giờ: anh đi nửa đường thì xe đạp nổ bánh.

Chúng tôi để sẵn diêm với đèn gần tầm tay. Cái đèn bấm Đàm trao cho Chung, còn anh ta thì ngồi ở một cái ghế thấp bên cạnh cửa sang phòng anh Lịch. Trước khi tắt đèn, Đàm dặn chúng tôi không ai được làm gì, nếu không có lời anh ấy bảo.

Đèn tắt. Bóng tối dày đặc trong nhà. Tôi đưa tay lên tận mắt cũng không trông thấy. Thao với Lịch nằm sát vách, còn Chung và tôi thì ngồi ở mép giường. Không ai nói qua một lời. Tôi nghe hơi thở của Chung thì biết anh ta hồi hộp lắm.

Cái lo ngại dần dần ám đến. Mà sự yên lặng ở gian phòng có nhiều người này lại càng có vẻ khác thường. Chúng tôi cùng hết sức lắng tai, tiếng đồng hồ đeo ở tay anh Lịch nghe rõ mồn một. Tôi đếm tiếng tích tắc để biết thời giờ, nhưng mãi cũng sinh chán, và trong lòng lúc ấy thấy nôn nao một cách lạ. Tâm linh hình như bị kích thích và hình như báo cho tôi biết trước có một điều ghê gớm sắp xảy ra...

Có lẽ chúng tôi ngồi đó đã ngót một giờ, có lẽ lâu hơn nữa; mà tịnh không thấy một tiếng động nào hết. Hai anh Thao và Lịch chùng như đã ngủ, tôi đưa tay định xem họ còn thức không thì bỗng Chung nắm chặt lấy cánh tay tôi, nói khế quá đến nỗi tôi phải đoán ra chứ không nghe rõ:

"Im! Nghe!"

Tôi chú ý nghe thì quả nhiên thấy có tiếng ken két nghiêng rảng thực. Lúc ấy tôi mới hiểu cái khiếp sợ của Chung. Lúc ấy tôi mới thấy rõ ràng cái ghê rợn của người gặp ma quái. Tay Chung vẫn nắm chặt lấy cánh tay tôi, nhưng hơi run run. Còn tôi thì cứ muốn quát to lên, quát rất lớn để phá tan cái yên lặng ghê gớm lúc đó.

Thấy hơi nóng ở sau gáy, tôi biết hai anh Thao và Lịch đã ngồi dậy. Tôi tráo mắt nhìn bóng tối đen đặc và mỗi lúc tưởng thấy hình thù dị thường hiện lên.

Tiếng nghiêng rảng càng lâu càng rõ thêm. Thỉnh thoảng ngừng lại một giây rồi lại nghiêng nữa. Đàm ngồi trên chiếc ghế gần đó có lẽ cũng sinh nát đảm: chúng tôi không trông thấy anh, mà đợi mãi cũng không thấy anh bảo sao.

Hốt nhiên, từ phía đầu lâu, một tiếng quái gở gào lên trong những tiếng cười nghe sồn tóc gáy. Mọi người đều vùng dậy, tôi không đợi anh Đàm nữa, vớ lấy diêm đánh, mà Chung cũng bật đèn bấm lên.

Cái đầu lâu lắc lư như điên cuồng, và ngay cạnh đấy, một vật đen ngòm đang giãy giụa. Mắt chúng tôi khi đã đỡ chói thì nhận ra đó là một con mèo đen bị giữ trong tay Đàm.

Đám lúc ấy, tay thì giữ mèo trên bàn, nhưng người thì ở dưới gầm bàn. Anh cả cười lách chui ra, vừa gặp lúc chúng tôi ồ cả lại. Con mèo giương mắt kinh hãi nhìn chúng tôi. Một con mèo to, đen, mà gầy, lông mọc xờ xạc không đều và không mượt.

"Đấy (lời Đàm nói) cái quái dị mấy hôm chỉ là ở con vật đối khốn nạn này mà ra cả. Các anh nên nhớ rằng cái đầu lâu vô tri giác kia còn mới, mới lược xong, vẫn còn hơi thịt... Từ lúc anh Chung mới kể chuyện, tôi đã ngờ thế... Đến lúc xem lại cái đầu lâu với cái cửa sổ không có cánh này, thì tôi đã hơi chắc. Mà bây giờ thì đã nắm được, hì! Đã nắm được "điều huyền bí" ở trong tay".

Sự lo sợ của chúng tôi bấy giờ lại đổi ra sự kinh ngạc. Vì có ngờ đâu câu chuyện kỳ quái ấy chỉ gây nên bởi một con mèo.

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường Thiên lôi, 1936

CÂU CHUYỆN TRÊN TÀU THỦY

Nhân nói đến những sự nhùng nhể trên tàu thủy, người đàn ông trạc năm mươi tuổi, mặc áo bông đoạn, đeo kính trắng gọng vàng, trông ra vẻ một ông ký về hưu, nằm hút thuốc phiện trong phòng hạng ba của chiếc tàu chạy Hòn Gai, có kể cho tôi câu chuyện như sau.

*
* *

Tôi biết một người kẻ cắp rất giỏi, tên là hai Nhiêu, người Ninh Bình. Bác ta rất thông minh, thiệp nhã, lại "quân tử" nữa. Quân tử trong phường kẻ cắp - cố nhiên. Không bao giờ bác thèm lấy của người nghèo. Ăn cắp đối với bác không phải là một nghề kiếm cơm, đó chỉ là một cách giải trí của tay chơi, hay có thể nói là một... "nghệ thuật". Bởi thế việc lấy cắp càng khó, càng nguy hiểm, hai Nhiêu càng thích. Bác ta khi đã "nhằm" món nào, tất món ấy phải lắm tiền, mà đã cố ý lấy tất không bao giờ hụt.

Từ lúc mới quen nhau do một sự ngẫu nhiên - quen nhau kể đã có trên mười năm nay - hai Nhiêu không giấu tôi cái chí hướng thích ăn cắp ấy. Nằm đối diện bên bàn đèn, bác ta thường đem những "công cuộc hành động" của mình thuật lại với tôi. Nhiều chuyện ly kỳ và lý thú lắm, kể không xiết được. Nhưng tôi chỉ chú ý đến chuyện này, vì nó khác thường hơn; hai Nhiêu thường nhắc lại luôn và gọi đó là một cái khờ đáng tức cười, một sự "thất bại" của mình lần thứ nhất.

Hồi ấy hai Nhiêu đang trở tài nghệ trong mấy sòng bạc ở Hải Phòng. Bác ta thí nghiệm ngón khôn khéo trên túi ai là cái túi

ấy sẽ phải rỗng. Nhưng bác lại có tính máu mê, được đồng nào của con bạc thì lại nướng cho nhà cái hết. Đang lúc lập một mưu "chưa xuất bản" để ăn to, bỗng có tin nhà ra báo cho biết rằng vợ hai Nhiêu ốm nặng.

Là ăn cắp, nhưng cũng là chồng tốt, hai Nhiêu phải đến vay tạm tôi dăm đồng để về thuốc thang cho vợ. Rồi ngay chiều hôm đó đi tàu thủy xuôi Nam. Xuống đến tàu, công việc thứ nhất của bác là đi xem xét mọi nơi: bác ta mong gặp được cái may có thể giúp mình được ít tiền nữa. Nhưng hành khách tuy đông mà không người nào có "máu mặt". Phần nhiều là người buôn bán nhỏ, túi tiền không xứng đáng với tài hoa của bác; hay những người phu mỏ ốm dở trở về. Hai Nhiêu thấy họ lại cẩn thận đề phòng giữ gìn các gói hành lý hoặc đồ đạc và thấy một vài tên ăn cắp quèn lảng vảng trong đám ấy thì bĩu môi ra dáng khinh bỉ. Bác thông thả đến ghế ngồi trên mép chiếu ở gần buồng máy, uể oải mượn cái điều cây rít một hơi, rồi ngả lưng dựa vào cái cột sắt ngủ gà ngủ gật cho đến khi trong tàu lên đèn.

Bỗng những tiếng ồn ào gần đó nổi lên. Anh chàng mở độc một mắt ra coi rồi lại nhắm lại. Nhưng tiếng ồn ào lại thành tiếng quát mắng lẫn tiếng van lơn. Bác khó chịu, phải mở cả hai mắt ra thì thấy người mại bản đang xĩa xối một người nhà quê thiếu tiền tàu và nhất định đuổi người ta xuống. Hai Nhiêu bực mình quá, đứng lên can thiệp, thì người nhà quê kia lay lấy lay để, vừa nhăn vờ kêu:

- Bẩm ông, con về Nam nhưng thiếu mất một hào. Con nói với chú ấy cho chịu đến khi lên bến, con vay con trả, mà chú ấy không nghe.

Tên Khách thì cứ luôn mồm:

- Cái lầy ti tàu, không cố tên thì ti làm gì? Không! Cái lầy phải xuống tây, không có lời thôi.

Người nhà quê lại hết lời nói khéo mà tên Khách vẫn nhất mực không nghe, sau hai Nhiêu phải gắt:

- Thì người ta đến bến là có tiền, việc gì mà phải làm dữ thế. Hay là giữ lấy hành lý của người ta để người ta chuộc sau không được ư?

Tên Khách lờm:

- Cái nì không có piết! Hàng lý nó có cái này thì lấy làm gì!

Người nhà quê chỉ có một cái lồng gà rỗng, với trong đó một gói mo chùng đựng cơm nắm, và hai cái nôi đất mới, miệng bưng bằng giấy nhật trình.

Hai Nhiêu đã hối hận vì trót dây vào việc này, lại cứ bị người nhà quê bâu lấy kêu nài mãi.

- Ông làm ơn nói với chú ấy hộ. Con thế nào cũng vay trả chú ấy, chứ bắt con xuống bến này bây giờ, thì khổ cho con quá. Con lạy ông.

Còn người Khách thì cứ:

- Lạy ông! Lạy ông! Cái lầy cố tên ti tàu thì ti tàu mà không cố thì từng ti... lạy ông cái gì cơ lờ!

Rồi hăm hở toan tóm lấy ngực người đàn ông kia lôi đi.

Sự bất bình liên sôi trong máu hai Nhiêu. Bác ta chợt thấy mình là người anh hùng kẻ cả, liền gạt anh Khách ra, rút một tờ giấy bạc quảng vào mặt nó, hách dịch nói:

- Bán một cái vé về Nam Định, giữ lấy một hào của người này nữa, rồi trả lại tiền.

Tên Khách đưa vé xong vừa lảm bảm quay đi thì hai Nhiêu giữ vai kéo hẳn lại:

- Từ nay phải nhã nhận với khách đi tàu chút nữa, nghe không?

Nói đoạn, bác ta về chỗ cũ ngồi, làm bộ không thèm để ý đến những câu trầm trồ khen ngợi của mọi người gần đó.

Người nhà quê thì cảm ơn đi, cảm ơn lại, đưa cái điều cây mời Nhiêu hút và xin miếng trầu của một bà ngồi bên cạnh mời Nhiêu ăn. Lại đem nôi nôi làm ăn vát vả kể với Nhiêu để che sự hổ thẹn thiếu tiền tàu lúc nãy. Lúc hai Nhiêu thoát được những lời tử tế thái quá ấy thì người nhà quê lại đem cái lồng gà đến bên như ý gửi mình coi hộ, rồi đi ra đàng lái tàu.

Hai Nhiêu ngồi bật cười một mình, không ngờ đâu người mà ai cũng chê cũng ghét, nay lại là người được người ta yêu trọng đến thế. Bác ta lảm bảm nói:

"Giả thử ngài có của nhét chặt túi chứ không có mấy cái nổi đất kia, thì có lẽ ngài phải chờ đến mấy đời ông tổ nhà tôi chứ chẳng không".

Rồi nhớ đến những ngón khôn khéo, gian xảo của bác ta từ trước đến nay, bác ta thấy việc vừa rồi làm cho trái tim kẻ cắp của bác hơi cảm động. Không phải là vì bác đã làm được một điều thiện - thiện với chẳng thiện thì Nhiều có cần gì? - nhưng vì thấy cái cảm giác đầu tiên được những người hiền lành kia tin bác một cách chân thực. Hai Nhiều nghĩ bụng:

"Hoài của! Giá bọn này nhiều tiền thì chỉ đưa tay một cái cũng lấy được như bốn, không phải lừa lọc, rình mò".

Đợi mãi người nhà quê không trở lại, hai Nhiều ngoảnh nhìn bốn phía thì thấy người ấy nằm ngay cạnh đó, đã ngủ một giấc bình yên! Bác ta bấu mỗi bật ra một tiếng cười khẽ rồi cũng đẹp chỗ ngủ nốt.

Sáng hôm sau thức dậy, hai Nhiều đã quên việc tối hôm qua. Tàu tới Nam Định, bác ta vừa bước lên bến, thì người nhà quê tay xách cái lồng gà rỗng, đã đứng chờ đó và mời bác lên xơi với hân một chén nước cám ơn.

- Đến đây thì chúng tôi đã có nhiều người quen, chúng tôi sẽ trả lại số tiền ông cho giật hôm qua với lại xin ông để chúng tôi đền đáp lại ông một chút.

Hai Nhiều nóng về Ninh Bình ngay nhưng từ chối thế nào người nhà quê cũng không nghe:

- Chả mấy khi gặp người tử tế như ông, nếu ông không cho tôi được trả ơn, thì tôi ân hận mãi... Nào, mời ông, xin ông đừng từ chối, phụ lòng tôi.

Thấy vẻ chân thực của người nhà quê và biết không khi nào họ để cho mình đi ngay, hai Nhiều phải ưng theo vậy.

Người nhà quê mừng rỡ:

- Thế thì quý hóa quá! Chúng tôi chẳng dám phiền giữ ông lâu...

- Nào có gì mà bác phải bày vẽ ra...

- Không, nếu không có ông thì hôm qua chúng tôi bị rày rả lắm.

Câu lễ phép đi, câu lễ phép hơn đáp lại; cứ thế đến chừng năm phút, khi hai người bước tới hàng cơm gần đó thì câu chuyện kết luận bằng một câu không lễ phép mấy, nhưng nghe cũng vui tai:

- Bà hàng đâu, bà dọn cho tôi một mâm rượu thực thơm tất ấy nhé, mà làm mau lên, ông quý khách của tôi vội.

Hai Nhiêu ngạc nhiên, bụng bảo dạ:

"Có lẽ nào một người đi tàu thiếu tiền mà lại dám tiêu rộng rãi đến thế, hay là họ lại định nhờ khéo mình thêm một bữa cơm nữa đấy?".

Nhưng thấy bà hàng ra chiều quen thuộc người nhà quê, nên Nhiêu ta cũng yên bụng. Uống xong một bát nước, người nhà quê bỗng gọi bảo một người nhà quê khác đứng chờ đó, đưa cho hắn cái lồng đựng gói mo cau với hai cái nôi đất:

- Chú Ba về làng trước, đưa cái này cho bu nó cất đi, tôi còn bận một chút, xong về ngay.

Rồi quay lại bảo hai Nhiêu:

- Nào bây giờ mời ông vào hàng, xơi với tôi chút cơm rồi tôi lại xin tiền ông lên đường không dám giữ.

Cơm rượu xong, thấy người nhà quê mở hầu bao ra chi tiền cơm, hai Nhiêu không hiểu ra sao, toan hỏi nhưng sợ bất tiện. Đến lúc đưa chân ra ga, người kia lại nhất định nài lấy vé cho mình. Hai Nhiêu lại càng kinh ngạc. Người nhà quê thấy vậy mỉm cười và thông thả nói:

- Thưa ông, ông lấy làm lạ cũng phải. Nhưng việc thiếu tiền hôm qua, chỉ là một mẹo đấy thôi. Tàu Chấn Dinh này có tiếng là lắm kẻ cắp. Chúng tôi có tiền mang theo mà không làm thế, thì giữ sao được của mình?

- Vâng, nhưng tôi thấy ông chỉ mang có hai, ba đồng thì tội gì phải thế?

- Nếu hai, ba đồng thì cất đâu chẳng được. Đây tôi lại dồn một món tiền lớn về để mua cái phó lý cho tôi, lo cưới vợ cho thằng cháu, lo khao, lo vọng...

- Ô thế ra...

- Vâng, tôi về chuyến này đem những ngót năm trăm bạc, mà để kẻ cắp biết, thì tôi có khi cũng không về được tới nhà.

- Nhưng... ông giắt trong mình thì...

- Chết! Giắt trong mình nguy hiểm lắm. Tôi phải bỏ vào một cái nôi đất trong cái lồng chú nó đem về ban nãy đó.

Rồi vừa cười, người nhà quê vừa tiếp:

- Cái lồng gà với mấy cái nôi, mà lại của một anh nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu... ông tính còn kẻ cắp nào để ý đến nữa. Nếu tôi không nghĩ đến kế ấy thì ngủ yên sao được... mà nếu không làm thế thì sao tôi được gặp người quý hóa như ông.

Xe lửa về đến ga, hai Nhiêu bước lên toa ngồi mà vẫn còn choáng người đi vì tiếc của. Bác ta tìm hết tiếng độc địa để rửa cái trí khôn ngu ngốc của mình và tự hứa rằng lần sau đi tàu, không nên coi thường những cái lồng gà trong đưng có hai cái nôi đất.

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường thiên lôi, 1936.

MỘT CHUYỆN NGOẠI TÌNH

Hai người lấy nhau đã gần sáu năm.

Người đàn bà đã thay đổi nhiều về hình dung cũng như về tính nết.

Có thể gọi sự thay đổi ấy là một tiến bộ mau chóng về thời Âu hóa văn minh.

Cô gái nhút nhát, từ xưa chưa hề bao giờ ra khỏi cái tỉnh nhỏ là nơi cô sinh trưởng, quanh năm ẩn nấu bên mình bà mẹ góa cần kiệm nuôi nhau trong bóng một ngôi hàng con con, đến bây giờ đã nghiêm nhiên trở thành một thiếu phụ sắc sảo lịch thiệp, một "nữ lưu tân nhân vật" hoàn toàn.

Đó là nhờ ở khiếu dễ hóa của người đàn bà, ở cái thông minh tinh ý mà cô Lan sẵn có, nhất là ở cái ý muốn nhiệt thành gây dựng của chồng cô ta.

Toán quả là một người chồng chu đáo. Đứng đắn, chí thú, yêu đời theo một quan niệm giản đơn, có tham vọng nhưng có mực thước, anh chàng này để cả lý tưởng vào sự tô điểm cho hạnh phúc gia đình. Toán mồ côi sớm, được một ông chú họ cấp đỡ, được học ít, nhưng giỏi học tất, và đến năm hai mươi ba tuổi, thi đỗ, có việc làm chắc chắn, là lo ngay đến chuyện kiếm một người vợ xinh đẹp.

Toán biết Lan do một dịp về chơi Hưng Yên và được bà con mách mối. Anh ta mền phục cuộc đời cần cù của bà mẹ cũng như yêu thương cái nhan sắc hiền hậu của cô con. Địa vị của Toán được nhà gái coi bằng con mắt rất trọng vọng ngay từ cuộc ướm hỏi ban đầu, và đến khi "ông phán tòa sứ" Hà Nội trẻ tuổi ấy về cưới Lan, thì tất cả mọi người quen thuộc của hai họ ở Hưng Yên đều mừng cho Lan là gặp bước may quá chừng tốt đẹp.

Hôm cưới, sau khi đã nhắc lại cho con gái nghe hết những điều khuyên răn quan trọng, bà mẹ bảo riêng Toán:

- Em nó vụng dại lắm. Cậu nên dạy dỗ cho nó biết cách đối đãi với họ hàng. Tôi chỉ có mình nó, được phó thác nó trong tay cậu, cũng lấy làm yên tâm. Nó không được như người tỉnh thành, vợ cậu chẳng khác gì mẹ vợ cậu đâu, nó quê mùa lắm.

Toán cũng biết người mà anh ta chọn làm vợ không có một tý gì là tân thời. Học thức đơn sơ, sự giáo dục chỉ khuôn trong nền nếp cổ, nói năng thật thà và cử chỉ mộc mạc, Lan sẽ là một nét nâu sồng lạ mắt đặt vào giữa những hình sắc đô thị hào hoa. Nhưng Toán không hề lấy làm bận lòng. Riêng vẻ đẹp ý nhị của Lan cũng đủ thay thế cho những đức tính khác mà Toán sẽ hun đúc dần cho vợ. Khuôn mặt Lan nét thanh và dịu, đôi mắt Lan lắng chìm một màu tình tứ kín đáo dưới hàng mi cong và dài, cặp môi Lan đầm thắm ngậm một thứ duyên thâm lặng đôi khi hé ra lóng lánh ở miệng cười răng đen.

Toán ngắm vợ nhiều phút sững sờ, và khoan khoái nhận thấy mỗi lúc một hiển nhiên thêm rằng mình chiếm được trong tay một thứ ngọc báu chân chất hiếm có.

Bạn đồng sự của Toán đều khen Toán là có diễm phúc. Một ông phán già vui tính, một bữa đang giờ làm việc thấy Toán giở xem lại bức ảnh đầu tiên anh chụp chung với vợ, cũng phải gật gù:

- Vốt phăng mà ăn mặc tân thời vào thì đến hoa khôi Hà thành cũng khó mà bì kịp.

Toán cũng nghĩ thế.

Anh tìm được một hình ảnh mà anh tự thấy hay: Lan của anh mới chỉ là cô gái giữ lụa ở thôn Trữ La, chưa là nàng Tây Thi ở cung đình nước Việt.

Rồi Toán để tâm "cải hóa" Lan.

Toán mua các sách quốc ngữ về cho Lan đọc; cắt nghĩa cho Lan những trang tuần báo tranh ảnh của Pháp nói về "đời sống mới" về thời trang. Anh rèn tập cho Lan ham chuộng những lối cư xử ăn nói của người "tỉnh thành". Anh lựa những lời khôn khéo để Lan sớm thấy sự quê mùa trong cách xưng hô của Lan lúc ban đầu. Lan dần dần quên hẳn được tiếng "nhà" mà cô ta vẫn hay dùng, cho

đó là tiếng gọi chồng âu yếm nhất. Đến lúc vợ chồng gọi nhau là "mình" khi thân mật, rồi lại gọi nhau bằng tên nữa thì Lan đã bỏ hết mọi vụng dại và khép nép của cô gái quê. Toán không ngại tiếp đón đãi đằng cả những bạn hữu sang trọng nhất. Một đôi khi (lúc đó đã ở với nhau được hai năm, Lan đã cạo răng và chỉ ưa mặc quần tơ trắng) chồng đã thấy hãnh diện đi chơi với vợ ở một vài đường phố đông người. Lan mặc trang phục mới càng tôn vẻ đẹp của thân hình. Cô ta đánh phấn rất khéo. Sơn phấn với quần áo đổi mới được cả cử chỉ và tính nết con người. Lan đi đứng lẹ làng trên đôi giày gót cao, nói năng hoạt bát đủ mọi điều và tỏ ra lịch thiệp không thua kém một ai trong hàng phụ nữ có chồng địa vị cao sang hơn Toán. Các bạn mới quen gia đình Toán không ai có thể ngờ được rằng vợ của Toán đã là cô dâu e thẹn với bộ yếm sồi váy lụa ngày nào. Đến Toán cũng phải ngạc nhiên. Anh thường bảo vợ:

- Lan chắc quên mất Lan trước kia rồi đấy nhỉ?

Cô trả lời:

- Lan chả quên. Toán quên thì có. Lan vẫn nhớ mãi hình ảnh Lan ngày mới yêu Toán vì đấy là kỷ niệm sâu xa nhất trong đời của Lan.

Toán mỉm cười. Câu nói văn hoa và trơn tru này chính là thứ văn chương Lan vẫn say sưa đọc.

Những cử chỉ âu yếm mới lạ, những cách vuốt ve mê mải bạo liệt, trước kia khiến người thiếu phụ rất dỗi sượng sùng, bây giờ lại chỉ làm rung động Lan trong chừng mực vừa phải...

Một buổi ẩm tắm thân lả lướt và thơm tho của Lan, Toán nhìn vào đôi mắt tươi cười của vợ và hình như thoáng nhận thấy một vẻ lạnh lẽo thờ ơ, anh bỗng gọi:

- Lan!

- Gì thế Toán?

- Lan ơi!

Đôi mày Lan nâng cao lên đợi chờ và ngạc nhiên. Lời nói của Toán có một giọng tha thiết khác lạ.

- Lan ơi! Mình yêu anh chứ?

Lan phụng phịu ra bộ dỗi và lững lờ uốn éo trong tay chồng. Lan bao giờ cũng bảo Toán:

- Em chỉ biết yêu mình. Cả tâm hồn em, cả thân thể em là của mình.

Lan biết ngăn đón cả sự ngờ vực của Toán:

- Lòng em trong sạch như nước suối. Em thấy mình cứ phải gặng hỏi, em khổ lắm! Ước gì ở đời này chỉ độc trọn có hai đứa chúng ta...

Toán ôm chặt lấy Lan, nhưng anh thở dài, và xót xa nghĩ đến hồi yêu thương thứ nhất.

Anh nhớ lại những bữa tiệc, những buổi chiều bóng, chiều dài đặc biệt; trong đó nhan sắc của vợ anh lộng lẫy trước những vẻ nhìn tối tăm vì ghen ghét và những ánh mắt lóng lánh vì ước ao...

Anh điểm lại những mặt bạn hữu từ sơ đến thân, những người đã được lời chế giễu chê bai của Lan làm cho anh hơn hớn. Một khéo mắt, một miệng cười mỉm, một bàn tay mềm mại giờ ra bắt... Những hình ảnh đó tản mạn ở bao nhiêu trường hợp đã qua, nay hiện lại cả trong trí người chồng và rõ rệt lên, có một ý tứ bây giờ mới nhận thấy.

Sự ngờ vực gieo trong lòng Toán. Mầm độc nở lên rất mau như có tay tình ma vun tưới. Toán khổ sở ghê gớm và âm thầm.

Anh tự nhủ rằng Lan không lừa dối anh bao giờ. Không! Lan không có lý nào hết yêu anh! Vả lại chứng cứ đâu? Nhưng Toán không thôi dò xét. Anh ôn lại từng cử chỉ, từng lời nói của Lan khi anh ở ngoài về, khi Lan đi chơi một mình về nhất là sau khi Lan vắng nhà buổi tối. Anh trách anh vô lý. Lan cũng đã phải bực tức với anh, và có phen phải khóc lóc. Anh yêu Lan đắm đuối hơn trước, dữ dội hơn trước. Nhưng anh càng đau đớn hơn. Cả trong lời phân trần của Lan anh cũng thấy có ý khác.

Một buổi tối thứ bảy, Toán tìm ra được nguyên do sự ngờ vực của mình.

Tối hôm đó, anh cùng Lan vào nhà hàng Gôđa phố Tràng Tiền. Lúc trở ra. Lan đi trước, anh còn ở lại trả tiền rồi ra sau. Một người quen mới trông thấy Lan, tưởng cô đi một mình, vội vã lại gần Lan và tỏ ra một sự mừng rỡ hơi ngoa, nếu chỉ là bạn thường

như mọi người khác. Thái độ ấy tuy ghì giữ lại ngay, nhưng Toán đã bắt chợt được hiệu tay chặn ngừng, kín đáo của Lan và một vẻ bên lên thoáng qua của người bạn.

Toán bắt tay người bạn kia vui vẻ như mọi lần. Anh có được những câu chào mời tự nhiên và một cách biểu lộ vô tâm rất khôn ngoan khiến chính anh cũng phải lấy làm lạ.

Toán ngạc nhiên hơn nữa khi nhận thấy tâm hồn mình sao mà lại bình tĩnh được đến thế và lại như thênh thang nhẹ bỗng hẳn đi.

Từ giã người bạn rồi, anh ân cần hỏi ý kiến Lan về những thứ hàng vừa mua hoặc những chuyện may sắm khác. Đối với Lan, với điều bí ẩn của Lan mà anh vừa chợt biết, anh có một thái độ nhã nhặn kín đáo của người lịch sự khi biết chuyện riêng của người ngoài. Anh biết cách lánh xa đi - lánh mặt với những bước rút lui rón rén. Anh cũng "không trông thấy" hai ba lần Lan nhìn trộm anh, anh ngạc nhiên rất giỏi khi Lan đã động tới các bạn hữu để dò ý anh. Phải, Toán cố đóng vai anh chồng mù tịt không biết gì, mà đóng một cách thực tài tình. Anh dụng công phá tan bằng hết đám mây lo ngại đi cho Lan.

Vì anh có một chủ ý.

Đêm hôm ấy, Toán nghe vợ nhắc lại những lời âu yếm nét mặt lộ ra được hết vẻ cảm động sung sướng và trong những ý chua chát, anh nhận thấy mức độ can đảm lặng lẽ của mình. Anh đáp lại sự vuốt ve của Lan cũng bằng những cử chỉ nồng nàn và khi hôn lên miệng Lan trước khi vợ vào phòng, Toán nghĩ đến cảnh tượng giống như lúc này, Lan ngả nghiêng trong tay người khác.

Hơn một tuần lễ không có gì lạ trong sự chung đụng của hai vợ chồng. Lan vẫn có những cơ rất chính đáng để vắng nhà, Toán hỏi chuyện và đôi khi lại nói khôi hài để Lan cười nữa. Những thứ quà kẹo bánh mà Lan thích, Toán vẫn không quên mua về, và lúc đưa cho Lan, anh vẫn trêu chọc để vợ nhắc lại những cử chỉ và những lời nũng nịu. Lan yên tâm lắm. Lan không lo giữ gìn nữa. Toán biết đã đến lúc thi hành cái mưu của mình.

Đó là một cái mưu cổ điển.

- Lan ạ, chiều thứ bảy anh phải đi Nam Định.

Toán vừa nói vừa thản nhiên đưa bức thư của người bạn mời anh xuống Nam để bàn một chuyện cần.

- Chiều thứ bảy anh đi, sáng hôm sau về ngay. Nhưng thế nào anh cũng mua nhiều quà cho Lan...

Lúc ấy là chiều thứ sáu.

Toán không nhìn cái mừng rỡ có thể trong mắt Lan. Anh bảo thằng Quýt đi giục quần áo ở thợ giặt, nói to mấy ý nghĩ thầm về cái công việc dưới Nam Định và dặn Lan sắp va ly cho anh.

Chiều thứ bảy, khi xe lửa chạy và nhìn tay Lan vẫy tiễn chào anh, Toán tính lại thời kỳ ân ái của mình với Lan: năm năm và hơn bảy tháng. Thực là ngắn ngủi, vì cái ý định anh sắp thực hành sẽ kết liễu cuộc nhân duyên này. Toán đau đớn không nặng bằng tử hờn. Cô gái tỉnh nhỏ kia đền đáp tấm tình quảng đại và chân thực của anh bằng sự lừa dối mà anh vẫn chỉ lường được ở bao nhiêu đàn bà khác. Anh không thể là người có độ lượng tha thứ. Anh cũng không để một điều tội lỗi qua khỏi hình phạt. Toán có lối hình phạt đặc biệt - không phải để trả thù cho tình ái: nó đã chết, mà để trả thù cho lòng tự ái bị trọng thương.

Anh xuống ga Thường Tín đi ô tô hàng ngược về Hà Nội và nghỉ trong một khách sạn đến tám giờ tối. Anh ăn cơm ở đó rồi thuê xe xích lô về chỗ ở của anh: bên một ngã đường vắng vẻ ngoại ô, một biệt thự nhỏ nhắn, tĩnh mịch và đủ mọi tiện nghi "để anh dựng tổ hạnh phúc". Nhà anh chia làm hai gian ngoảnh mặt ra đường. Một gian là phòng ngủ có lối ra đằng sau. Toán biết sự lợi hại của những đường lối đó.

Xem đồng hồ mới hơn tám giờ rưỡi. Đường tối và lặng lẽ như giữa đêm khuya. Anh xuống xe xách va ly thông thả bước về và thấy ánh sáng đèn ở bên phòng của Lan lọt qua cánh cửa chớp. Anh đứng lại im lìm như cái bóng và nhận thấy tiếng Lan thở thẽ từng đoạn trong tiếng thì thào đàn ông.

- Họ không đợi muộn hơn.

Anh nghĩ thầm thế và tưởng tượng đến những rung động của vợ anh trong sự ôm ấp của người chiếm quyền anh lúc đó. Toán rất bình tĩnh. Anh biết lòng yêu đến lúc ấy thực đã chết hẳn. Sự căm hờn của anh là một mối thù ghét lạnh. Như thế ghê gớm hơn. Không một chút vội vàng. Toán còn nhìn lên một vài điểm sao trên

bầu trời sâu tối. Anh biết rất rõ ràng những điều anh dự định và anh sẽ làm theo với một thứ tự tinh tường.

Toán lặng lẽ cười cả miệng để sửa soạn giọng nói. Anh trở lại phía đầu đường cách nhà độ hơn chục thước rồi bắt chước tiếng một người Sài Gòn thuê nhà ở gần đó, anh hỏi thực to:

- Ủa lạ nãy! Thầy Hai ở mô dĩa tối vậy?

Rồi đổi giọng thường, anh tự đáp:

- Ông Tư! Tôi đi Nam Định về đây...

Câu chuyện cứ điệu ấy tiếp theo. Một mình anh đóng hai vai để diễn một lớp kịch ngắn.

- Đi Nam chi vậy? Đi hồi nào?

- À đi có việc cần! Nhưng xong rồi. Tôi đã tưởng đến mai mới về được.

- Hồng đi với cô Hai sao?

- Không, Lan ở nhà. Ông Tư đi đâu thế? Vào tôi chơi đã rồi đi.

- Tôi đi dạo chút cho khỏe... Tôi dô bây giờ muộn rồi... Thầy dĩa nghỉ thôi nghe.

Một tiếng cười vui vẻ, rồi:

- Xe, đi mạy!

Toán lúc đó mới lộp cộp bước về bấm chuông gọi.

Câu chuyện vừa rồi anh cố ý kéo dài để cho người trong biết anh về, có đủ thì giờ để "thu xếp". Anh mong rằng người đàn ông không quá hấp tấp đến nỗi bỏ lại một vài tang vật và nhất là đừng quên cầu cứu tới lối cổng sau. Anh lại hữu ý gọi luôn để "người kia" đừng chạy lên đường vội. Mọi việc xem chừng nối tiếp nhau đúng như anh tính trước. Lúc thằng nhỏ vừa ngáp thắm vừa mở cửa thì anh hỏi rất tự nhiên:

- Mợ ngủ rồi à?

- Vâng, mợ con ngủ rồi.

- Cậu mở va ly bỏ quần áo ra cho tôi, đem nước uống lên rồi cho cậu đi ngủ.

Toán vào phòng Lan, mỉm cười cúi xuống nhìn vợ. Lan nhắm mắt, bần bật ngủ trong đám gối nệm rất gọn ghẽ. Cô nhúu mày lại, nhẹ nhàng giật mình khi tay chồng đặt lên vai cô.

- Lan ngủ sớm nhỉ. Em tôi ngoan quá. Việc Nam Định của anh xong rồi...

Lan hỏi trong tiếng ngáp:

- Mình! Mình về chuyến tàu nào thế?

Anh âu yếm đáp lại sự mừng rỡ của vợ và miệng cười không lộ một chút gì là mỉa mai. Toán cáo mệt, buồn ngủ, hôn vào trán vợ rồi ra. Lúc anh bỏ áo ngoài. Toán mới mím bên mép thành một cái cười khóe miệng.

Toán say sưa hưởng lấy cái thú ác nghiệt vỗ về mơn trớn Lan. Trong ba hôm - khi cái lo sợ vẫn chưa hết hồi hộp trong tâm thần Lan - anh nghỉ ở nhà, luôn luôn ngồi cạnh người thiếu phụ mà anh hỏi han, anh dỗ dành để nghe những lời giả dối ngọt ngào và để xem những điệu bộ thân yêu bất đắc dĩ. Toán thường nhìn rất lâu vào đôi mắt vợ. Anh cười để trông thấy sự hốt hoảng trong đó. Rồi điên cuồng, anh ôm ghì lấy tấm thân run rẩy, ngửa đầu vợ trên lưng ghế và dữ dội gấn một cái hôn mải miết lên miệng Lan. Nén tất cả sự ghê tởm trong lòng và giữ giọng thật ôn tồn, Toán nói với vợ những lời ca tụng quá đáng:

- Mình ơi! Lan của anh, Lan quý báu của lòng anh, anh có diễm phúc không biết ngần nào...

"Lan của anh ơi! Vợ yêu dấu, vợ trung thành của Toán..."

"Anh tự phụ vì có người vợ trong trắng, trinh bạch, hiền đức như Lan của anh..."

Những lời kiểu cách đó, sau cùng, khiến cho Lan sinh gờm sợ. Lan không thể đừng đoán thấy một sự gì khác thường...

Có lúc người thiếu phụ tưởng chừng chỉ là một xác thịt để đợi chịu sự vầy vò của Toán.

Lan lúc nào cũng e dè, luôn luôn lo nghĩ. Thái độ Toán ngày một thêm kỳ quặc.

Giữa lúc tư thế thân cận, Lan hỏi liêu một câu để dò ý Toán thì người đàn ông thốt nhiên cười gằn một tiếng, buông Lan đó, đi

ra. Một lần Toán đáp lại những lời êm ái của Lan bằng một câu vu vơ:

- Anh mới khám phá được những điều bí hiểm nhất của lòng một con người! Thật đấy Lan của anh ạ!

Lan không dám hiểu rõ hơn câu nói ấy. Lan chịu những thống khổ độc địa thái quá. Toán không để cho Lan biết chắc chắn bề nào. Sự ngờ vực này tai quái như một ác bệnh.

Sau cùng, sau hơn một tuần lễ nhục nhã, ê chề mà không dứt khoát ra sao, Lan tái người đi khi thấy Toán yên lặng bước về tay cầm một con dao sẵn lưỡi nhọn sắc và sáng loáng. Linh giác của Lan mách bảo, hay một tia lửa lạnh trong mắt Toán đã khiến Lan thấy sự chẳng lành? Lan nhìn trộm Toán luôn và lấy hết sự can đảm để giữ cho giọng nói khỏi run, cô ta hỏi:

- Anh mua cái này đấy à?

Thì Toán nhìn vợ một cách lạ lùng. Anh im lặng nhếch miệng cười và thực không có cảm giác nào rùng rợn hơn - một giọng Sài Gòn từ miệng anh thốt ra, đáp lại:

- Phải đấy! Qua mua tặng làm kỷ niệm cho mình đó.

Những câu sau, cũng bằng thứ tiếng Sài Gòn mà Lan đã nhận biết - và đã hiểu - là những lời tương tự như thế - ngọt ngào và ghê gớm; nhưng Lan không còn nghe được rõ ràng.

Một thế giới đã khuynh loạn trong tâm thần Lan. Hai mắt đầm đìa nước mắt cô đợi chờ lưỡi dao kia cắm ngập vào trái tim mình. Trong sự kích động bi đát của phút nghiêm trọng cuối cùng, cô đợi hình phạt tội lỗi mình bằng cả tâm hồn thảm thiết, mê mê, và ngã say trong một thứ cam tâm khoái lạc, thần bí.

*

* *

Nhưng Toán không động tới mình vợ.

Toán để yên cho Lan sống cùng nhà và - anh ráp tâm thế - ở ngoài cuộc đời của anh.

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường thiên lôi, 1936.

HAI LẦN CHẾT

Tối hôm ấy, chúng tôi đi viếng một người bạn ở phố Hàng Bột mới từ trần. Lúc ra về đến giữa phố Sinh Từ thì trời đổ mưa, chúng tôi kéo cả lên nhà anh Tri. Tri bàn mọi người nên ngủ lại nhà mình để mai đi đưa ma cho tiện.

Anh em lâu không họp mặt, chuyện trò đến hơn mười hai giờ đêm.

Câu chuyện dồn cả vào sự nghiệp và đức tính Đàm Văn Tâm, người thiệt mệnh.

Tâm là một thanh niên đặc biệt thông minh, có khiếu riêng về khoa học và đối với bạn là một người khiêm tốn và chân thành. Anh ta không lấy vợ, cha mẹ mất sớm, bao nhiêu của cải của ông chú ruột để lại cho chỉ dùng vào công cuộc khảo cứu mà chúng tôi biết là có giá trị. Tâm cùng cộng tác với anh Đinh Văn Mão, một người bạn học cùng hướng với anh ta. Sự nghiệp về khoa học của Tâm đang chừng có vẻ rực rỡ, thì bỗng không bệnh mà chết. Họ hàng không có, nên Mão đứng lên lo việc tang ma.

Cái chết đột ngột của một người bạn còn trẻ gây cho chúng tôi một thứ cảm giác phảng phất, lo sợ, nhất là vì đêm ấy lại mưa gió sục sùi. Tính vui đùa của anh Tính cũng không làm bớt được lạnh lẽo, nặng nề trong gian phòng sáng bởi một cây đèn dầu hỏa. Tính nói:

- Chết sớm, càng được nghỉ sớm chứ sao?
- Anh thì anh chỉ thích nghỉ thôi. Giá có chết cũng không thiệt cho ai. Còn anh Tâm...

Tính gật đầu:

- Phải. Quốc dân thiệt mất một nhân tài...

Rồi lại tiếp luôn:

- Nhưng sống khôn chết thiêng, hử ngài nhớ đến bọn ta, sẽ về phù hộ. Một người bạn mắng:

- Chỉ nói nhảm. Anh này việc gì cũng đem pha trò...

- Kìa! Pha trò đâu? Tôi nói thực đấy. Tâm chả nhiệt thành tin thuyết "Linh hồn hiển hiện" là gì? Phải không anh Ngôn?

Tôi đáp:

- Phải. Tâm hay bàn về vấn đề ấy lắm. Có lần anh hẹn tôi rằng khi nào chết sẽ về báo hiệu cho tôi biết. "Tôi chết, tôi sẽ về gõ chân anh".

- Y như trong sách của Camille Flammarion ấy nhỉ?

- Mà không phải là câu nói đùa đâu!

Tính nói nửa thực nửa bỡn:

- Nếu vậy, có lẽ anh Tâm sắp hiện lên giữa chúng ta...

Mọi người cùng cười thảo lên một tiếng nhạt, rồi cùng ngồi im. Bên ngoài tiếng ướt át rì rào của mưa gió vẫn không ngơi. Tri ngẫm nghĩ thế nào chợt se sẽ nói:

- Ủ, thế ngộ anh Tâm hiện hồn lên bây giờ thì sao?

Nhưng câu ấy không có ai trả lời, rơi vào trong vực yên lặng mát.

Bỗng nhà dưới có năm, sáu tiếng gõ cửa, tôi toan nói một câu, liền nín lại. Tiếng gõ cửa ra dáng gấp, và cứ mạnh thêm.

Đức nói thầm:

- Hay là anh... Tâm về...

Tôi:

- Có lẽ nào?

Nhưng chúng tôi đồng lo sợ. Tiếng gõ nhà dưới ra chiều thúc giục - Tiếng cửa mở rồi khép, rồi một lát thằng nhỏ đi lên, vừa ngái ngủ, vừa thưa vào:

- Thưa cậu, cậu Tâm lại chơi.

- Hử? Cậu Tâm nào?

- Thưa, cậu Tâm Hàng Bột.

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Tri cau mày gắt:

- Mày nói láo! Còn cậu Tâm nào ở Hàng Bột nữa? Sao mày không hỏi xem ai?

- Bẩm, chính cậu Tâm... Cậu đang đi lên.

Chúng tôi như gặp luồng gió lạnh, nhìn ra thấy anh Tâm thực.

Tâm đứng ở khung cửa, đầu tóc bơ phờ, mặt mày ngơ ngác, mình mặc bộ quần áo trắng dài là bộ mặc cho anh ta lúc đặt nằm trong áo quan. Hơn một phút, chúng tôi không ai nói gì, ngồi đực ra như bị thôi miên. Sau, một người bạn đi đạo lấy tiếng đồng dặc hỏi:

- Nhân danh tình bằng hữu thiêng liêng của chúng ta, tôi xin hỏi vong hồn Đàm Văn Tâm có oan ức điều gì không?

Tâm, hay linh hồn hiển hiện của Tâm không đáp, cứ trân trân nhìn chúng tôi một lúc lâu. Tiếng đồng dặc lại hỏi lên lần thứ hai:

- Nhân danh tình bằng hữu thiêng liêng... tôi xin hỏi vong hồn...

Thì Tâm bỗng đưa tay gạt đi, dịu nét mặt lại rồi thông thả nói:

- Tôi không phải là vong hồn... vì tôi chưa chết.

Chúng tôi vẫn không hiểu. Tâm lại nói:

- Phải. Tôi còn sống thực, có xương, có thịt, có máu chạy trong mạch... chứ không phải là một vật hư vô...

Rồi Tâm yên lặng tiến lên, nhìn mọi người một cách xoi mói, dò xét, rồi lại kéo một chiếc ghế ngồi. Chúng tôi bất giác ngồi giãn cả ra, thì Tâm buồn rầu, mỉm cười, nói:

- Không. Tôi không chết đâu, tôi chưa chết. Tôi muốn... tôi hỏi các anh: Tôi có thể tin ở sự kín đáo của các anh được không? Tôi có thể tin ở tình bằng hữu thiêng liêng của chúng ta mà anh Đào vừa nói, được không?

Chúng tôi trả lời:

- Được. Nếu anh có oan uổng điều gì...

- Tôi đã bảo tôi còn sống mà! Sống như các anh, thực thể.

- Ủ, chúng tôi muốn tin rằng thế, song anh Tâm đã chết thực, đã có giấy chứng nhận chôn, chúng tôi cũng đã đến viếng...

- Nhưng tôi chưa chết. Tôi ở trong sàng đây đây.

Yên lặng một phút. Sau tôi hỏi:

- Thế còn anh Mão ngồi coi bên sàng? Anh ấy đâu?

Tâm bóp trán thở dài. Bỗng anh ngừng phát lên, hai mắt lóng lánh, đột ngột nói:

- Mão chết rồi. Phải, chết rồi. Mà chính tôi, tôi, các anh nghe chưa? Tôi giết nó đấy...

- Sao lúc chập tối chúng tôi còn thấy anh Mão khóc, chúng tôi lại nhận rõ mặt anh trong sàng?

- Nhưng tôi vừa giết Mão xong, giết vì bất bình, vì điên dại... Các anh hãy ngồi yên, tôi kể đầu đuôi cho nghe. Tôi thực là một người khổ sở hết sức!

Rồi Tâm ôm mặt se sẽ khóc trước năm bộ mặt kinh dị của chúng tôi. Một lúc lâu, anh ta mới lại nói:

- Tôi không ngờ đâu lại thấy những điều cay độc, mỉa mai đến như thế... Tôi tưởng phát điên lên mất, - không ngờ đâu lòng người mà lại đến thế. Các anh thử xét mà coi.

- Các anh vẫn biết Mão với tôi là hai người bạn thân hơn ruột thịt, vì tôi thương anh ấy nghèo và chăm chỉ, lại muốn cùng theo đuổi một công cuộc với tôi. Chúng tôi thề suốt đời không lấy vợ, để đem hết tâm trí hy sinh cho khoa học. Trong hai năm trời Mão càng ngày càng tỏ ra một người có chí và hết lòng với bạn, nên tôi càng ngày càng yêu thêm. Tôi muốn cho Mão vững tin ở lòng thành thực của tôi, nên viết một tờ "chức thư" để gia tài của tôi với sự nghiệp của tôi lại cho Mão. Đó là một điều gàn dở, nhưng trong lúc nồng nàn hăng hái ấy thì tôi có trông thấy xa đâu? Tôi có ý tỏ cho Mão biết rằng của tôi cũng như của anh ta, mà nếu bất hạnh tôi chết trước, thì bốn phần anh ta là phải đi cho tới mục đích bước đường mà tôi bỏ dở. Từ lúc tôi ký tờ giấy kia đến nay đã được hai năm rồi, không có điều gì hết. Mão vẫn yêu tôi, vẫn hết lòng làm việc với tôi như trước. Mà nếu rủi tôi chết sớm thì chắc Mão là

người thương tôi hơn cả. Có ngờ đâu người bạn thân thiết ấy lại là một giống sài lang!

Năm năm về trước, nguyên tôi vẫn mang một chứng bệnh thần kinh, thường khi đang yên bỗng ngã lăn ra bất tỉnh. Nhưng từ khi ông chú tôi mất, bệnh ấy như khỏi dứt, tôi không để ý đến nữa - rồi quên bẵng đi. Bệnh đó tới nay lại phát khởi lên xem chừng nặng hơn trước nhiều lắm. Mấy ngày trước tôi thấy những triệu chứng thứ nhất và bắt đầu lo. Song tôi vì bận viết một bài khảo biện rất dài cho một tạp chí chữ Pháp, nên không kịp nói chuyện với Mão. Ba giờ sáng hôm qua, lúc bụng bứt đi ngủ, bỗng tối sầm mặt lại, ngã gục xuống rồi từ đó lịm đi...

Lúc mở mắt ra thì thấy mình bị ép hai bên trong một xó tối và khó thở, tôi định tâm vừa nghĩ vừa sờ soạng mãi mới biết là mình nằm trong săng. Nhưng trông lên thấy mờ mờ có ánh lửa soi vào hai bên nắp săng và lắng tai còn nghe thấy quả lắc đồng hồ tích tắc đưa chuông điểm. Tôi đoán rằng tôi ngất đi đã lâu lắm - vì bụng thấy đói dữ - có lẽ mọi người tưởng chết thực và đã cho mình vào săng sắp sửa đem chôn. Tôi nâng nắp săng thì thấy còn mở, bèn yên lặng ngồi lên. Lúc ấy mới biết là hơn mười hai giờ đêm. Mão đang xem một tờ giấy bỗng quay ngoắt kêu lên một tiếng khê. Tôi cười để cho hẩn khỏi sợ và nói: "Tôi không chết đâu... Sống đây mà!"

Mão vẫn trừng mắt nhìn tôi. Thấy tôi cười nói tự nhiên và chờ anh ta nâng hẩn nắp săng đỡ tôi dậy, thì như đã hơi định thần, hẩn nhìn tờ giấy mà tôi nhận ra là tờ "di chúc" rồi lại nhìn tôi. Bỗng nhiên hẩn rảo bước lại bên chiếc quan tài, mắt long lanh một cách lạ thường, rồi nhanh tay ấn mạnh tôi xuống đáy nắp săng lại.

Trước tôi còn ngờ hẩn hoảng hốt vì sợ hãi quá, sau bỗng nghĩ ra một điều rất ghê gớm: Mão muốn giết tôi.

Phải rồi... tờ "chức thư" mà hẩn làm bộ không nói đến bao giờ... cái gia tài quan trọng của tôi... mà đối với mọi người thì tôi đã chết. Phải. Tôi chết là hẩn được hưởng, mà tôi đã không chết thực thì hẩn giúp tôi chết nhân thể, ai biết đấy là đâu?

Trong có một giây đồng hồ mà tôi cũng thoáng thấy được cái kế hiểm độc của bạn với cái tình thế nguy hiểm bấy giờ. Tôi cảm giận không biết ngăn nào, đâm nát tay lên cái nắp săng, nhưng cái nắp bật hé được lên lại bị ấn xuống. Chân tôi không bị buộc trói

như thói thường trong lúc khâm liệm, nhưng không thể cử động được dễ. Bên ngoài, tôi nghe thấy tiếng chân vội vàng chạy xa dần. Tôi đoán chắc hắn đi tìm cái gì để đè lên mặt săng cho nặng thêm. Nhân cơ hội tôi thét lên một tiếng rất dữ, đập một cái hết sức mạnh, nắp săng bật ra một chỗ, tôi ngồi dậy thì hắn đã tiến đến, cái ống tiêm thuốc độc cắm ở một tay. Tôi vùng đứng lên, vừa sợ vừa giận. Hắn bước tới, tôi liền níu lấy tóc, nghiêng răng ấn đầu hắn xuống rồi nhảy xổ lại đè lên mình hắn: cái ống tiêm rơi xuống, vỡ tan ra. Hắn bị tôi cưỡi lên ngực, hai cánh tay bị đập dưới đầu gối tôi, và cổ bị hai bàn tay tôi thắt vào đến hai mươi phút. Tôi càng nhìn cái mặt thú vật của nó, cái bộ mặt mà mới hôm trước đây, tôi còn yêu quý, thì cơn giận cứ bốc lên mãi, tôi bóp ghì lấy cổ nó mà vẫn không rõ là mình làm gì. Lúc nó đã tắt thở rồi, tôi mới buông tay ra. Bây giờ đúng mười hai rưỡi.

Tôi không sợ hãi, không hối hận, không vội vàng, vì không cho sự giết thẳng khốn nạn ấy là một tội ác. Tôi xốc nó lên, bỏ vào săng đầy nắp lại tử tế, thu xếp ít tiền bạc, giấy má, định gieo thành một mối bí mật, rồi đi.

Nhưng tôi nghĩ lại ngay, nên thuê xe đến gọi anh Tri kể cho anh nghe để cùng với anh xử việc này... Lúc tôi vào bước lên đây, trông thấy các anh, tôi thú thực rằng hơi có ý nghi ngờ các anh... đồng lòng với Mão. Bởi vì... các anh xét hộ, tôi bị một kẻ tâm giao độc nhất xử với tôi một cách ghê gớm như thế... làm cho tôi tưởng phát điên lên mất, tôi tưởng rằng ở đời này thế cả... họ thấy lợi là họ quên cả tình nghĩa... Các anh tha thứ sự nghi ngờ ấy cho tôi.

Tâm nói đoạn thở dài một tiếng rất cay đắng, gục đầu xuống sục sùi. Chúng tôi ngồi lặng nhìn nhau...

Đêm hôm ấy, chúng tôi không ngủ, sau bàn nên để anh Tâm ở yên một chỗ, dựa theo cái ý kiến mà Tâm đã nghĩ tới, xoay việc án mạng kia thành một thiên bí mật để không ai dò được manh mối ra sao.

Chúng tôi làm như người ngạc nhiên trước nhất về chuyện này, đi trình các nhà chuyên trách đến khám xét chỗ ở của Tâm và thảo nhiên, trả lời rất khéo những câu hỏi mà chúng tôi đã đoán biết từ trước.

Bỗng nhiên, ngay sáng hôm ấy, đang khi tra vấn kỹ lưỡng thì anh Tâm lại lù lù hiện ra, nói rằng mình đi vợ vẫn suốt đêm, rồi đem kể hết đầu đuôi việc xảy ra đêm trước.

"Tôi đã giết người, các ông dẫn ngay tôi vào ngục".

Đó là câu nói sau cùng của anh ta.

Cuộc thẩm vấn, chúng tôi cố chạy cho mau chóng và rất công minh, nên một tháng sau, lúc ra tòa, Đàm Văn Tâm được trắng án. Chúng tôi cũng không được vui mừng lắm, vì Tâm vẫn giữ vẻ nhẩn nhục, rầu rĩ như hôm mới bước chân vào đề lao.

Anh cảm ơn công săn sóc của chúng tôi, rồi tự giam mình trong gian nhà phố Hàng Bột, nhất định không tiếp ai cả: sống ở đấy một cách yên lặng, kín đáo, bảo là một cách thâm vụng cũng được, như muốn cho người ta quên mình đi.

Một hôm, người đầy tớ già của Tâm đến nhà anh Tri nói rằng chủ mình đã hai hôm nay ở tịt trong phòng. Chúng tôi đến, phá cửa vào xem thì thấy anh ta gục đầu lên bàn trên một tờ chúc thư để của cải cho các viện tế bần, người lạnh ngắt và cứng đờ.

Lần này thì anh Tâm chết thật.

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường thiên lôi, 1936.

MỘT NGƯỜI HIẾM CÓ

Anh ta là một người học trò rất lười, nhưng rất thông minh. Ngồi trong lớp, một phần tư trí nghĩ để vào lời giảng của thầy còn ba phần tư thì mơ tưởng. Giờ tập đọc, mọi người cắm cúi vào sách vở thì anh cắm cúi xem tiểu thuyết. Nhưng được cái ứng đối thì không ai bằng. Nghe một câu thầy giáo chợt hỏi, liếc mắt qua vào trang sách trên bàn, thế là đủ cho anh ta hiểu nên trả lời thế nào cho đúng. Bài nhà trường không đòi nào chịu học. Nếu thầy gọi lên đầu tiên thì anh ta không nói được câu nào hết, nhưng nếu đã có ba bốn anh lên bảng trước thì anh ta vừa nghe vừa học vội một lượt là đọc bài cũng khá xuôi.

Học hết năm thứ hai ban Thành chung, anh bỗng nhiên bỏ trường.

Ra đời cũng khéo xoay sở như lúc còn đi học. Anh ta làm được đủ các việc: dạy tư, làm thợ chụp ảnh, vẽ kiểu nhà, thêu khoán... Cứ mấy hôm trước chưa hiểu biết công việc được mấy tý, mấy hôm sau đã ra người thành thạo trong nghề.

Nhưng anh chẳng theo đuổi được việc gì lâu. Lần đầu, gặp nhau ở Hà Nội (hồi ấy tôi cũng mới ở ban Trung học ra) tôi hỏi anh thì anh vui vẻ đáp:

- Tôi ấy à? Tôi giúp việc cho một trạng sư.

Cách ba bốn tháng nữa tôi thấy anh vội vã đi ở đầu phố Hàng Ngang lại. Anh đạo mạo nói với tôi:

- Bây giờ thì tôi buồn to. Tôi đang tính mở một đại lý độc quyền bán xà phòng cho khắp Đông Dương... Có lẽ buồn thêm các hàng tơ lụa gấm vóc.

Lần khác tôi thấy anh mua từng đệm giấy đánh máy và cấp dưới nách những sách về kế toán, về nhà băng, với một vài cuốn dạy thế giới ngữ.

- Thế nào anh Sáng? - Sáng là tên anh ta – Cửa hàng có chạy không?

- Cửa hàng nào?

- Đại lý độc quyền xà phòng ấy mà!

- À! Chạy lắm chứ. Nhưng tôi nhường lại cho mấy người bạn rồi. Tháng trước các anh ấy đến Hà Nội chẳng có việc gì làm hết.

Rồi mỗi lúc thay một nghề khác, người con trai ấy ngược xuôi ở Hà Nội trong cảnh ồn ào náo động, lúc nào cũng nhanh nhẹn, tháo vát, lúc nào cũng tươi cười. Anh ta coi việc sống ở đời như người đánh tam cúc mua vui, thua ván này, bày ván khác.

Tôi không đến chơi nhà Sáng bao giờ, vì anh ta rất hay đổi chỗ ở. Gặp nhau chỉ trong những lúc tình cờ ở giữa phố, cùng đứng lại bắt tay, nói đôi ba câu chuyện, rồi mỗi người lại đi một ngả đời riêng.

Tôi còn gặp Sáng bốn năm bận nữa, khi thì ngồi trên xe tay cật mủ gọi với tôi hỏi thăm sức khỏe, khi thì đến cạnh vỗ vai tôi trong một rạp chiếu bóng, khi thì chấp tay sau lưng miệng huýt còi, đi lững thững trên bờ Hồ Gươm. Vẻ mặt sáng sủa, trẻ trung của anh lúc nào cũng hơn hớn. Tôi nghĩ bụng: Anh chàng này thực là người sung sướng, thấy cuộc đời cái gì cũng đáng yêu.

Lần sau cùng gặp anh năm ấy, tôi thấy anh ăn mặc rất sang, bước trên chiếc xe hơi lộng lẫy xuống cùng một thiếu nữ diễm lệ, nhan sắc cao quý và thông minh. Anh chạy lại bên tôi, vồn vã như tìm thấy một người thân xa cách lâu ngày, rồi giới thiệu:

- Anh Lê Văn, làm báo, cô Kiều Trang, một người bạn gái của tôi.

Tôi nhìn Sáng tỏ ý ngợi khen anh, và đưa mắt hỏi xem "người bạn gái" kiều diễm ấy là người thế nào. Sáng mời cô kia vào hàng Gôđa trước rồi đi cạnh tôi theo sau. Anh se sẽ nói:

- Anh ạ, tôi vừa viết xong một cuốn văn.

- Ô! Lại làm văn sĩ nữa.

Anh gật:

- Kịch sĩ. Tôi vừa soạn được một vở kịch để tặng riêng cô Kiều Trang. Cô là một nhà nghệ sĩ diễn kịch có đại tài... Tôi được quen biết cô cũng do một buổi diễn kịch mà cô đóng vai chính...

Anh bắt tay tôi, xin lỗi, rồi đến bên người thiếu nữ, nhã nhặn, sẵn sàng đưa đi xem các đồ trang sức trong căn hàng.

Hồi ấy anh ta đang làm phái viên đi rao hàng cho một hãng xe hơi.

*
* *

Từ đó, bằng đi đến hơn ba năm, tôi không trông thấy Sáng đâu cả.

Tôi thì vẫn đi theo cuộc đời cầm bút bình thường của tôi. Còn Sáng có lẽ vẫn sống một cách kỳ khôi trong cuộc đời bất định của anh, một cuộc đời uẩn chuyển đầy rẫy những sự mới lạ.

Tôi cho anh ta là một người lãng mạn hiếm có, không chịu ở lâu trong một địa vị nào; mà tâm tính với tài năng thì thích hợp được với đủ các hoàn cảnh, các công việc của đời. Sáng cũng tự biết mình như thế. Anh thường nói: "Tâm với trí tôi như nước, đổ vào bình nào cũng rất dễ, mà lấy theo hình nào cũng được".

Bỗng một hôm, trong một hiệu cao lầu nhỏ phố Hàng Buồm, tôi chú ý nhìn một người thiếu niên quần áo lôi thôi, mũ chụp xuống gần mắt. Chàng ta đang cầm cúi đọc một tập báo để bên cạnh mấy bát đồ ăn nguội dần. Lúc người ấy cầm đĩa ngẩng đầu lên, tôi nhận ra thì chính anh Sáng. Nhưng không là anh Sáng chừng chạc, xinh trai tôi gặp hồi trước nữa. Nước da anh ngăm ngăm đen, vẻ mặt như râu héo đi; trong đôi mắt vẫn lạnh lẽo thông minh, tôi thấy phảng phất có một vẻ âu sầu.

Tôi lại gần vỗ vai thì anh tươi cười ngay, đứng lên gọi hầu sáng lấy thêm thức ăn và hỏi tôi:

- Anh mạnh chứ?

- Mạnh. Còn anh?

- Ô! Tôi thì bao giờ cũng vậy, khỏe mạnh lạ thường mà "mãn công chuyện" cũng nhiều lạ thường. Đời vui lắm anh nhỉ!

Giọng nói mạnh bạo, câu nói nhanh mà vui cùng với những tiếng cười giòn, thực thà, và đôi mắt linh động ấy lại khiến tôi hơi ngạc nhiên cho cái vẻ buồn rầu tôi thấy trên mặt anh mấy phút trước.

Tôi hỏi Sáng:

- Lâu nay anh ở đâu mà tôi không gặp?

- Ở nhiều nơi lắm: Sài Gòn, Mỹ Tho, Phnômpenh, Tourane, rồi Huế, rồi Thanh, rồi bây giờ lại Hà Nội.

Anh cho tôi biết rằng trong khoảng ba năm trời nay anh có vất vả hơn trước, nhưng anh cũng giàu có hơn. Làm giàu để mà sung sướng, để mà yêu đời. Anh biết được rất nhiều người mà nhất là biết thêm được nhiều nghề mới:

- Anh ạ, tôi muốn sống gấp bốn năm người khác, nghĩa là muốn trong ngót ba mươi năm của tôi, tôi thấy, tôi nghe với tôi làm bằng người sống tám chín mươi năm... Tôi học ở trường ít là vì tôi muốn ra đời sớm. ở trường tôi còn học riêng cho biết rộng thêm nhiều... Bây giờ tôi theo đuổi mỗi việc một hồi ngắn ngắn, nhưng việc nào tôi làm cũng chu đáo, cũng hoàn toàn như người đã sống trong nghề lâu năm. Tôi làm xe hơi ở Phnômpenh, làm thư ký lục sự ở Sài Gòn, làm kế toán ngân hàng, rồi có lúc làm cả bầu hát nữa. Lúc nào cũng hết lòng, lúc nào cũng hăm hở. Nếu có một ngày kia tôi hết muốn hoạt động là tôi khổ lắm. Không hoạt động nữa là chết, thà quyên sinh đi còn hơn!

Anh nói những câu đó một cách tự nhiên và miệng vẫn tươi cười. Nhưng tôi đoán như trong đó có một vài điều lo âu u ẩn.

Tôi chợt hỏi:

- Thế nay anh định làm gì ở đây?

Sáng vừa cho thìa làm tan đường trong cốc cà phê, vừa yên lặng mỉm cười:

- Tôi bây giờ ấy à? Tôi định mở ở Hà Nội một phòng xem tướng số.

Rồi không để ý đến sự kinh ngạc của tôi, anh nói luôn, không ngừng:

- Tôi nói thật đó. Tôi xem tướng giỏi lắm. ít ra cũng đè bẹp được tụi thầy Tàu ở đây. Vì tôi có sách, có phương pháp hẳn hoi. Đây, tờ báo tôi mới đăng mấy câu rao hàng, tôi đọc anh nghe thử:

"Giáo sư Huỳnh Ba, số... Đường Thành, Hà Nội

Thầy tướng số đại tài mới xuất hiện

Biết việc trăm năm về trước

Và năm trăm năm về sau

Đoán định theo phương pháp khoa học tối tân.

Người hoài nghi đến đâu cũng phải tin phục.

Tiếp khách từ 10 giờ đến 12 giờ và từ 16 giờ đến 20 giờ".

- Giáo sư Huỳnh Ba, không phải là một tên vu vơ. Chỉ trong vòng một tháng là cả Hà Nội sẽ biết tiếng giáo sư Huỳnh Ba, mà công cuộc của tôi sẽ có kết quả rất vững.

Lúc từ giả Sáng ra về, tôi vẫn còn lấy làm lạ cho con người táo bạo ấy. Việc đòi hỏi với tôi là một việc khó khăn, phải thận trọng từng ly từng tý, thì đối với anh ta lại như một trò chơi. Anh coi việc gì cũng thường, cũng dễ, mà dúng tay vào việc gì cũng tin là thành công.

Năm giờ chiều sau hôm gặp anh ở Hàng Buồm, tôi tìm đến Đường Thành, mắt đã trông ngay thấy tấm biển lớn trên có tên "Giáo sư Huỳnh Ba, thầy tướng số đại tài" kẻ bằng chữ đỏ. Tôi bước vào, một phòng khách rộng và lịch sự, đồ đạc như mới sắm, thì ở đấy đã có một người thiếu phụ ăn mặc xa hoa ngồi đợi. Bên kia bàn, một người đàn ông đang giở đọc mấy tờ tạp chí.

Bên trong, sau bức bình phong, những tiếng nói chuyện đưa ra, đều đều và nhỏ. Một lát, một người vận âu phục, dáng bệ vệ bước ra, đi trước một ông trạc hơn bốn mươi tuổi, đeo kính trắng, tay cầm bút, vẻ nghiêm trang như một nhà tu hành. Người này cúi chào mấy người khách đang chờ và đưa người bệ vệ ra tới cửa. Tôi đã toan đứng dậy hỏi thì người đeo kính trắng cười và lơ lơ nói bằng giọng Sài Gòn:

- Mời ông Lê Văn ngồi chơi đó, tôi coi cho bà khách đây rồi xin tiếp ông sau. Mời bà vô.

Tôi không biết người thầy tướng kia bao giờ, cũng không nói trước cho Sáng biết là tôi sẽ đến thăm, thế mà sao ông ta biết tên họ tôi và nhận ngay được mặt. Sau đó chừng hai mươi phút, tôi còn đang tìm hiểu việc vừa rồi, thì người đàn bà đi ra, vẻ mặt hớn hở. Ông thầy tướng lễ phép tiễn khách ra đến cửa, đóng lại cẩn thận rồi nhìn tôi trân trân:

- Anh bỏ hộ tôi nét mặt ngây ngô kia đi một tí, rồi vào đây nói chuyện một lúc chơi.

Câu nói bằng giọng Bắc, mà chính là giọng anh Sáng. Tôi chưa kịp đáp thì "ông thầy tướng" đã kéo tôi vào trong, bỏ bộ râu hoa râm và mực kính ra rồi cười:

- Bốn tháng đóng kịch với hai tháng làm bầu hát cũng quá đủ cho tôi đổi được cả giọng nói cho lẫn đáng người. Lần này tôi cũng đóng kịch, Lê Văn ạ, nhưng đóng một tấn kịch quan trọng... Tôi cần phải quảng cáo cho phòng xem tướng này... bởi vì tôi muốn gặp rất nhiều người ở đây, nhất là một người tôi để tâm tìm kiếm mãi.

Tôi hỏi:

- Tìm một người? Ai thế?

Trong mắt Sáng thoáng qua một vẻ buồn, nhưng anh vội cười, nhìn tôi một cách tinh ranh và để một ngón tay lên miệng:

- Bí mật nhà nghề... Và chuyện hơi dài một chút, tôi sẽ kể anh nghe sau.

*
* *

Khách đến phòng giáo sư Huỳnh Ba ngày một đông. Không đầy nửa tháng, mà một phần Hà Nội trí thức đều biết tiếng nhà tướng số đại tài.

Sáng coi sự thành công đó là một lẽ rất thường. Anh bảo tôi:

- Tôi nổi tiếng cũng là sự tất nhiên, có chi là lạ lắm. ở đời chỉ khéo khu xử một chút là việc gì cũng xong. Tôi biết xem tướng thật thà, chứ không thêm khoác lác lừa dối ai, nhưng tôi cần quảng cáo cho người ta phục tôi ngay lập tức.

Tôi hỏi anh học tướng số ở đâu, và vì đâu anh lại nảy ra cái ý kiến làm thầy tướng thì anh cười:

- Khoa tướng số thì sách Tây, sách Tàu thiếu gì? Tôi chỉ cần đọc dăm quyển, cần thực hành trong lúc chuyện trò với chú ý so sánh, đoán xem tâm lý từng người... thế là đủ. Từ hôm mở phòng đến nay, tôi thấy nghệ thuật mới của tôi tấn tới nhiều lắm, hình như đã kinh nghiệm lâu rồi. Tôi biết rõ thêm được nhiều tình trạng lòng người - tôi không những chỉ dẫn cho đường số mệnh cho người ta tôi lại biết yên ủi những nỗi buồn khổ của người ta nữa.

Còn như anh muốn biết vì đâu tôi làm thầy tướng... thì trước hết, tôi là người thích biết nhiều nghề. Nhưng xin thú thực đó không phải là lẽ chính. Tôi mở phòng này chỉ vì một chuyện riêng của tôi - một chuyện tình, anh ạ.

Sáng yên lặng một lát, đôi mắt lơ đãng nhìn đi một phía, tay gõ điệu thuốc lá xuống bao diêm... Anh lại trông tôi, vừa mỉm cười vừa thở dài:

- Phải. Cũng vì một chuyện tình, vì một người đàn bà mà tôi lại đến thành phố này, xếp đặt ra cảnh tượng anh thấy hôm mới đến chơi đây, làm nổi tiếng cho một cái tên lạ lùng. Tôi muốn gặp mặt người ấy mà người ấy không nhận ra tôi... tôi muốn làm thầy tướng Huỳnh Ba để hỏi xem người đàn bà ấy đối với Lương Văn Sáng còn có chút tình nghĩa gì không, nếu không còn thì Huỳnh Ba khuyên cô đừng nên tệ bạc như thế. Vì tôi biết cô hay tin khoa tướng số, và biết thế nào cô cũng sẽ tìm đến đây. Tôi sẽ kiếm cách nối lại cái tình tha thiết của Sáng với cô... ờ đó là một cái mưu. Có lẽ là cái mưu chẳng cao thượng gì, nhưng nó sẽ giúp tôi lấy lại được người tôi yêu, nó sẽ đem lại cho tôi cái hạnh phúc đã mất.

- Anh còn nhớ cô Kiều Trang không? Người thiếu nữ anh gặp đi với tôi vào hàng Gôđa ba năm về trước ấy mà! Người yêu của tôi đó. Trời ơi, tôi yêu cô ta không biết ngần nào. Cô ta là người lãng mạn, là một người cuộc đời cũng sôi nổi như đời tôi, một hạng gái giang hồ thông minh. Cô đã tệ bạc, ác nghiệt với tôi nhiều, nhưng

tôi không thể ghét cô được. Để tôi kể thiên tình sử của tôi cho anh nghe".

Thiên tình sử ấy, Sáng thuật lại với tôi một cách rõ ràng, miệng vẫn tươi cười, mắt vẫn linh động, như người kể một chuyện vui, nhưng cái giọng nói ôn tồn, thân mật của anh nghe vẫn có những vẻ buồn thảm.

Sáng được biết Kiều Trang trong một buổi diễn kịch. Nhan sắc của cô làm cho Sáng vợ vẩn, lúc nào cũng thấy hình ảnh cô hiện đến trong tâm trí. Sáng tự bảo mình rằng: "Thôi ta yêu cô mất rồi!". Thế rồi một buổi tối kia, Sáng viết xong một vở kịch mà vai chính rất thích hợp với tài cô và vừa ý cô. Sáng giữ vở kịch tặng riêng Kiều Trang, viết hai bức thư cho Kiều Trang, nhận được ba bức thư cô trả lời: hai người quen nhau từ đó. Rồi từ đó thân nhau, rồi yêu nhau, rồi lấy. Cuộc tình duyên se kết một cách tự do, không theo khuôn phép.

Chiếm được hòn ngọc vô giá là trái tim kia được ngót hai năm, thì Kiều Trang không cho Sáng là người đáng yêu nữa. Còn Sáng thì vẫn không thấy người đàn bà nào đáng quý hơn, nhan sắc hơn Kiều Trang.

Hồi ấy ở Sài Gòn là nơi Sáng quyết chí làm giàu cho người yêu sung sướng, anh ta một lúc làm hai ba việc, tiền của thu về gấp bốn năm người cùng nghề. Kiều Trang muốn đưa vở kịch của anh đăng lên tờ báo Phụ nữ kia, nhưng anh xin cô đề tên soạn giả là Kiều Trang, vì chính anh có ý làm văn sỹ đâu. Vở kịch nếu không cốt để làm quen với cô thì không đời nào Sáng soạn.

Kiều Trang vì thế mà được nhiều người coi là một bậc nữ kịch sỹ, nhiều người khen ngợi và nhân đó thường gặp một ông điền chủ giàu lớn, sắp cho ra một tờ báo Phụ nữ hằng tuần. Cái danh vọng làm cho lòng Kiều Trang say sưa và thờ ơ với Sáng. Rồi trong lúc anh ta ngược xuôi, khi Cao Miên, khi Lục Tỉnh, thì Kiều Trang kết bạn với bọn người theo cô o bế tâng bốc để làm cô quên dần người đã hết lòng chân thực yêu cô.

Lúc Sáng biết ra, thì đã muộn. Anh ta hoảng hốt tìm cách cố giữ tình nhân lại, nhưng lòng Kiều Trang đối với anh không còn chút cảm tình nào. Sáng toan viết báo, làm văn thơ để trở nên một nhà văn có tiếng như những người có tài cô vẫn mến phục, thì Kiều

Trang lại yêu một người kếp hát trứ danh. Lập tức bỏ nghề văn sĩ, Sáng cũng theo một gánh hát cải lương để tập nghề. Anh ta hết sức nhẩy nhót pha trò trên sân khấu, chiều ý hết thảy mọi người và khổ công rèn luyện mới mua được một chút hoan nghênh của công chúng. Làm kếp phụ đóng những vai thường trong ít lâu rồi lên kếp chính, rồi sau cùng vừa soạn vở vừa làm bầu một gánh hát lớn ở Sài Gòn. Chủ tâm của anh là làm thế nào cho Kiều Trang lại phải chú ý đến anh.

Sáng muốn cho cô biết rằng anh không những có thể làm nên giàu có, anh lại còn có tài, có chí, và gây cho mình cái danh vọng rực rỡ chẳng kém gì các người tình địch của mình. "Nhưng Kiều Trang cũng như con chim xanh kia quá ham mê những ánh sáng xa lạ đâu đâu, không bao giờ tưởng đến lúc trở về cảnh cũ".

Sáng nói tiếp:

- Bây giờ Trang hiện đang ở Hà Nội, đang mải miết trong cuộc vui thú mới, có lẽ cũng không có giây phút nào nhớ rằng ở đời này, còn có anh Lương Văn Sáng là người không bao giờ quên Trang... Tôi đã tìm cách nhắc cho cô nhớ đến tôi như anh đã biết, nhưng không ích gì - hay là chưa ích gì. Vậy tôi còn nhiều cách khác mà cách làm thầy tướng này là một, tôi đã dự bị sẵn sàng các câu nói để đánh vào lòng tin số mệnh của Kiều Trang, rồi tôi sẽ lựa lời để làm cô cảm động. Chắc cô đã chán cuộc đời phiêu lãng, có lẽ cô cũng muốn tìm nơi yên ấm để hưởng lại thú bình tĩnh êm ái của một gia đình... Tôi sẽ hiến cô cái gia đình nhỏ mà êm ái kia... Tôi sẽ đón cô vào, và cô sẽ chẳng có lỗi gì, tôi sẽ làm cho cô quên hết mấy năm qua, sẽ làm cho cô sung sướng gấp trăm lần thuở trước...

Ngày mai Kiều Trang sẽ tới đây do một người bạn gái mách. Giáo sư Huỳnh Ba được các bạn phụ nữ hoan nghênh lắm. ô! Tôi sẽ không biểu lộ sự cảm động, tôi sẽ đóng vai kịch một cách hết sức tự nhiên... Mà Kiều Trang sẽ tin lời giáo sư, sẽ không nhận ra tôi, và sẽ lại thương Lương Văn Sáng như trước. Có phải không? Việc gì tôi cũng làm được cả, hướng chỉ việc này? Mai, tôi sẽ thi hành một kế trong những kế cùng, nhưng tôi quyết là đắc thắng.

Lúc tiễn tôi ra cửa, Sáng nói đùa một câu:

- Tôi quả là một thầy tướng có kỳ tài. Người khác chỉ biết đoán việc thời thế về trước và về sau. Tôi thì tôi xếp đặt số mệnh của tôi và của người khác.

Anh bắt tay tôi rất mạnh. Trong cử chỉ ấy tôi thấy cả lòng tự tin và chí quả quyết của người con trai khác thường kia.

*
* *

Cách đó bốn hôm, một buổi sáng chủ nhật, anh đến chơi nhà tôi thì tôi còn đang ngủ. Anh gọi tôi dậy rồi mắng khôi hài:

- Anh nên sống lâu lâu một chút, chứ cứ quỵên sinh bằng cách ngủ muộn thế thì thực là tồi. Mặc quần áo mau lên rồi đi chơi với tôi đi. Buổi sáng đẹp khiếp thế này mà ngủ hay ở nhà thì là một tội ác.

Anh mở cửa sổ huyết còi nhại lũ chim hót trên cây trong lúc tôi rửa mặt chải đầu, rồi quay lại ngắm mình trong gương và sửa hộ tôi cái ca vát. Mặt anh hình như sút đi nhưng anh khoát tay bảo:

- Cần quái gì. Đêm qua không ngủ tý nào nhưng tôi dự định được nhiều việc hay lắm. Tôi xem báo thấy lão Voàng On vỡ nợ mà tôi cười đến chết. Lão làm việc xoàng không biết đến chừng nào mà kể. Tôi có của như lão thì hai năm là nổi cơ nghiệp to.

Anh lại cho tôi biết rằng hãng xe hơi ở Nam Vang anh nhường việc trông coi cho một người quen bây giờ tấn tới lắm.

- Tôi mà vào Nam chuyến này thì còn nhiều việc có lợi nữa.

Ra ngoài đường, tôi hỏi Sáng:

- Cô Kiều Trang đã gặp anh rồi chứ?

Sáng liếc nhìn tôi, nháy một mắt, vừa cười vừa lắc đầu:

- Cô Kiều Trang không gặp tôi bao giờ; chỉ gặp giáo sư Huỳnh Ba thôi.

- Ừ. Rồi thế nào?

- Thế nào? Cô Kiều Trang vẫn trẻ, vẫn đẹp như xưa, mà cô nói chuyện có duyên quá. Huỳnh Ba cũng vậy, nên cô phục Huỳnh Ba vô cùng.

Trên nét mặt, trong đôi mắt của Sáng, tôi như thấy vẻ khác lạ thoáng qua, nhưng lúc ấy thì không chú ý đến lắm.

Bỗng anh trở bọng trẻ con đang nô nghịch trên bờ hè:

- Bây giờ thì mình không nghịch như chúng nó nữa nhỉ. Mình khôn hơn chúng nó: Mình nghịch một cách buồn cười hơn.

Rồi anh cúi xuống đón bắt quả bóng lũ trẻ đá đến gần. Đặt bóng xuống, anh nhăm bóng rất lâu, lấy đà chân rất mạnh, nhưng cố ý đá hụt để cho lũ trẻ phá lên cười.

Nhân thể, anh nói chuyện với tôi về tính vui hồn nhiên của tuổi thơ ngây, nhắc đến những lúc còn bé dại, đến lúc đi học hay đánh nhau với anh em bạn; lúc bị thầy giáo phạt, rồi bình phẩm các thầy giáo và các bạn chung của chúng tôi:

- Ông Biên thầy cúng, chẳng biết bây giờ còn ngâm thơ bằng cái giọng khàn khàn nữa không?... Ông Lương pha trò sao mà nhạt thế... Ông Đàm hôm nọ tôi gặp ở phố Hàng Bún đang lau kính, đi lò dò như con cò hương. Anh còn nhớ hồi ông mới đến dạy chúng ta không? Tôi hay chế ông ta nhất.

Lúc nhắc đến bạn thì anh ta nổi giận với một vài anh cả đời chỉ gí mũi vào quyển sách, toán pháp và khoa học thì giỏi ghê ghởm, mà trông mặt ngô nghê như chúa tàu nghe kèn. Anh đạo mạo nhắc lại câu nói của một giáo sư anh phục riêng: "Một người học trò tốt là một anh đàn độn".

Đi tới bên bờ Hồ Gươm, anh giữ cánh tay tôi bảo nhìn một người vừa đi qua:

- Kìa, anh trông hộ tôi cái anh chàng cầm ba toong vung tit lên kìa. Anh ta có vẻ bằng lòng lắm nhỉ!

Gặp mấy cô con gái, anh đợi họ đi khỏi rồi ngả mũ chào, nói khe khẽ một câu tiếng Tây để họ không nghe thấy: "Vous êtes bien nobles, mes demoiselles".

Rồi một lát:

- Nhưng cô đi một mình đằng xa kia thì khá lắm. Xin kính chào quý nương.

Chúng tôi cứ thế đi lang thang từ Hàng Trống đến nhà bưu điện, rẽ ra bờ sông, đi lộn về Tràng Tiền rồi qua Hàng Khay, Sáng luôn luôn cất mũ chào và bình phẩm cử chỉ, dáng điệu từng người:

- Bà kia giá béo chút nữa thì cửa Gôđa phải xây rộng thêm. Cậu công tử kia cái mũi hơi đỏ. Trời! Cô kia đi sao mà dẻo thế.

Còn tôi thì cũng lây cái vui vẻ của anh. Lúc đó tôi chắc rằng Sáng trong lòng hẳn có điều khoan khoái, sung sướng. Ôi! Quả thực không có cái gì sâu kín bằng lòng người.

Đến mười một giờ, Sáng kéo tôi vào hàng bánh bắt ăn thực no. Anh vừa nhai vừa nói, luôn mồm nhắc đi nhắc lại câu:

- Đời vui đẹp quá!

Sắp chia tay, thì một người bạn chúng tôi vừa qua nhà, ra gọi tôi:

- Văn, Văn, vào đây chơi!

Chúng tôi vào thì bạn rủ đánh tổ tôm. Thấy Sáng ngần ngừ tôi hỏi:

- Anh biết chơi tổ tôm chứ?

- Sao không biết.

- Đánh chơi mấy hội.

Sáng nghĩ một lát, "chậc!" một tiếng, rồi tươi cười đáp:

- Ủ thì đánh, nhưng góp nhỏ thôi!

Trong cuộc, Sáng là người hay nói nhất, mà ù được ván nào to thì anh cười vỡ cả nhà. Một lần, anh ngồi thừ người ra, đôi mắt mơ mộng. Tôi nhìn anh hỏi:

- Anh nghĩ gì thế?

- Phiền quá, tôi đánh hớ một nước không thì chờ đã lâu.

*
* *

Chiều hôm đó, ăn cơm ở nhà người bạn tôi, lúc ra về, Sáng dặn nhỏ tôi:

- Tôi để lại phòng xem tướng cho mấy người bạn rồi, họ muốn làm gì thì làm; hay cứ giữ cái nghề xem tướng cũng được.

- Ô, thế còn anh?

- Tôi, tôi không cần đến nghề ấy nữa, dễ thường anh tưởng tôi làm giáo sư Huỳnh Ba suốt đời ư? Tôi hiện thuê nhà riêng, nhà tôi ở Hàng Đậu, số 25 bis, sáng mai anh đến chơi, tôi muốn cho anh biết một tin này hay lắm.

Tôi y hẹn, sáng hôm sau, trước khi đến nhà báo, tôi ghé qua thăm anh. Bước vào nhà thì người đầy tớ nói anh còn ngủ và đưa cho tôi một cái phong bì. Tôi không đời nào quên sự kinh ngạc của tôi khi đọc bức thư trong đó.

Hà nội, 4 giờ sáng ngày chủ nhật

18 Mars 1935

(Thì ra bức thư anh viết từ sáng hôm qua, trước khi đến lôi tôi dậy)

Anh Lê Văn.

Tôi không là Huỳnh Ba nữa đâu, cũng không là Lương Văn Sáng nữa, vì khi anh đọc bức thư này thì tôi ngủ yên rồi - ngủ một giấc ngàn năm, theo lối văn sáo người ta vẫn ưa viết. Chỉ khác một điều là ngủ thì vẫn thở, có người vừa thở vừa ngáy, nhưng tôi thì không.

Anh ngạc nhiên làm quái gì? Câu pha trò của tôi ít ra cũng có ý vị hơn những câu nhạt của thầy giáo Lương và một ít nhà khôi hài khác. Vậy thì, như tôi đã nói, tôi đi ngủ một giấc ngàn năm. Cái đó cũng chẳng khó gì (cũng chẳng khó hơn bao nhiêu công cuộc nghề nghiệp tôi làm trong đời tôi): chỉ cần nhá gấp mười liều thuốc ngủ lên là xong chuyện.

Tại sao tôi lại làm thế? Thì cứ nói thẳng ngay tại sao tôi lại tự tử. Tại rằng là... tôi muốn thế chứ sao! Mà tôi muốn thế là vì tôi không còn tâm trí đâu thích làm việc nữa. Đó là một lẽ. Còn lẽ nữa cũng quan trọng lắm: là từ nay Kiều Trang nhất định không yêu tôi. Người thiếu nữ kiêu lệ kia đổi tình nhân cũng như tôi đổi nghề.

Tôi chỉ tiếc rằng tài trí tôi yêu thích được nhiều nghề nhưng lòng tôi chỉ yêu được một người, được một lần thôi! Quái thực!

Tôi yêu Kiều Trang thế nào tôi đã nói cho anh biết đấy. Trang tề với tôi nhưng tôi không tề được với Trang; tôi đã yêu Trang thì Trang phải là của tôi, nếu không thì tôi tưởng sự sống không còn có nghĩa gì nữa.

Tôi đã phấn đấu, đã hoạt động suốt một đời tôi rồi, tôi làm bao nhiêu việc, theo bao nhiêu nghề, là cốt để sung sướng hơn lên. Mỗi phen thay đổi tức là một phen tôi "làm lại cuộc đời" của tôi. Lần nào đổi mới cuộc đời của tôi cũng hay cũng đẹp thêm một đôi phần, vì tôi đã định làm việc gì, là việc ấy phải được. Thế mà có một "điều"... một "sự" - không phải - một "cái" không thể nào "làm lại" theo ý muốn: ấy là lòng em Trang yêu quý của tôi.

Tôi biết thế từ hôm tôi gặp Trang ở nhà giáo sư Huỳnh Ba kia, chính em Trang thú thực với Huỳnh Ba như thế. Tôi toan lấy lễ nhiệm màu khoa lý số để lừa lọc lòng Trang, nhưng trông đôi mắt của Trang thì tôi thấy rõ vẻ lạnh lùng khi tôi đã động tới Lương Văn Sáng.

Ngay trước khi thực hành cái mưu tướng số, tôi đã bảo tôi rằng: "Hạnh phúc của ta ở Trang. Vậy nếu Trang không muốn trở lại với ta, thì thôi! Thế là hết hạnh phúc. Vậy ta không cần làm gì nữa cũng được. Ta quyên sinh đi cho khỏi buồn lâu".

Trang đến cho tôi coi tướng, luôn thể đến gián tiếp hạ cái lệnh bảo tôi đi ngủ đi là xong nếu tôi không yêu người khác được. Mà yêu người khác thì không thể được, vì tôi không thấy lòng tôi muốn thế. Thế có buồn cười không?

Đêm vừa rồi, tôi nằm ngâm hát rất lâu, rồi ôn lại những công việc của tôi, rồi ôn lại lúc gặp Trang, yêu Trang, giận Trang; cuộc đời ái ân của tôi sao mà đậm thắm đến thế... Tôi không muốn ngủ đêm nay vì đêm mai tôi sẽ ngủ luôn thể, sự nhớ đến anh là người tôi đã ngỏ chút tâm sự, tôi liền viết mấy hàng này.

Tôi trông ra cửa sổ, mặt trời đã dần ló đằng đông... Ngày hôm nay hẳn là tươi đẹp, tôi muốn vui cho trọn cho đến lúc chết, nên tôi định viết thư này xong sẽ đi chơi... Có lẽ tôi sẽ lại rủ anh đi cho có bạn.

Chào anh lần sau cùng,

Lương Văn Sáng

T.B.- Nếu tiện, anh sẽ thản nhiên làm như chưa đọc thư này, mở cửa phòng vào đánh thức tôi (vì tôi không khóa cửa), và gọi không thấy tôi dậy, sẽ bảo cho người ta biết. Anh liệu làm cho người ta tin rằng tôi chết vì uống thuốc ngủ quá độ, chứ không phải vì quỵên sinh. Tôi không muốn cho K.T. biết rằng Lương Văn Sáng tự tử vì cô. Nhưng nếu anh không giỏi đóng kịch thì cứ bảo là tôi tự tử cũng được, duy có điều tôi không được hài lòng".

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường thiên lôi, 1936.

ÔNG PHÁN NGHIỆN

Ông ta là người Nam Kỳ, nhưng từ khi về hưu trí vẫn không rời bỏ cái nhà lá mua được ở trên con đường đi về huyện Vũ Tiên.

Nhà này đứng trơ trọi trên một vườn mía không ai trông nom và ngoảnh mặt ra một cái đầm con chạt ních những bèo Nhật Bản. Không thân thuộc ai, cũng không tưởng gì đến sự về quê hương, ông ta sống ở đó thâm kín một mình, ngày hai bữa đã có thằng bé con ở hiệu cao lâu Khách phố Đệ Nhị đưa cơm nước đến. Ông ta không ra ngoài mấy khi: cả công việc chỉ quanh quẩn bên cái bàn đèn. Mà khi bước chân ra khỏi nhà là người khắp tỉnh Thái Bình xì xào, chỉ trỏ. Tên ông ta là Được, Trần Văn Được, nhưng họ quen gọi là lão phán nghiệm hay là lão phán Sài Gòn.

Tôi ở xa, đến chơi nhà một người bạn ở đầu tỉnh Thái được ít lâu, đã chú ý đến con người kỳ khôi ấy, vì tính tôi hay tò mò, vốn thích những chuyện lạ, những nhân vật khác thường. Cho nên mỗi khi thấy người đàn ông gầy gò, đội mũ trắng bở, mặc áo bông đụp và quần cháo lòng kia lệt sệt đôi giày cũ đi qua cửa nhà bạn tôi, là tôi chạy ra nhìn cho đến lúc ông ta đi khuất. Bạn tôi vẫn nói đùa rằng: "Anh hẳn có duyên vì với ông phán nghiệm".

Tôi chẳng biết sự chú ý đó có phải vì thanh khí tương hợp gì chẳng? Nhưng riêng tôi thì tôi không ghét người đàn ông kia như phần nhiều người tỉnh Thái. Họ đồng lòng cho ông ta là một hạng người keo bần, độc ác, có tiền của chôn giấu - là một con cáo già bo bo giữ lấy hang. Cái nhà lá vắng vẻ kia không ai biết trong có những cái bí mật gì, vì cả những bạn đồng sự cũ của ông ta cũng không ai ưa bước chân tới đó.

Tính tò mò của tôi mỗi lần trông thấy ông phán Sài Gòn lại bị khiêu khích. Tôi tìm hết cách làm quen với ông ta. Hai ba lần tôi vô cớ đón đường chào, nhưng ông ta chỉ gờm mắt nhìn tôi từ đầu

đến chân, rồi lại bước đi, không nói qua nửa tiếng. Tôi biết ông ta không phải là người dễ bắt chuyện, nhưng tôi vẫn kiên tâm chờ một dịp tốt nào đó. Dịp tốt ấy hiện đến một buổi chiều đầu tháng mười.

Ông ta lên phố lĩnh hươu bổng về, tay cẩn thận cầm một vài gói hàng mới mua sắm. Lúc sắp rẽ sang đường Vũ Tiên thì một lũ trẻ con đua nhau vừa đuổi theo ông ta vừa chế giễu. Ông ta ngoắt quay lại thì một đứa chạy không kịp cuống chân ngã xuống đường, mặt cắt không còn hột máu. Người lớn liền đổ ra sinh sự. Họ nhất định giữ ông ta lại. Tôi phải chạy đến phân giải mãi, họ mới chịu buông ông ta ra.

Ông phán nghiệm chỉ lắc đầu phàn nàn, rồi không cảm ơn tôi lấy một lời, ông ta chực quay gót. Nhưng tôi đã nắm được cơ hội, đi theo ông ta một quãng, nói mấy câu lễ phép vu vơ, ông phán lại nhìn tôi một cách ngờ vực như mọi khi, ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi cất tiếng nhẹ nhàng và rề rề của một người Nam Kỳ nghiệm nặng mà bảo tôi rằng:

"Tôi là một người ở biệc tịch, một người ai cũng ganh ghét có chi thầy còn chú ý tới tôi?"

Thế rồi ông ta rảo bước tiến lên, tỏ ý không muốn tôi đáp lại.

Tuy vậy, từ hôm đó trở đi, ông ta không e sợ tiếng chào của tôi như trước và nhìn tôi bằng đôi mắt dịu dàng hơn. Tôi không bỏ một dịp nào gặp mặt mà không hỏi ông ta một vài câu. Trước ông ta còn lặng thinh, sau mỉm cười, rồi sau cùng đứng lại hỏi:

- "Thầy màng diệc" ở Thái Bình?
- Thưa cụ không. Tôi đến chơi đây.
- Tôi chơi mà ở lâu dữ vậy, cà?
- Vâng, vì tôi ở dưỡng bệnh nhân thể.

Một lần khác, ông hỏi tôi ở đâu và làm ăn gì. Tôi thưa:

- Thưa cụ, tôi làm nghề viết báo ở Hà Nội.

Ông ta giương đôi mắt tươi cười nhìn tôi một lúc rồi nhìn đi chỗ khác, vẻ lơ đãng như người nghĩ chuyện đâu đâu. Rồi ông chậm rãi nửa như bảo tôi, nửa như nói một mình:

- Viết báo à? Vậy thầy hẳn biết ở đời này lắm chuyện "tức cười" lắm hả?

Đối với người lạ lòng như thế, được nói mấy câu chuyện không đâu, cũng có thể gọi là quen thân rồi. Tôi xem ra ông phán Sài Gòn cũng tỏ ra ý mến tôi như một người bạn nhả nhận tử tế. Có khi trông thấy tôi, ông ta lại chào hỏi trước, có lần lại nhận lời vào chơi trong nhà người bạn tôi. Thực là một sự lạ cho tỉnh Thái Bình.

Nhưng về phần ông ta, thì xa với điều tôi mong, ông không hề mời tôi vào chơi nhà ông bao giờ hết. Tôi cho đó là một sự vô ý của một người kỳ cổ ít thiệp đời, nên một hôm tôi lấy cớ đến thăm ông ta để xem xét những điều tôi muốn biết.

Lúc tôi gần bước chân đến cái đầm nhỏ trước cửa nhà ông phán Sài Gòn, thì thấy ông ta đương đổ bã chè ở chái hiên. Tôi bắc loa tay gọi:

- Cụ phán ơi! Tôi vào thăm cụ đây!

Ông ta ngừng đầu lên trông, nhận được tôi, không nói năng gì, tức khắc đi vào trong nhà đóng kín cửa lại. Tôi ngạc nhiên quá, rảo qua bờ đầm đến bên cạnh cửa, gõ gọi lần nữa thì có tiếng ông phán thưa ra:

- Có chuyện chi thầy để tới khi khác, giờ tôi không thể tiếp thầy dạng.

Trong nhà tối om, qua khe cửa tôi thấy leo lét có ngọn lửa đèn.

Hơn nửa tháng sau tôi mới lại gặp ông phán nghiện ra phố. Hôm ấy ông ta đương trả tiền cơm tháng cho người chủ hiệu cao lâu phố Đề Nhị, và hỏi giá mua mấy sọt than tầu. Thấy tôi cùng đi với một người bạn gái mới ở Hà Nội xuống chơi, ông ta không nói gì qua, cũng không đáp lại cái gật đầu của tôi, làm như người không quen biết tôi lần nào cả.

Tôi để cô bạn đi trước lại gần hỏi nhỏ ông ta:

- Lâu nay cụ mạnh giỏi chứ?

- Không mạnh giỏi lắm. Thầy ít bữa nay không ở Thái Bình sao mà tôi qua nhà hai lần không thấy?

- Thưa cụ, tôi đi chơi Ninh Bình.

- Đi với cô kia, phải không. Người chi mà lịch sự vậy?

- Một người bạn gái ở Hà Nội về chơi thăm tôi.

Ông ta yên lặng một lát rồi bảo tôi:

- Bao giờ thầy có thời giờ, vô chơi nhà tôi chút nhé! Tôi có chuyện này ngộ lắm đây!

Tất nhiên là tôi không từ chối.

Ngay chiều hôm ấy, sau khi tiễn người bạn gái sang Nam Định trở về, tôi vội vã đến nhà ông phán Sài Gòn. Trời phơn phớt mưa bụi như gội thêm cái u tối xuống cảnh ngày đông. Cái nhà lá ở bên đường Vũ Tiên càng thêm có vẻ hiu quạnh...

Tới nơi thấy cửa đóng kín. Tôi đập cửa gọi thì bên trong có tiếng giận dữ hỏi ra:

- Ai.

- Thưa cụ, tôi.

- Tôi là ai? Gọi chi mà dữ vậy?

- Kia cụ phán, tôi đây mà! Người quen cụ đây mà!

Ông ta nhận được tiếng tôi rồi mà hình như chưa khỏi cầu nhàu. Tôi nghe thấy bên trong lịch kịch như dọn dẹp bàn đèn, mấy tiếng phì phò thở mạnh, rồi một lúc, thấy một con mắt ghé sau khe cửa nhìn ra:

- Cụ đang bận, phải không? Tôi đến cản trở cụ hử?

- Không hề chi. Tôi đang dở hút.

- Nếu vậy xin để lần khác tôi đến thăm cụ vậy?

- Không, (ông ta vừa nói vừa mở cửa) thầy cứ dô chơi.

Mắt tôi lúc ấy chưa quen tối, mà trong nhà cửa sổ vẫn kín bùng. ánh sáng nhạt nhẽo ở bên ngoài, ánh sáng yếu đuối ở ngọn đèn dầu lạc với cái hỏa lò than ở gần, chỉ cho tôi thấy lơ mờ mấy bộ ghế ngựa thấp kê ở giữa nhà, với sau đó là một thứ tủ chè ngắn và cao, hai cửa kính lấp loáng.

Câu thứ nhất ông bảo tôi trong lúc ông đi đóng cửa vào đã khiến tôi lấy làm lạ.

"Ở nhà tôi, nhất là lúc tôi hút, thầy có thấy chi lạ cũng đừng sợ đa thầy!"

Tôi ngồi ghé xuống bộ ghế ngựa, đưa mắt nhìn chung quanh nhà: một cái giường cầu, dưới chiếc màn đã lâu không giặt, kê một

bên. Gian bên kia trơ trọi một cái bàn thờ, trên để đủ các thứ: chai, lọ, tượng sứ nhỏ, sách chữ nhỏ, và nhiều thứ vật vãnh. Sau bàn, ẩn trong bóng mờ tối, phảng phất hình những chậu sành nhón, những thạp và một hai cái chum con.

Ông phán ngồi xồm lên bộ ngựa, cho thêm than vào hỏa lò và đặt một siêu nước lên trên, mở chụp đèn cắt bớt bắc đi, tháo tàu ra rồi vừa nạo, vừa thông thả nói:

- Hồi sớm mai tôi gặp thầy đi với một cô nào, tôi bắt tội nghiệp giùm cho thầy quá.

- Thưa cụ sao vậy?

- Vì thầy là người tôi có bụng mến lắm. Tôi nói thiệt, người đời xấu hết, tôi thấy ít ai tử tế, ít thấy ai không có bụng ghét đổ kỵ, nhưng tôi thấy có thầy.

Lúc ấy tôi ngạc nhiên hơn là vui thích bởi những tiếng ngợi khen đó. Vì mến tôi, vì cho tôi tử tế mà ông ta thương hại khi trông thấy tôi đi với một người bạn rất dịu dàng, thì thực là một điều ngược đời, tôi không thể nào hiểu được. Tôi hỏi:

- Thưa cụ, cụ có quen biết người đi với tôi không?

Đây, tôi xin thuật lại đúng như lời ông ta đáp:

"Không, nhưng tôi biết người đó là đòn bà. Thế là đủ. Đòn bà không phải là người cho mình tin đâu, thầy. Họ dịu dàng, âu yếm, mơn trớn mình... Nhưng để coi: họ là con mèo giấu móng, hơn thế, họ là một giống nham hiểm mà biết suy nghĩ. Đòn bà thiệt đáng sợ lắm đó, thầy!"

Tôi nghe những lời nói thực thà một cách đột ngột ấy mà nhớ tới câu chuyện mùa xuân của một nhà danh sĩ Pháp. Trong đó kể chuyện một ông đứng tuổi khuyên can một chàng thiếu niên đừng sa ngã vào vòng ái tình. Tôi đang tìm câu trả lời thì ông phán Sài Gòn đã nói tiếp:

- Thiệt vậy, thầy nên tin ở tôi - đòn bà là giống đáng ghê sợ... Tôi sống một mình ở đây, bỏ cửa bỏ nhà, bỏ quê quán cũng vì đòn bà đó. Tôi đã khổ, đã cực nhọc nhiều phen vì chúng nó. Tôi không muốn trở lại mà thấy những cảnh đã trông thấy nỗi đau khổ của tôi.

Rồi ông ta cho tôi biết rằng hồi niên thiếu, ông ta đã yêu, mà yêu một cách nồng nàn đắm đuối. Không có sự khó khăn nào, không có điều nguy hiểm nào ông ta không vượt qua để được gần gũi người yêu: mà khi đã chiếm được lòng ai rồi thì không có sự vất vả nào ông ta không chịu mang để người yêu được sung sướng, "sung sướng như bà hoàng hậu". Thế mà người ông yêu lại đi yêu người khác. Lòng người yếu đuối: ông rộng lòng tha thứ cho, nhưng người thiếu phụ ấy không hề ăn năn, tìm nhiều cách lừa dối, lường gạt ông, ông tha thứ cho bao nhiêu lần là bấy nhiêu lần ông đau khổ.

- Thế rồi tôi sinh ra căm tức, thù ghét người tôi thương: không những thế, tôi còn ghét lây, thù lây cả giống họ nữa. Tôi trông thấy người đàn bà là tôi thấy một vật độc ác giấu lưỡi gươm ở hai con mắt, giấu bẫy cạm ở trong lòng. Thầy ôi! Cho nên tôi thấy thầy đi với họ - thầy là một người tử tế hơn ai hết thấy, là người mà tôi coi như hình ảnh của tôi ngày trước - nên tôi buồn giùm. Thầy nghe tôi, thầy phải coi chừng, những tay ngà ngọc của họ bóp trái tim mình không biết chùn, đa! Mình có đau khổ, mình có thất tình mà chết họ cũng trối kệ.

Lúc ấy ông ta đã đánh sái xong, đang ngả mình nường điều thuốc mới. Tôi thấy cái phút yên lặng lúc đó khó chịu lắm, đang muốn nói một câu gì nhưng chưa tìm được, thì ông phán lại nói luôn:

- Đời tôi bây giờ không còn mong gì nữa rồi... cái sanh thú độc nhứt của tôi bây giờ chỉ có thuốc phiện, chỉ có ả phù dung, là một vị tiên ác nghiệt nhưng trung thành: mình không ruồng bỏ thì thôi, chớ chẳng đời nào cổ ruồng bỏ mình. Câu ví của tôi nghe ngộ quá hả! Cái ái tình của tôi chỉ là hút á phiện - có vậy đó thôi. Còn đàn bà! Trời ơi! Đàn bà là một vật chi vậy?... Một bữa tối qua Nam Định, tôi trông thấy một bức tranh vẽ treo ở cửa một nhà hát bóng; tôi thấy, tôi không bao giờ quên. Tranh đó vẽ một con đàn bà lúc đêm tối ngồi để tay lên đầu một anh đàn ông... mà cái bóng đen của hai đứa chiếu lên tường lại là bóng con hổ cái diu đầu một người xuống dưới một chum trước của nó. Tôi thấy cái ngụ ý đúng quá, cười âm lên. Từ đó tôi được một hình ảnh để ví giống đàn bà, hợp với ý tôi... rồi tôi lại kiếm được một hình ảnh hay hơn, đúng hơn ấy là giống rắn!

Điều thuốc vừa chín, làm tắt mất mấy tiếng cười gằn. Ông nâng xe phiện mời tôi:

- Thầy hút điều thuốc cho khỏe.
- Xin vô phép cụ.

Ông không nài, thót má vào kéo một hơi, rồi lừ đừ mắt mà thở.

Lúc ấy tôi như đang giao tiếp với một nhân vật kỳ quặc trong một cảnh tượng huyền ảo... Tôi nghĩ đến những lời khe khắt quá đáng của người đàn ông kia mà thấy ghê rợn cả người. Những lời nói căm hờn ấy có một mãnh lực rất quái lạ... Tôi tất nhiên không biểu đồng tình, nhưng tôi cũng không tìm được nhẽ gì để bài bác.

Ông ta tiêm luôn mấy điều nữa hút, để mặc tôi suy nghĩ vẩn vơ. Tôi lơ đãng nhìn ngọn đèn lửa nhon đâm thẳng lên, nhìn những tiêm móc và các đồ dùng trên bàn đèn, nhìn khói trắng từ từ lan ra trong bầu không khí thơm nồng và ấm áp, rồi lại nhìn bộ mặt gầy guộc xanh xám mờ màng trong làn khói bộ mặt in đầy những vẻ chua chát mỉa mai...

Bỗng nhiên tôi tái người đi, hai hàm răng cắn chặt lấy nhau để giữ một tiếng kêu, vì tôi vừa thấy một vật ghê gớm: một con rắn cạp nong lớn, mình lấp lánh như chiếc khăn quàng bằng lụa bóng, đang yên lặng nằm vắt qua cổ ông. Con rắn hình như không để ý gì đến tôi... chỉ ngóc đầu lên gần mặt ông ta mà chờn vờn những làn khói thuốc phiện chưa tan hết. Ông phán nghiệm thì lim dim mắt nằm đó, nét mặt thản nhiên lạ thường. Tôi bám lấy mép ghế ngựa cho khỏi run, muốn chạy nhưng chân riu lại... Quay ra cửa thì cửa đóng kín. Tôi hết sức tỉnh trí se sẽ gọi:

- Cụ phán!

Ngoảnh lại, con rắn không còn đó nữa, biến đi như hình ảnh một giấc mơ.

Trống ngực tôi đập thành thành, tôi lẩm bẩm một câu hỏi mà không biết ông phán có nghe thấy không, chỉ thấy ông ta mở mắt ngồi thẳng dậy cười mấy tiếng nghe rợn tóc gáy, rồi bảo tôi:

- Tôi đã biểu thầy đừng sợ từ lúc mới bước vô đây kia mà...
- Nhưng vừa rồi tôi trông thấy một con rắn nó quấn cổ cụ!

- Phải, con rắn của tôi đó... Con rắn của tôi nuôi.

- Nó đâu rồi?

- Đây nè! (ông ta vừa nói vừa trở cho tôi thấy một cuộn tròn ngũ sắc ở trong bóng cái gối xếp) Vừa rồi nghe thầy gọi, nói chui nằm xuống đó... Thầy trông ngộ lắm phải không?

- Nhưng, trời ơi! Sao cụ lại nuôi cái quái vật ấy thế?

- Nó là rắn chứ không phải là quái vật. Vì thầy coi: nó có nở hại tôi bao giờ đâu? Nó quấn quýt bên mình tôi đã có trên ba, bốn năm nay rồi... Cái quái vật mà người ta không ngờ, mà người ta tin yêu, ấy là đòn bà, ấy là giống tôi ghét và tôi sợ nhứt đó.

Tôi không thấy lời nào độc địa hơn thế nữa, nên vẫn không biết trả lời ra sao. Ông phán hình như không thêm để ý đến tôi, chỉ vừa cười nói tiếp:

- Phải. Tôi ghét tụi đòn bà lắm, nên mới nảy ra cái ý kiến nuôi rắn làm bầu bạn, trong lúc sống một mình này. Tôi làm thế đăng an ủi lòng tôi, đăng ngạo đời chơi, đăng cho chúng biết rằng tôi ở với rắn còn sung sướng hơn ở với chúng.

Tôi mua đăng con rắn từ bốn năm về trước trong hồi tôi qua Nam Định có việc - mà chính là hồi tôi nảy ra ý kiến so sánh rắn độc với đòn bà... Tôi đem nó về rồi ngày ngày đặt cái lồng đựng nó ở bên bàn hút, nói chuyện với nó, than thở với nó, như tình tự với người thương. Tôi hút điếu nào lại hà khói vào lồng đăng cho nó nuốt đi. Cứ vậy trong hơn một tháng trời, lần lần con rắn thành quen khói thuốc, thành "nghiên". Tôi mới thả ra cho nó đi, nhưng chỉ ít lâu nó lại trở lại quanh quẩn bên bàn hút. Rồi cứ vậy cho tới giờ, con rắn không bao giờ muốn rời bỏ tôi ra. Tới bữa hút là nó lại bò gần tôi... Mỗi ngày tôi một cưng nó hơn lên và để cho được tự do "mơ trốn" tôi như thầy vừa thấy đó.

- Bữa trước thầy tới chơi thì tôi vừa mới bắt đầu nằm hút. Mà lúc con rắn của tôi chưa đủ nghiện thì không được hiện lành với người ngoài... Tôi sợ thầy đột nhiên trông thấy nó, lỡ có vô ý động tới nó chẳng, nên mới không tiếp thầy đăng. Bây giờ thì tôi bắt sao, nó phải theo vậy: nó lành hơn con chiên.

Vừa nói, ông ta vừa vuốt lên những khúc cuộn tròn của con rắn một cách nhẹ nhàng, yêu dấu như người vuốt ve một con mèo,

miệng sẽ huýt mấy tiếng còi. Con rần liền ngóc đầu lên, vươn mình bò quần lấy cánh tay ông ta. Ông ta rũ một cái, nó lại nằm cuộn tròn dưới chiếu.

Ông phán quay lại bảo tôi:

- Đã trên ba, bốn năm trời rồi, tôi vẫn sống với nó như sống với một "ngài bầu bạn" trung thành, nên đời tôi cũng không quanh hiu lắm. Mà mỗi khi tủi phận hay căm tức vì nghĩ tới chuyện xưa, tôi lại gọi nó ra bên bàn đèn mà than thở với nó... Những lúc đó tôi thấy sung sướng trong tâm lắm, vì nghĩ rằng con rần của tôi còn tử tế hơn đòn bà lặn.

Lúc tôi cáo từ ông phán nghiệm đi ra, thì bên ngoài trời sấm tối, mưa lấm tấm gọi một cách dịu dàng vào đôi má nóng bừng của tôi... Tôi thấy lòng nhẹ nhàng, trí vẫn tỉnh táo suy nghĩ được như thường - vì tôi thú thực, câu chuyện của ông phán kỳ quái vừa rồi làm cho tôi tưởng đến loạn óc mất. Tôi tìm cách hiểu lấy đôi chút tâm trạng của người đàn ông ấy, nhưng cũng không thể nào hiểu được: phải là người khổ lắm - khổ quá- phải trải qua nhiều điều đắng cay chua xót vì đàn bà lắm mới có những tư tưởng "quá khích" như thế được.

Bốn năm hôm sau, tôi lại vào chơi nhà ông phán Sài Gòn. Ông ta hỏi tôi:

- Bộ thầy cho tôi là người kỳ cục lắm hả? Mà kỳ cục thiệt, chớ chi? Nhưng có điều tôi không hại tới ai. Người ta ghét tôi, tôi ghét lại. Thế là công bình. Miễn không ai quấy rầy tôi là tốt.

Tôi trông thấy con rần vắt qua cổ ông ta cũng đã quen mắt và mấy lần sau tôi đến đã dám theo lời ông ta vuốt lên mình nó mà không việc gì. Ông phán cười không thật và khàn khàn bảo tôi:

- Thầy viết báo đã thấy có người ở với rần bao giờ chưa?...

... Cuối năm ấy, tôi từ giã Thái Bình, có đến chào ông phán Sài Gòn thì thấy ông ta vừa vuốt ve con rần cạp nong vừa phàn nàn rằng ít bữa nay ông hút thuốc là hút cho con rần chứ không thấy thú nữa. Hồi đó, ông ta bắt đầu bị yếu. Tôi nghĩ bụng: người nghiệm chê thuốc hần không phải là một triệu chứng hay.

Đầu tháng giêng năm sau, giữa hôm tôi lại đến Thái Bình chơi thì được tin ông phán Sài Gòn vừa mới chết lúc sáng.

Người bạn của tôi bảo tôi:

- Ông phán nghiệm vẫn ốm từ hồi trong năm. Bệnh xem chừng càng ngày càng nặng thêm, trước còn ăn uống qua loa, nhưng sau bỏ cơm hẳn. Mấy hôm nay, bữa nào thằng bé hiệu cao lâu đem cơm nước đến cho ông ta, cũng thấy đóng cửa kín; ông phán nằm dí trong nhà, ngừng tiếng rên để gắt đuổi nó xách cơm về. Nhưng từ hôm qua thì cố nghe ngóng cũng không thấy gì nữa. Sáng hôm nay người ta tới đập cửa thình thình cũng không thấy động đậy.

Tôi bỗng có một thứ cảm giác kỳ dị: tôi nghĩ ngay đến con rắn cạp nong.

Tức khắc tôi cùng người bạn đi trình cảnh sát rồi phá cửa vào xem, thì quả nhiên ông phán nằm chết cứng bên cái bàn đèn tắt, mà con rắn thì quấn chặt lấy cổ ông, đầu nó đang cố rúc vào mũi ông ta, như muốn tìm cái hơi thuốc phiện trong ấy.

Chúng tôi hết sức cẩn thận tìm cách bắt nó, nhưng cẩn thận vô ích, vì con rắn đói thuốc, không nhanh nhẹn được nữa. Nên chúng tôi bắt được nó rất dễ dàng.

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường thiên lôi, 1936.

VÌ TÌNH

Anh Trần Văn quả không phải là người đẹp trai. Độc giả hãy tưởng một người trạc hai mươi năm, nước da đen, mũi to, nhô đại ra ngoài, cái trán cũng nhô trông như cái bướu, đôi lông mày rất rậm, làm cho cặp mắt cận thị của anh ta có một vẻ dữ tợn đến kỳ khôi. Anh ta ăn mặc quần áo tây nhưng người lùn mà cả ngang, dáng đi láu táu trông rất ngộ nghĩnh. Cả người anh ta cái gì trông cũng buồn cười.

Tôi yêu bạn tôi đến đâu cũng phải nhận rằng bạn tôi trông xấu quá!

Văn cũng tự biết thế. Có khi anh lại tự chế giễu mình để làm cho bạn hữu vui cười. Nhưng anh ta là một người tính nết thật thà, dễ tin người và có một tấm lòng tử tế hơn ai hết thấy.

Tôi lại phải nói cho độc giả hay rằng con người giản dị thực thà kia lại là người đa tình nữa. Chẳng biết đó có phải là điều "mai mĩ của số mệnh" không? Chỉ biết bạn tôi biết yêu, mà yêu say, yêu đắm, yêu thiết, yêu tha; tình yêu trong huyết mạch người con trai này sôi nổi như sóng bể. Nhưng trong bao nhiêu thiếu nữ mà anh ca tụng nhan sắc, anh ta không được lấy một cô nào để ý đến mình. Cái đó cũng không lấy gì làm lạ.

Ấy vậy mà anh Văn cũng có một chuyện tình, hay một chuyện mà anh sẵn lòng gọi là chuyện tình thì đúng hơn. Câu chuyện thực chẳng hay gì cho anh ta, nhưng bạn tôi không muốn quên, mà mỗi khi nhắc tới, lại ra ý cảm động như người âu yếm vuốt ve một điều ký vãng êm ái.

Đầu đuôi câu chuyện như thế này:

Tháng chạp năm ấy, anh Văn lên Yên Bái, thăm một người bà con. Lúc trở về anh gặp một người thiếu nữ, ăn mặc giản dị,

người rất đẹp, và rất có duyên, cùng đi với anh ta một chuyến xe hỏa.

Người ấy ngồi ngay ghế trước mặt Văn, khiến cho anh chàng mở một quyển sách ra nhưng không đọc được câu nào hết. Văn là người nhã nhặn lễ phép, nên không dám nhìn lâu, sợ người thiếu nữ ngượng. Anh ta thỉnh thoảng mới sẽ kín đáo trông lên, để cho mắt được hưởng cái nhan sắc kia trong giây lát thôi. Cái lòng yêu mộ của bạn tôi thì thực nồng nàn, song chỉ dám biểu lộ ra đến thế là hết. Và anh ta biết rằng mong hơn cũng chẳng được nào. Người thiếu nữ thì trắng trẻo thế kia, yêu kiều thế kia, trên khuôn mặt thanh tú ấy không chỗ nào đáng chê, còn mình thì... ôi chao! Bạn tôi chép miệng thở dài một cách rất chua chát.

Rồi anh ta nghĩ bụng:

"Giá mình được là người quen với con người nhan sắc như thế cũng đủ lắm rồi".

Anh ta bèn cố tình dợt dẹo làm quen. Thì may sao cái dợt ấy hiện ngay đến sau khi người thiếu nữ ra cửa toa để nhổ quết trâu.

Xe hỏa về ngày gần Tết, nên rất đông; lúc cô kia ở cửa toa trở vào thì đã bị hai bác nhà quê chiếm mất chỗ. Người thiếu nữ thấy họ ra chiều không nể gì ai hết nên không nói gì, chỉ cau mày vịn tay lên mép cửa sổ gần đấy đứng nhìn ra cảnh tượng bên ngoài.

Văn ngồi bên này tức hột cô kia, liền mắng cho mấy bác đàn ông vô lễ mấy câu ra phết lắm. Đoạn anh ta đứng dậy, đến bên người thiếu nữ, lúng túng một chút rồi mời cô ngồi xuống chỗ mình. Người thiếu nữ không từ chối. Cô ta vén áo ngồi xuống, lại cảm ơn anh Văn bằng một nụ cười. Thế là đủ cho bạn tôi bay ngay lên tận chín tầng mây.

Anh Văn đứng bên người thiếu nữ, không giấu được sự vui mừng. Anh ta lấy dáng bộ rất tình tứ, làm như mình chẳng lùn một tý nào hết, và quên bẵng đi rằng mình hiện làm chủ nhân một cái "mũi sư tử", đôi mắt cận thị với cái trán gồ. Nhưng dẫu cho bạn tôi có nhớ đến cái xấu đáng giận của mình cũng không hề gì mấy, - anh ta cũng vẫn sung sướng được, bởi vì người thiếu nữ hình như không trọng bề ngoài lắm, và hình như chỉ cảm riêng vì tấm lòng quý báu của anh Văn thôi.

Coi lối ăn mặc nhã nhặn của cô ta, Văn đoán là người nên nếp ở tỉnh nhỏ. Thế thì cô đã không có cái thói đồng đánh khinh người như bọn tiểu thư Hà Nội, họ chỉ ưa chuộng những công tử tốt mã bề ngoài. Anh ta lại thấy cô kia đi có một mình nên mới lấy thứ giọng bao dung và rất nhã nhặn mà hỏi:

- Thưa cô, cô đi đâu?
 - Thưa ông, em xuống Hà Nội.
 - Thưa cô, cô xuống chơi hay có việc?
 - Thưa ông, em xuống hỏi nợ một người chịu tiền hàng.
- Rồi cô ta hỏi lại Văn:
- Ông cũng về Hà Nội ư?
 - Thưa cô vâng.

Thế rồi câu chuyện của hai người cứ thân thiết hơn, thăm hỏi lên, mà con mắt đắm đuối của người thiếu nữ thêm lóng lánh, thêm tình tứ...

Anh Văn thì chưa thấy bao giờ mình có duyên đến thế.

Anh ta cười bằng miệng cười xinh đẹp nhất, hắng giọng luôn để đỡ cảm động, và cứ chớp hoài đôi mắt cận thị để cho mình biết chắc rằng đây là sự thực, chứ không phải trong giấc mơ. Người bạn tốt của tôi thực không ngờ rằng lại được hưởng những giây phút êm đềm quá đáng ấy.

Mà cái hạnh phúc mỗi lúc một tăng lên! Một lần tàu đỗ, hành khách lên ít, xuống nhiều. Người thiếu nữ lại ngồi nhích ra một bên, để cho Văn ta được ngồi cạnh. Lại một lần khác, người thiếu nữ đánh rơi chiếc khăn tay lụa, anh Văn nhặt lên hộ, lúc trả, được chạm đến bàn tay ngà ngọc của mỹ nhân. Rồi lại được mỹ nhân mời ăn trầu. Văn răng trắng, diện tây, nhưng cũng nhận lấy một cách rất lịch sự.

Anh ta cứ hết lòng cảm tạ sự tình cờ đã làm cho anh gặp được người thiếu nữ, và trong trí đã thấy trước những chuyện tình duyên êm ái sau này. Có một người nhan sắc để mà yêu, để mà nhớ thương, để mà mong đợi đến cái ngày tốt đẹp kia là ngày được sánh vai người ngọc! Ồ, còn gì sung sướng cho đời người hơn! Anh Văn thường ngỏ riêng với tôi rằng: "Tôi xấu thế này, chỉ mong lấy được

một người có duyên thôi, thế cũng đủ mãn nguyện". Thế mà người thiếu nữ kia đã có duyên lại đẹp, lại sắc sảo, lại lễ phép, lại con nhà nết nết, đủ mọi điều hay! Mà lại còn tỏ ra lòng quyến luyến anh Văn nữa kia! Cho nên một lời nói của cô ta, một cử chỉ của cô ta, cùng những ý tứ ở đầu mày cuối mắt cô ta, đã khiến cho trái tim bạn tôi nhiều lần đập mạnh lên dữ dội.

Ngồi bên một người đẹp như thế thì đường dài đến đâu cũng là ngắn. Chả mấy chốc, xe lửa đã tới Gia Lâm.

Rồi qua cầu.

Rồi qua ga Đầu Cầu.

Mọi người đều thu xếp để xuống. Người thiếu nữ buộc lại khăn vuông ra đằng sau gáy rồi đến đứng bên một cái va ly là hành lý của cô ta. Anh Văn lại bên hỏi:

- Cô có ai ra đón tàu không?

- Thưa ông, không ạ!

Văn mừng thầm sẽ được dịp xách hộ va ly. Anh ta lại nói:

- Từ Hàng Da tới Cửa Nam cũng gần, vậy trước khi ngược Yên Bái, cô ghé qua vào chơi nhà tôi.

- Xin vâng.

Người thiếu nữ lúc ấy đưa đầu ra ngoài cửa sổ trông về phía ga.

Tàu dần dần chạy chậm lại. Văn đang tìm câu gì nói nữa bỗng nhiên cô ta quay lại, tái mặt đi. Văn ân cần hỏi thì cô ta gượng cười đáp:

- Em đi tàu không quen, nên vừa đứng dậy đã chóng mặt.

- Thế mà tôi tưởng cô phải cảm... Nhưng cô ngồi xuống, không mệt thêm.

Người thiếu nữ ngồi xuống, mỉm cười nhìn Văn bằng đôi mắt mệt nhọc, dịu dàng và... âu yếm. Văn sững quá, đỏ cả má, đỏ cả mũi, lần hết túi ba đờ xuy đến túi áo trong định tìm một vật mà không thấy, rồi phàn nàn:

- Buồn quá! Tôi bỏ quên lọ dầu ở nhà ông bạn rồi. Không thì cô lấy một chút xoa cũng đỡ.

- Nhưng không hề gì cả! Em cũng chỉ choáng váng một chút thôi.

- Tuy thế cô cũng nên ngồi yên đấy để tôi mang hành lý xuống trước đưa cho mấy người nhà đứng đợi ở ga rồi tôi lên đón cô sau.

Người thiếu nữ tỏ ý mừng rỡ và cảm ơn Văn, nhưng cũng nói:

- Như thế phiền ông quá.

- Không. Nào, cô có những gì?

- Em chỉ có cái va ly đó thôi. Nhưng phiền ông quá!

- Không có gì mà phiền. Tôi đi không cũng thế.

Lúc ấy tàu vừa đỗ.

Cái va ly nặng lắm mà Văn ta làm ra bộ rất khỏe, coi như rất nhẹ, rồi hăng hái xách bước xuống sân ga. Bấy giờ thì anh ta cao lớn lực lưỡng lắm.

Người thiếu nữ đứng trông theo Văn, tay bóp thái dương. Anh ta thấy mỗi cánh tay mà chưa dám nghỉ vội. Đi đến gần lối ra hạng ba, anh ta mới dám đặt va ly xuống. Đợi một lúc mà đám người chen chúc trước mặt vẫn không chịu tiến lên, Văn nóng ruột hỏi một người đi cạnh mình:

- Sao lại đứng cả lại thế này?

Người ấy trả lời:

- Họ khám hành lý.

Văn quay lại nhìn thì người thiếu nữ chắc đã ngồi xuống, trông qua cửa sổ xe hỏa không thấy nữa... Văn sợ cô ta đợi lâu quá liền cố sức lách lên trước thì bị mấy người đội đoàn cản lại, bắt đưa va ly cho họ xem.

Một người lính đoàn bảo Văn:

- Chúng tôi vừa nghe tin báo có người đem thuốc phiện lậu đến Hà Nội nên phải khám hành khách.

Văn mỉm cười, đáp:

- À, tưởng gì!

Vừa nói dứt lời thì cái va ly người thiếu nữ gửi, mở tung ra, trong thấy đầy những hộp bằng đồng, gấn kín và to bằng quyển sách dày cộp.

Một người đội đoan cười gằn, nói tiếng Pháp:

- Lần này thì anh không thoát được tay tôi!

Văn chưa hiểu ra sao thì đã bị người ta điệu về sở Thương chính.

Tuy rằng bạn tôi hết sức phân trần rằng mình là con nhà lương thiện, không bao giờ làm điều trái phép, nhưng không ai tin. Cái va ly thuốc phiện lậu đó là cái cơ buộc tội rất hùng hồn. Anh ta khai rằng anh ta quá tin người, rằng người ta lợi dụng mình; song nhất định không chịu nói rằng đó là một người con gái.

Nhờ nhiều người có thể lực che chở nên Văn mới được tại ngoại hậu cứu, sau khi bị giam đến gần nửa tháng - từ hăm ba tháng chạp tới mồng mười tháng giêng. Đến lúc ra tòa, anh ta mạnh thầy cãi, nên chỉ phải phạt có hai tháng tù án treo với bồi thường cho sở Thương chính ba nghìn bạc.

Lúc kể chuyện này cho tôi nghe xong, bạn tôi thản nhiên kết luận:

"Tuy vậy, tôi cũng được ngồi nói chuyện với người nhan sắc ấy... hơn hai tiếng đồng hồ".

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường thiên lôi, 1936.

MAU TRÍ KHÔN

Lại chuyện anh Tập.

Mà nói chuyện anh Tập tức là nói chuyện ô tô.

Bởi vì cái ô tô rất xấu của người rất tốt kia là một vật anh ta dùng để đi đường, nhưng cũng là một kho chuyện vui nữa.

Nếu độc giả kém trí nhớ thì tôi lại xin mô tả nó ra đây trong ba câu ngắn:

1. Nó là chiếc xe cũ và hơi bẹp.
2. Chạy thì chiếm giải quán quân về sự chậm.
3. Dọc đường, chết đi sống lại luôn.

Nhưng không hề gì, bạn tôi không quan tâm đến những nét xấu này lắm. Đối với chiếc xe rẻ tiền ấy, anh ta có đôi mắt của một người si tình. Nghĩa là đôi mắt của một người không bao giờ chịu nhận rằng cái mũi của tình nhân hơi to một chút.

Anh ta vẫn bảo:

- Phải, có lẽ nó xoàng, nó cũ, nhưng nó cũng là xe ô tô.

Chả còn ai cãi vớ lại được với câu nói chí lý ấy. Và chả còn ai không công nhận với Tập rằng: ngồi trên chiếc xe ô tô khổ, nhưng cũng là ngồi ô tô.

Cho nên một buổi chiều kia, hồi ấy anh mới chữa và sơn lại vỏ ngoài chiếc xe, anh trình trọng đến bảo tôi:

- Lê Ta ơi, tôi mới thay bộ cánh cho xe, muốn mời anh đi khao với tôi một bữa.

"Đi khao" nghĩa là đi diện ô tô với anh.

Tôi tuy hoảng sợ nhưng cũng phải nhận lời, vì tôi vốn nể bạn.

Ra tới xe, tôi mới biết rằng muốn cho cuộc khao long trọng hơn, anh mời cả tình nhân của anh đi nữa.

*
* *

Xe lúc đầu vẫn chạy (nói là vẫn đi mới đúng) theo cái bước thông thả của nó.

Qua nhà thương Phủ Doãn, qua Cửa Nam, rẽ ra ga, rồi ngót nửa giờ sau, chúng tôi đã ở trên đường Cống Vọng.

Lúc ấy, xe mới bắt đầu giở quẻ (vì bạn tôi muốn khoe tài cầm lái của mình), đi xiêu đi vẹo như một bác quá chén. Còn tôi với người tình nhân của bạn thì luôn luôn ngả về phía trước, ngả về bên trái, ngả về bên phải, ý như để đáp lễ những cây cối, ruộng nương ở hai bên đường. Lúc nào chạy ngán ngán hơn thì chúng tôi cứ nhảy chồm chồm ở chỗ ngồi, như người cho ngựa đi nước kiệu.

Qua nhà thương Cống Vọng, đường tuy thẳng, nhưng nhiều xe bò đi lại và gặp những chiếc xe ô tô hàng nó làm cho Tập lúng túng như người bí nước cờ.

Chúng tôi thấy vậy, giục anh quay xe về, nhưng anh nhất định không nghe:

- Cảnh đẹp như thế này mà về thì thực là vô lý.

Nhưng cái lý của anh không phải vì ưa cảnh đẹp, mà chính là vì cái tài cầm lái của anh nó chữa cho anh quay được xe ở quãng đường khó khăn này. Vả lại, Tập là người giàu lòng tự ái xưa nay, anh không muốn thú thực sự kém cỏi của anh sớm đến thế.

Xe lồng lên chạy một cách oanh liệt đến nỗi suýt nữa đưa cả ba người xuống ruộng; rồi lại từ từ tiến lên. Anh kéo "vi tét" ấn chân "ga", nhưng xe vẫn cứ thông thả bước. Tôi đang thương hại bạn vất vả, thì đằng sau tiếng còi của một chiếc xe rất sang réo âm lên.

Tập ngó lại một cách khinh nhờn, rồi cứ giữa đường cho xe đi, không chịu tránh sang bên cạnh. Anh nói to để át tiếng máy chạy:

- Đã khỏe giục thì ta om cho một lúc xem sao.

Tôi quay lại nhìn, rồi bảo bạn:

- Xe người Pháp, anh Tập ạ.

Tập hách dịch:

- Người Pháp hay người gì cũng đợi đấy đấy.

Trong lúc ấy thì tay vặn, chân đạp, xe vẫn chạy chậm mà vẫn không tránh được sang một bên.

Người Pháp ở sau chúng tôi lúc đó có vẻ tức giận vô cùng, nói lên những tiếng nghe không được vui tai, nhưng hình như Tập không thèm nghe thấy. Anh vẫn thản nhiên, yên lặng, rồi thấy những lời của người Pháp hơi quá đáng, anh cũng quay lại quát:

- Khi đằng trước có những xe bò nó đi từng lũ thế kia thì tránh làm sao!

Người Pháp quát lại liền:

- Không tránh được à? Thế thì về học cầm lái đi ít lâu nữa đã!

Tập giận tái mét mặt:

- Này anh đừng có xược! Anh đừng có láo!

- À, mi muốn ta dạy cho mi làm sếp phơ phải không? Đồ oắt con!

Tập hết sức quát thật to:

- Cái mồm của mi im ngay!

Rồi, không biết làm thế nào, anh khiến cái xe băng lên nhanh một cách bất ngờ. Nhưng chỉ được độ hơn một trăm thước, rồi đứng lại.

Câu dữ dội Tập ném ra lúc này, người Pháp ở xe sau chừng đã nghe thấy. Cái mặt hầm hầm của y tiến gần đến bảo cho chúng tôi biết sẽ có sự kịch liệt xảy ra.

Tập hẳn cũng biết vậy.

Anh ta, mặt vẫn tái mét, thông thả đứng lên, thông thả bước xuống, thì cái xe người Pháp cũng vừa tới nơi.

Thực là cái phút hồi hộp vô cùng!

Tôi hỏi Tập:

- Nguy, hẳn thế nào cũng sinh sự, mà sinh sự thì...

- Sinh sự thì...

Anh ta nói thế rồi tiến đến trước mặt người Pháp, vừa chứng chạc hỏi:

- La boxe, monsieur! (Thưa ông, ta đấu võ nào)

Câu nói có sức làm cho người kia ngạc nhiên nhìn Tập từ đầu đến chân:

- Thế nào? Anh định nói gì?

- Tôi nói rằng ta đánh nhau một trận.

Rồi không để người kia đáp lại, Tập tiếp luôn:

- Vì xe tôi làm vướng xe ông, ông chửi tôi, tôi chửi ông. Ta phải chữa lại điều đó.

Dứt lời, anh Tập cởi áo ngoài ném cho tôi giữ và để lộ cái thân hình lép kẹp ở trong lẫn áo sơ mi. Lúc quay lại thấy người kia đứng im, anh lấy thứ giọng văn hoa và đông dặc như một nhà quý phái thách đấu gươm mà bảo người Pháp:

- Thưa ông, tôi xin đón tiếp.

Thì người Pháp (một thiếu tá lực lưỡng trẻ trai) gật đầu một cái:

- Nếu vậy được. Nào ta ra đây.

Tôi đã tưởng rằng Tập có ngón võ gì anh mới học được và giấu tôi, nên mới có cái vẻ phi thường như thế. Không ngờ anh vừa quơ tay một cái đã bị một quả tổng bắn anh ra ba thước, lồm ngổm bò trên mặt đường. Sấn lại, nhận một quả nữa vào đầu, tránh được một quả thứ hai, trả lại được một quả búng ruồi, rồi lại bị một tổng nữa vào ngực.

- Xin ông cho tôi ba phút nghỉ.

Người Pháp ưng thuận. Tập thở, cài lại cúc áo, vuốt tóc ngồi xuống bờ cỏ. Một lát anh đứng dậy, vừa chực đâm người Pháp thì một quả tổng trời giáng làm anh quay đi ba vòng.

Hiệp thứ hai này cũng như hiệp đầu, bạn tôi "nhận" rất nhiều, mà "cho" rất ít.

Tôi đứng ngoài cũng thấy tối cả mắt. Muốn cứu bạn nhưng luật tranh đấu bắt mình chỉ được là khách quan. Chưa biết số mệnh Tập ra sao thì bỗng anh ta giữ má nhẩy lùi ra ngoài nói to:

- Hãy gượng.

Người Pháp cũng ngừng lại thì Tập hỗn hển nói:

- Thưa ông, hai bên không được ngang sức. Vậy tôi xin chịu thua.

Rồi cũng chừng chặc như khi anh tiến lên lúc đầu, bạn tôi về xe lấy áo mặc.

Xem ra thì Tập không bị thương mấy chút. Anh để cho cái xe người Pháp đi (người này lúc ấy đã hả giận), mới quay lại bảo chúng tôi:

- Bây giờ thì ta quay về.

*
* *

Việc lôi thôi ấy Tập làm như người quên ngay. Mấy hôm sau tôi gặp anh, anh cũng không muốn nhắc tới. Nhưng tôi không chịu được, hỏi đi hỏi lại mãi, anh mới trả lời:

- Anh không hiểu gì cả?

- Mà sao hiểu được! Tại sao xe nó muốn lên, anh lại không tránh?

Tập cười xòa:

- Nào có tránh được cho cam. Lúc ấy xe bò đi chặt đường, mà tay lái tôi có vững lắm đâu. Cái xe lại như không chịu theo ý tôi. Tôi đã tưởng đến truyện Lưu Bị với con ngựa Địch Lư và đã thầm bảo nó rằng: "Địch Lư, Địch Lư, thiên hạ nói không sai, mi thực là đồ phản chủ".

- Ủ, đã thế, sao anh còn trêu tức người Pháp làm gì?

- Tại nó bóp còi nhặng lên... Mình thì không biết tránh lối nào. Chửi nhau chơi rồi muốn đánh nhau thì đánh.

Tôi nói:

- Đánh nhau thì lợi gì cho anh, thế mà anh còn dám thách già! Tôi tưởng anh biết võ.

- Không thách nó, nó cũng giã mình trước. Anh không nhớ lúc ấy nó hầm hầm đuổi theo xe tôi đấy ư? Vậy, tôi làm thế chỉ là để lấy cớ đấu võ để khỏi thiệt cho mình. Cũng là đánh nhau nhưng muốn cho nó đánh ít hay nhiều là tùy ở mình cả. Vả lại (chỗ này Tập vừa nói vừa nháy mắt) như thế thì không phải chạy trốn như một kẻ hèn nhát, mất tiếng với tình nhân!

*1939 Rút từ Tuyển tập Thế Lữ,
Nxb Văn học, 1983.*

MỘT NGƯỜI SAY RƯỢU

Ông lý Thập riu lười lại nói:

- Uống mới có thể... mà... cũng say... Say quá... Tôi thực... Hừm!

Ông ta nhoẻn miệng cười một cách ngây ngô, ngất nga ngất ngưỡng bước trong đường làng, thành thực nhận thấy rằng mình đã quá say, nhưng cũng thành thực tự dung thứ cho mình cái lỗi nhỏ ấy.

Người ông ta đưa về đằng trước. Hai chân không ăn ý, mỗi bước chực đâm chéo về một đường. Cứ thế tiến lên, ông ta lấy làm lạ rằng mình chịu khó đi cũng đã khá lâu, mà sao vẫn chưa ra khỏi thôn Thượng.

- Ừ say... Mình say thực... mất rồi!

Ông ta chẳng biết đã uống bao nhiêu chén, cũng chẳng rõ trong bữa khao nhà khán Vịnh, ông ta đã nói những gì. Chỉ phảng phất nhớ rằng có một lần cãi lý với phó tổng Đán, mình nói một câu khí hờ, phó Đán nó vặn lại làm cho mọi người cười ầm lên.

Ông ta lại thấy cả cái hổ thẹn của mình trong bữa cỗ và tức phó Đán lắm:

- Hừ! Nó lại... lại dám xỏ cả mình!

Loạng choạng được mười bước, ông ta cười gằn:

- Ngừ ầy thì làm... vương tướng cóc gì... mà... làm bộ! Ông cho thì...

Nhưng lý Thập chỉ nói có thế, vì thực ra ông ta cũng chẳng nghĩ được gì thêm. Những chuyện không hay mà ông ta mong cho phó Đán gặp phải chỉ lơ mờ trong cái trí hỗn độn. Tuy vậy, thế cũng đủ cho ông ta đỡ tức rồi.

Mỗi lần bước lạc, chực xiêu người, đâm chúi vào bờ tre, lý Thập lại nhoẻn miệng cười, làm như đó là một trò ngộ nghĩnh lắm.

Rồi chốc chốc ông ta lại cười; hai mép đang kéo nhách lên hai phía tai bỗng dừng khép ngay vào, mặt có vẻ bồn thần một lúc lâu lâu, để rồi lại nhoẻn cười như thế nữa.

*
* *

Đi ra khỏi con đường rợp, lý Thập dừng lại bên cái quán bỏ không ở cuối xóm Thượng, neho mắt nhìn ra quãng đồng đất khô trụi lúa, chạy tấp đến chân trời. Ông ta thấy buồn tiểu tiện, liền kẹp chặt cái ô trắng vào nách, rồi quay mặt vào một bụi tre.

Một tiếng phì mạnh ở sau lưng thốt nhiên làm ông ta giật mình. Ngoảnh lại trông, thì là một con trâu buộc ở gốc một cây nhỏ.

Lý Thập bẽn lẽn vì đã hoảng sợ, trân trân nhìn mãi vào con trâu, nó cũng trân trân nhìn lại mình. Ông ta lảm nhảm chửi con vật mấy câu, thấy nó lặng yên một cách khó chịu, rồi lại phì lên một tiếng nữa.

- À à, mày lại phì ông! Này phì.

Tiện ô, ông ta đánh một cái mạnh vào mũi con trâu, rồi thuận tay đánh mãi. Con vật nặng nề không tránh xa được, cái dây ngắn buộc nó căng thẳng mãi ra.

Lý Thập đắc chí cười thật to, cứ mũi con trâu đánh lên hoài, đánh cho sưng tay, đánh vì thấy con trâu không làm gì được mình, đánh cũng cho hả cái lòng hung bạo của những người say.

Bỗng ông ta ngừng tay lại. Con trâu vừa lắc sừng mạnh, mũi phì thở lên một tiếng khác thường. Hai mắt ướt của nó nhìn ông trông biêng biếc xanh rồi lại đỏ lừ lừ, như hai miếng tiết.

Lý Thập đã hiểu con trâu có những ý định gì rồi. Nhưng cây có cái dây thừng giữ nó lại, nên ông ta cũng không quá vội vàng. Ông ta tránh sang một nơi, bước xuống một lối ruộng khô, mím miệng lại một cách chán nản, giương cái ô trắng lên và trước khi bỏ

đi, còn ngoảnh lại mắng lấy oai mấy tiếng. Giá thành thực hơn một chút, ông ta sẽ thấy tiếng mắng của mình hơi run run.

Lý Thập nghĩ thầm:

- Nó làm quái gì được mình.

Và nói to cái câu nghĩ thầm ấy lên, để tự an ủi:

- Ủ ! Nó làm quái gì được ông!

Nhưng ông ta vẫn quay lại nhìn luôn và mỗi lúc một thêm lo ngại.

*
* *

Những tiếng móng ở sau lưng, nện đều xuống đất làm cho Lý Thập lạnh tái người đi.

- Thôi đích rồi!

Cái điều mà ông ta sợ nay đã dẫn đến.

Chỉ ngoảnh lại nhìn vội một cái, ông ta cũng thấy quá rõ cái điều nguy kịch: con trâu đã dứt đứt mũi, để đuổi mình.

Ông Lý như người ngái ngủ vừa nhúng mặt vào thau nước. Ông tỉnh lại, cup ô xuống, rồi cầm đầu chạy cuống lên.

Tiếng chân của con trâu gần lại mau chóng lạ thường, mà chân của ông thì chưa bao giờ thấy chạy kém bằng lúc ấy.

Ông không dám nhìn lại, vì cho rằng làm thế sẽ mất rất nhiều thì giờ.

*
* *

Qua hai mẫu ruộng rồi.

Bàn chân dẫm lên những nắm rạ khô cũng không thấy đau... Sự kinh hoàng kịch liệt râm ran khắp người và trong tiếng gió vút bên tai, ông chỉ nghe thấy tiếng phì thở của con vật... Ông ta

chỉ tưởng thấy vẻ hung tợn của con trâu, với đôi mắt đỏ lừ, với cặp sừng cong rất tiện lợi cho việc bảo thù của nó.

Lý Thập mong rằng đó chỉ là một giấc mộng, rồi lại mong rằng mình tưởng lầm: không có con trâu nào đuổi theo ông ta. Nhưng hại thay! Những tiếng chân ở sau lưng mình chả còn có thể là tiếng gì khác.

Ông ta biết rằng chậm một bước là chết. Nhưng người đã nhọc quá, hơi thở trong ngực như không kịp có thời giờ dồn ra... Thử cố tính xem còn kế nào khác nữa không? Nhưng cái ý nghĩ ấy hình như cũng làm cho ông chạy thêm chậm.

Lý Thập thấy mình khổ sở không biết chừng nào. Con trâu vẫn tiến lên một cách đều hòa độc ác.

*
* *

Mồ hôi trên trán chảy xuống nhiều quá.

Ông ta nhắm mắt lại để cho nước mắt giàn ra, rồi thu hết sức hít một hơi cực dài, ông ta nghiêng rằng lại chạy rướn lên, không ngờ rằng lúc đó còn chạy được nhanh đến thế. Nhưng được chừng dăm trăm bước thấy kiệt sức và hy vọng rằng cũng đã bỏ con trâu được một quãng khá xa, lý Thập liền dừng chân trên một bờ ruộng và quay lại. Ông ta hét lên một tiếng yếu đuối: con trâu chỉ cách mình chừng năm con sào.

Mà nó thì không hề nghỉ chân. Điều bộ thân nhiên, nó tiến lại trước mặt một cách quả quyết bưng bình kiếu súc vật.

Lý Thập không thể nào nhúc nhích được, chỉ chực ngồi xuống đó để chết, nếu không gặp được sự may mắn phi thường nào.

Con trâu đã qua cái bờ ruộng bên kia, Lý Thập chỉ còn đủ sức cuối cùng để liệng cái ô trắng vào giữa hai sừng của nó. Con vật đứng sững lại như một cái máy chột hăm. Rồi hình như quên người đàn ông đấy, nó cúi đầu xuống húc, nhay, giày, xéo kỳ cho đến lúc cái ô rách toét ra. Ông Lý ngồi ở bờ ruộng bên này, mặt xám như tro, hai mắt lạc tinh thần tráo trưng nhìn công việc của con trâu, ngớ ngẩn như người mất trí.

Lúc con trâu ngừng lên, trên sừng còn vương cái gọng ô nát, lý Thập mới nghĩ ra. Cái thông minh nhọc mệt và chậm chạp của ông ta hình như đến lúc ấy mới sực tỉnh.

Ông ta đứng phắt lên như bị điện giật, rồi lại cắm đầu chạy. Con trâu nhìn người đàn ông, ngạc nhiên một lúc, rồi đuổi theo liền.

Và cứ thế, trên mặt ruộng man mác và vắng vẻ lạ thường, người đàn ông thì thu hết tàn lực để tránh xa một cái chết gớm ghê, còn con vật thì cứ đều bước tiến theo. Cái thân hình khỏe mạnh của nó lúc ấy như chứa chất một thứ sức mạnh lạnh lùng tàn bạo.

*
* *

Lý Thập không còn một tí gì là say nữa. Ông ta nghĩ đến cái tình thế nguy khốn của mình một cách rõ rệt, và chạy lên cũng hăng hái thêm.

Nhưng chạy qua được năm, sáu thửa ruộng, lý Thập lại tưởng không còn hơi sức nào, trong lòng cay cực và oán giận hết thảy mọi người. Cánh đồng đất dưới ánh nắng chiều sao mà yên tĩnh đến thế, vắng lặng đến thế? Những người ở làng xóm xa hình như hẹn nhau đợi chính lúc này để ở nhà hết, hay có ai biết mình bị nạn cũng không thềm ra cứu mình.

Con trâu vẫn đuổi mình cũng gan góc khác thường.

Khóm tre xanh ở làng ông ta cũng như cố ý xa thêm mãi ra; gió ruộng thổi vào người hình như mạnh thêm lên; tất cả mọi sự đều như nhất định làm cho ông ta khổ. Bước chân dần dần thấy nản và nếu cứ thế mãi thì chỉ lát nữa con trâu húc tới sau lưng.

Sau cùng, khi trông thấy rõ một cây đa con gần Hạ thôn, lý Thập mới gắng hết cái đảm lực tuyệt vọng bằng mình lên, biết trước rằng chưa đến cái cây mà đã đứt hơi, thì thôi, thế là hết. Lý Thập đuổi sức quá, hai chân vẫn chạy, nhưng hình như bị cái đà người đưa lên thôi, thần trí tán loạn và hôn mê gần như lúc sắp ngất người đi vì uống quá chén.

Đến lúc hai tay đã vô được cây đa nhỏ gần Hạ thôn, ông ta mới dám hy vọng rằng mình còn có thể thoát được nạn. Ông ta áp

ngực vào da cây mà thở một lát, rồi bấu đến nát tay vào đầu mẩu, thu hết gân sức trèo lên.

Lý Thập cười được lên cái chạc lớn dưới cùng rồi, cánh tay và bắp chân liền ôm thắt lấy thân cây đa, rồi cúi mặt lên vỏ cây khóc nức lên mấy tiếng. Dưới gốc cây, con trâu đã tới, cái mũi rách toác chỗ lên gần tới chân người đàn ông.

*
* *

Chiều tối hôm ấy, người nhà khán Vịnh ở thôn Thượng đồ đi tìm trâu, tới nơi thấy nó lẳng lặng đứng đợi dưới gốc cây đa. Họ phải tròng thừng vào cổ con vật lôi về, rồi lên cây cứu ông lý Thập xuống.

Ông ta lúc ấy ngất đi không biết gì nữa, nhưng chân tay vẫn bám rất chặt lấy thân cây, họ khó nhọc lắm mới gỡ được ra và gọi mãi mới tỉnh.

Lý Thập ốm mất hai tháng trời vẫn chưa hoàn hồn.

Rút từ tập truyện ngắn Bên đường thiên lôi, 1936.

CHIM ĐÈO

*Ở đây mây núi, cây rừng
Nước non thanh sạch, cách chùng phôn hoa
Chim đèo nhẩn, gió đèo ca
Du hồn mơ một giấc mơ khôn cùng...*

Mấy vần thơ

Thư của Khôi Giang gửi cho bạn ở Hà Nội

"Bản Càng ngày 16 tháng tư năm 1936

Bằng ơi!

Hồi này anh bạn phải không? Anh mỗi một chán nản nữa? Tôi tỉnh lắm kia đây. Đọc văn anh và xem công việc anh ít lâu nay, tuy vẫn thấy vẻ hoạt động hăng hái của tuổi trẻ nhưng tôi cũng đoán thấy những giây phút uể oải nó làm cho anh thấy những công việc hay nhất cũng không có nghĩa lý gì. Tôi đoán hẳn không sai, vì cái khổ ấy thường là cái khổ chung của bọn viết văn chúng ta, tôi đã hiểu rõ và tôi cũng hiểu rõ anh nữa.

Vậy anh hãy nghe tôi bảo: gác công việc đấy, xếp quần áo vào va li, những quần áo đủ thay đổi trong mấy hôm, rồi trốn đi! Tạm xa cái Hà Nội gió bụi chật hẹp của anh dăm bảy ngày đi!... Tôi xin mách anh một chỗ non nước rất êm dịu, rất ân ái, rất nên thơ... và dưới đây là đường lối dẫn đến cái xứ thần tiên ấy.

Anh lấy vé chuyến xe lửa sớm đi Đồng Mô; tới ga anh xuống, vào phố chợ hỏi thăm lối về Bản Càng. Người ta sẽ chỉ cho anh một dãy núi cao chắn ngang, nhưng anh đừng ngại. Anh phải trèo lên

trèo xuống ba cây số đường núi: đối với anh khó nhọc thực, nhưng đã có những cảnh lạ mắt đủ làm anh vui lòng. Bên mình anh là một cái vực lớn toàn một màu um tùm râm mát của cả một rừng cây. Những tiếng ào ào không thôi, ran lên hình như từ trong những vũng lá im lặng... Đó là tiếng thác nước chảy khuất dưới khe núi. Nhưng anh đừng mất thì giờ tìm. Anh cứ đi và thế nào cũng đến bên một khu cây lá mọc thưa, chỉ cúi nhìn cũng thấy cả một khúc nguồn nước trắng phau hùng hổ băng ra giữa những tảng đá lớn. Nếu dọc đường cứ phải đứng lại mà ngắm thì không biết đến bao giờ anh mới thôi lưu luyến và chưa biết đến khi nào mới tới nơi... Một đôi bướm, một đóa hoa rừng, những tia nắng vàng tươi lọt qua vừng cây xanh già, tất cả mọi vật ở đây đều kỳ thú hết!

Anh cũng sẽ gặp những người Thổ qua lại đây. Họ sẽ yên lặng giương mắt ngạc nhiên trông anh, có vẻ tự hỏi: "Cái nhà ông mặc quần áo tây này ở đâu lại đến đây. Mà sao lại nhìn chúng ta cẩn thận thế kia?" Vì chắc thế nào anh cũng sẽ giương mắt nhìn họ. Anh nên mỉm cười hay gật đầu đáp lễ nếu họ chào mình; sự nhã nhặn đó rất làm vui lòng những tâm hồn chất phác ấy. Đến một chỗ đường núi mở rộng trên một đầu dốc là anh đã đi được ngót nửa đường. Chỗ này cây lá um tùm hơn, cao rậm hơn và lối đi cùng đỡ khó nhọc hơn trước. Anh chọn một mỏm đá mà ngồi nghỉ. Có khát thì đến bên một vũng lớn ở dưới một hốc núi; nước ở đấy trong suốt như ngọc. Anh nằm sấp xuống cỏ, nhúng môi tận nước mà uống và sẽ thấy cả sự mát mẻ khoan khoái gọi vào trong toàn thân...

Bốn con ngựa buộc trước giậu một chiếc nhà tranh gần đó, anh thuê lấy một; lẳng lặng mà lên yên rồi cứ thẳng đường mà tiến đi. Từ đây trở vào không còn dốc nữa. Đi được hai cây số, anh ra khỏi núi đá và bóng râm xanh của cây rừng. Gần thung lũng rồi. Hai bên là những cánh đồng ngô chạy xa tắp. Đất trồng điệp và phẳng nhẵn ở phía trước, màu xanh dịu hay vàng non, nổi trên chân trời hồng biếc, vì lúc đó sẽ vào khoảng bốn giờ chiều. Vân Bằng ơi! Trút bỏ sự lo âu đi! Trút bỏ cả tấm linh hồn phức tạp của người văn minh nữa!... Anh đã tới một xứ êm đềm giản dị, cảnh đẹp có một vẻ thanh bình thuần túy khác thường. Anh sẽ được hưởng cái ngạc nhiên sung sướng của một người đang sống trong đời vật lộn bỗng tự dừng bước tới một nơi non nước yên lặng, cổ kính như ở đời thái lạc ngày xưa... Trong không khí thanh khiết, nhưng tiếng hát dẻo dăng sẽ vẳng đưa lên nhẹ nhàng như tia khói thoảng bay và

nhệm màu như lời cây cỏ. Anh sẽ dừng ngựa lại, sẽ băng khuâng để cho bao nhiêu cảm tưởng, bao cảm giác đậm đà mới mẻ gọi lên tâm hồn... Và anh sẽ thấy mình ở bên một khu vườn quả chín, bóng cây chen sít dưới những điểm lưa thưa nắng rọi như thêu hoa... Không, anh không mơ đâu!... Những điều anh sẽ trông thấy kia là sự thực đấy!...

Hai người con gái ẩn hiện trong lá sẽ tiến đến trước mặt anh và sẽ hỏi anh một câu mà anh không hiểu nghĩa. Họ không đợi đáp và sẽ đưa tay chỉ cho anh về phía làng như đột nhiên hiện ra dưới thung lũng: một nơi thôn dã nhỏ nhắn, mái tranh lác đác lẫn trong những vùng mai trúc xanh già. Những tấm thảm vàng non êm mắt kia là những ruộng mạ, cái nguồn bạc lượn tới từ phía rừng thấp kia là dòng suối, và dải lụa hồng thắm vắt ở chân đồi trước mặt là con đường đất đi Bản Linh...

Anh sẽ xuống con đường đó, rẽ về phía tay trái, qua một lũy mai lớn rồi rẽ về phía tay phải để lên cái đồi ẩn ở phía sau. Trên đồi, một lớp nhà tranh cao rộng dựng theo kiểu mới, đứng đóm dáng trong màu sương hồng tía của buổi chiều vàng. Chung quanh nhà, bức rào trúc ngăn vây bốn bên nhưng có tính cách trang hoàng hơn là để phòng giữ. Vòm cây thấy nhô sau nóc là hai cây táo, và những gốc đào uốn éo trước cửa là thứ đào muộn, còn nụ cho đến cuối xuân.

Anh cứ đẩy cổng mà vào vì cổng không bao giờ khóa, cũng đừng lấy làm lạ khi không thấy một tiếng người nào quanh mình. ở đây, mọi vật đều cẩn trọng im hơi để chiêm ngưỡng bao tiếng rì rào thần thiêng của cảnh trí... Anh lẳng lẳng bước lên thêm, sẽ rén bước trên những cánh hoa nhưng gió hất trước hiên, và nhẹ nhàng rẽ cái rèm trúc ngà buông trước cửa. Đoạn trúc rèm đụng nhau sẽ kêu lên từng tiếng giòn giã xinh xắn trong giữa tĩnh mịch, và sẽ còn reo động như thế cho đến lúc anh đã bước hẳn vào trong nhà.

Anh nên đứng yên, anh nên tĩnh tâm mà ngắm khắp mọi nơi, sự thần nhiên kia là bản tính của nhà này, nhưng là sự thần nhiên thân yêu và đầm ấm.

Từ hai cửa sổ lớn căng the, ánh sáng hồng xanh đưa vào như một làn âm nhạc yên lặng. Nhà rộng nhưng bài trí đơn giản: một cái bàn mộc, hai ngăn sách áp tường, một chiếc chõng mây ken và một chiếc giường trúc vàng lờ mờ sau bức màn phơn phớt xám.

Hai cái ghế dựa bằng tre kê bên cửa sổ để ngồi đọc sách vừa để ngắm cảnh bên ngoài. Trên một chiếc khác ngoài hiên sau, anh sẽ thấy một người mặc áo chàm, đang thanh thản nhìn xa hoặc đang chăm chú suy nghĩ.

Người đó lúc ấy mới bước vào nhà, nhìn anh mỉm cười và anh sẽ kinh ngạc nhận ra chính là Khôi Giang, bạn anh, nhưng một Khôi Giang tươi tắn, sung sướng và khỏe mạnh hơn xưa, - nghĩa là hơn cái hồi gần đây còn cùng anh làm báo ở Hà Nội.

Phải, tôi đây Vân Bằng ạ, tôi trong bộ y phục sơn dã nó hợp với tính tình tôi hơn... Bởi vì anh vẫn biết, dầu ở đâu, dầu làm việc gì, bao giờ tôi cũng giữ trong huyết mạch của tôi cả cái khí chất mộc mạc cổ sơ của nơi rừng núi.

Tôi sẽ kể cho anh nghe hết tâm sự tôi sau khi đã đưa anh đi xem hết các cảnh lạ, cảnh đẹp, cảnh hùng vĩ hay mơ màng ở chung quanh nhà tôi... Tôi có thể tự phụ là người giàu có mà sung sướng ít ai bằng, vì tôi tự cho mình là người biết yên hưởng cái gia tài quý báu của vẻ đẹp trong giới đất. Về đời sống vật chất, tôi thành người giản dị nên bao giờ cũng sung túc. Một lớp nhà sáng, một tủ sách, một số tiền nhỏ, một khu đất trồng hoa quả, vài ba con ngựa tốt; thế là đủ cho tôi không thiết nhớ gì cảnh kiêu sa đã quyến rũ được tôi bấy lâu nay. Tôi định ở đây suốt đời để ca ngợi, để thưởng thức, và để ghi chép lấy tâm hồn của non nước ở trong tâm hồn tôi. Và cũng để yêu đời trong sự yêu thương chân thật nữa.

Ồ! Tình ái ở thượng du! Thực không còn bài văn nào có những lời đẹp dễ trong trẻo hơn được! Tôi hiện sống quẩn quýt với một người thiếu nữ ở miền này, một con chim ngàn chỉ biết có màu trời xanh riêng ở đây, chỉ ca hát với ánh sáng ở đây và trong tâm hồn chất phác kia chữ ái ân mới vẽ lên những nét mê mẩn và bao nhiêu ý nhị... Tôi nghĩ lại những ngày còn lăn lóc trong đám bụi mù ở thành phố Hà Nội, tôi tưởng đến những lời sôi nổi, những cánh tay khăng khít và những câu ước hẹn: bao nhiêu say đắm trong những cuộc tình duyên chóng tàn... Sao mà chán chường, sao mà hững hờ, giả dối thế! Tôi thấy tình cảm người ta đều là văn chương kiểu cách hết. Tất cả những vẻ đẹp của lời nói, của câu tình tự, của dáng điệu mê mẩn ấy, thực không bằng một tiếng thở dài của cô nàng lúc ngầy lạng nhìn tôi. Tôi hình như được thả tâm hồn vào trong màu nước ngọc hồ là hai con mắt vô cùng ấy.

Tôi gặp nàng một buổi sáng trăng đầu hạ vừa rồi. Lúc ấy tôi thần thơ trên bờ suối, đi ngược về phía đồi nhà. Nàng đứng tắm ở một khúc suối lúc nào tôi không hay, nên khi tôi vừa sức bước tới bên thì cả nàng, cả tôi đều kinh ngạc. Tôi chưa thấy vẻ đẹp nào lạ lùng hơn thế. Thân hình nàng vừa đắm dưới nước, ánh trăng rớt xuống còn long lanh ướt đọng nước ở vai... Nàng lùi vội vào sau một khóm cây và bắt đầu cười, tiếng cười then thùng nhưng cũng tinh nghịch.

Tôi còn gặp nàng mấy lần nữa, khi thì ở trên đồi hái lá, khi thì ở bên cối gạo, khi ở trên các đường làng. Chúng tôi quen nhau rồi thân nhau. Cái ánh sáng yêu đương trong lòng tôi, nàng thấy rõ ở đôi mắt của tôi và bằng lòng để tôi đón nàng về nhà tôi như một đứa trẻ ngoan ngoan. Tôi mặc quần áo Thổ từ đây và không bao giờ nói tiếng Kinh với nàng.

Anh lên đây sẽ thấy cả cái dịu dàng của con chim xanh ấy, anh sẽ được biết một tấm lòng đơn giản cao quý, nhưng không bao giờ thấy ở dưới Hà Nội này. Nàng hiểu tôi bằng thứ bản năng sáng suốt của tình yêu và tôi cũng đem sự thành thực thơ ngây ra yêu nàng như một vị tiên tử. Ngoài những lúc đọc sách và viết văn, là việc bao giờ tôi cũng ham mê, tôi để cả thì giờ khác để âu yếm nàng. Anh sẽ thấy cảnh tượng dí dỏm của hai đứa trẻ con nô đùa ở mấy ngọn đồi gần nhà, sẽ được ngắm chúng tôi kề vai nhau, tôi vấn tóc cho nàng rồi lại gỡ ra để nghe nàng hát những khúc hát mông mênh những tình ngọt ngào hay thương nhớ.

Bây giờ là bốn giờ chiều. Nàng trông bóng hiên đã biết đến giờ vào rủ tôi đi chơi như mọi bận. Tôi ngồi ở bàn giấy viết nốt cho anh bức thư dài này để đưa về nhà báo của anh một chút phong vị gió ngàn và để rủ anh lên đây mà nghỉ ngơi mười hôm. Nàng thấy tôi chăm chú, nên rón rén ngồi trên chiếc ghế gần đấy, kính cẩn đạo mạo như trước một việc tối nghiêm trọng. Tôi để mặc nàng ngồi yên, làm như không để ý gì đến nàng, nhưng tôi đoán biết nàng đang đắm đắm nhìn tôi, có lẽ nàng mỉm cười với tôi nữa"

Khôi Giang

Người chép lại: Thế Lữ

Rút từ tập truyện ngắn Gió trắng ngàn, 1941.

THOA (MỘT ĐỜI NGƯỜI)

Thoa được chừng bốn tuổi thì cả nhà không còn hy vọng gì nữa. Buồn khổ cũng không đến nổi cay độc lắm, vì họ đã sẵn sàng chịu đựng từ lâu.

Tuy trước đó cha mẹ Thoa vẫn tự nhủ: "Con bé chậm nói cũng nên", nhưng trong tiếng thở dài đã rõ ràng lộ ý chán nản. Họ lấy những trẻ chậm miệng nhất trong chỗ quen biết để làm chùng; đợi thêm tám chín tháng nữa cho già thời hạn; rồi thử lại lần sau chót theo cách đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần: nghe gọi thì Thoa chạy đến, bảo làm gì Thoa làm đúng thế nhưng khi hỏi, thì Thoa chỉ bắm be ồm ứ không thành một lời nào. Sau cùng, ông bố nói lên trước nhất cái câu mọi người chỉ dám nghĩ thầm:

- Con Thoa nó câm thực rồi!

Ông nói thêm:

- Nó câm mà không phải vì điếc!

Ông nhớ lại trận ốm của Thoa hai năm trước và nhìn lại chồng sách thuốc ông đánh dấu những trang ông tra cứu về các chứng kinh phong nó làm câm khẩu người bệnh ở bất cứ tuổi nào. Bao nhiêu phương chữa chạy của ông cũng như bao nhiêu phen cầu cúng của bà tú để cứu đứa con gái cuối cùng, đều vô hiệu cả.

- Nó câm thực rồi!

Họ hàng đều nín thinh, ai giữ riêng nấy những lời có thể bàn ra bàn vào. Cha mẹ Thoa cũng ít khi thở than. Người ta đã cam tâm nhận lấy cái tai họa.

Trong gia đình trước kia sung túc của ông tú Đạt, Thoa từ đó khôn lớn một cách thâm lặng và nhún nhường. Cùng với hai chị và một anh, Thoa vẫn được chăm nom song người ta coi Thoa như

một cây cảnh thừa: tiện thể thì tưới bón, nhưng ý sẵn sóc vẫn là phần những cây khác cùng luống.

Anh và chị Thoa chú ý đến Thoa chỉ vì sẵn có kẻ để trêu ghẹo; nhưng chán rồi cũng để Thoa yên. Không dám tranh giành, lại hay bị bắt nạt, Thoa chỉ thủ thủ một mình với những vật nhỏ mọn làm đồ chơi: cái nút thủy tinh, những sợi dây gai, lọ dầu quất thần vớt đi, hai cái quai ấm chuyên vỡ. Những thứ ấy, cùng với những mảnh sành hoa, hòn sỏi nhẵn, cũng đủ cho Thoa giải trí được hàng ngày. Thoa đến một góc hiên, xếp hàng cả ra trước mặt, cầm từng cái mà xem, miệng mím, mắt đen láy vui thích rồi vội vàng thu cả lại, lảng đi chỗ khác khi có bóng người. Thoa sợ nhất giờ anh chị đi học về. Lúc ấy thì những bảo vật của Thoa đã giấu kín trong hộp sắt tây, và Thoa ngồi tráo mắt nhìn ra, lo lắng, nhưng quả quyết.

Bà mẹ là người tỏ lòng thương hại Thoa hơn cả thì không mấy khi ở nhà, mãi miết công việc buôn bán. Ông tú cả ngày bên án thư cầm sách nho giờ lên dưới tầm mắt kính và như ngượng ngùng mỗi khi nhận thấy có Thoa ở gần. Có lẽ ông coi Thoa như kết quả một điều thất đức nào xa xôi. Dù sao Thoa cũng không bao giờ được bố ngó ngang tới nữa.

Ông tú không hay nói, lãnh đạm với mọi sự, và mọi người. Từ hồi tiền của trong nhà kém sút và bà tú phải ngược xuôi vất vả, ông bỏ mất tính hào phóng giao du ngày trước, để hết tâm trí mỗi mệch vào tập sách nho và bộ ấm chè tàu. Con cái cùng với người nhà phải lảng lẽ xung quanh ông; ông không để ý đến ai nhưng riêng đối với Thoa, Thoa cảm thấy có một sự kiêng kỵ lạ lùng, mập mờ và dai dẳng. Bà tú về nhà được một đôi ngày ít ỏi nào thì sự vui ấm mới dần vội cả xuống nhà ngang rồi lại tắt tả theo bà đi mất ngay. Thoa lại lùi vào sống trong cái phận im lìm, cuộc đời như lẩn cùng bóng tối.

Đứa bé nhận hiểu nỗi thiệt thòi từ khi khối óc ngây thơ bắt đầu có những điều nghĩ ngợi, nhưng sự thuận quen với số phận đã giữa mòn những ý tủi hờn. Thoa giữ địa vị con cái trong nhà một cách kín đáo, một cách rụt rè, không biết đòi hỏi đã đành, nhưng cũng không tỏ ra chiều mong ước; người ta cho gì thì được nấy. Bữa cơm Thoa không bao giờ đợi cho ai phải tìm gọi. Tắm rửa, người ta giúp Thoa cho đến khi Thoa biết tự mức nước và dùng khăn lấy. Cái

lược là một vật châu báu kỳ ảo mà Thoa không hiểu sao anh chị mình lại coi thường. Thoa sớm biết mọi điều giữ gìn săn sóc đến mình, như là để khỏi bận cho người khác. Chung đụng với Thoa trong khi ăn và trong lúc ngủ mà hai chị Thoa với anh Thoa như quên hẳn có Thoa. Đó là do sự cách biệt lạnh lẽo của người trong nhà này, và cũng do thái độ đứa bé thiệt phận. Thoa giống in như sự im lặng: vẫn có đấy mà người ta ít khi nhận ra.

Cái bóng nhỏ bé và lủi thủi kia chỉ quanh quẩn trong khu vườn cây bao bọc lớp nhà cũ ở ngoại ô Bạch Mai. Thoa không bao giờ bước ra khỏi cổng, có ý tránh sự tò mò của người ngoài và cả người hàng xóm. Họ hàng từ lâu đã thưa qua lại. Khi nghĩ tới cái họa hiện đến nhà ông tú, họ chỉ nhớ đứa bé ú ở cái miệng ngoan ngoãn, hai trái đào đen và đôi mắt sáng - đứa nhỏ kháu khỉnh mà họ từng biết sáu, bảy năm đã qua.

Một lần, mẹ Thoa cùng về nhà với một bà cô lấy chồng tỉnh khác. Bà vừa vào đến cửa đã cất tiếng hỏi, giọng đầm ấm và ngọt ngào:

- Đâu! Nào cháu út ít của cô đâu? Con cầm đâu, ra đây với cô!

Bà lên nhà chào ông tú rồi xuống nhà ngang ngồi đợi. Mẹ Thoa giục gọi hai ba lượt mới thấy "con cầm" ở chái hiên chậm chạp bước ra, tay buông xuôi người, mắt đen nhìn thẳng trân trân. Gần tới bà cô, Thoa chợt đứng lại.

- Tội nghiệp! Cháu tôi thế kia mà không nói được. Thoa lại đây với cô nào!

Những lời ân cần hồn hậu vuốt ve Thoa cùng với một bàn tay êm dịu. Thoa để yên cho người ta vỗ về.

Lần ấy là lần đầu, Thoa nghe thấy người ta ôn tồn mà gọi tên rõ ràng cái tật của mình ra. Những tiếng "con cầm" nói bằng giọng ít nhân từ hơn cũng đã lâu không phạt lòng Thoa. Huống chi trong lời chân thật của người đàn bà này lại còn những tiếng khen mà cũng lần đầu Thoa được nghe thấy. Thoa vẫn biết mình gòn gàng xinh đẹp, Thoa hiểu tự bây giờ mình nhan sắc hơn hai chị, hơn cả chị lớn sắp được đi lấy chồng. Nhưng lời bà Đồ vẫn là một điều chứng nhận khiến Thoa tin chắc giá trị mình và lấy làm hởi dạ.

Năm Thoa lên mười hai, ông tú thỉnh linh ồm nặng rồi chết. Trong hồi bận rộn thương khóc ấy, Thoa thản nhiên ngồi xem, riêng hai mắt sáng đen linh động trước một cảnh mới lạ. Rồi theo hai chị mặc tang, theo người thân thuộc đưa ma, bắt chước lễ những bàn cắm hương thấp nển. Thoa vẫn khép nép mà tham dự vào công việc quan trọng đó trong gia đình. Công việc xong, Thoa sẽ lại trở về với nơi câm lặng của Thoa. Cái chết của người cha để những dấu u ám nào trong tâm hồn kia? Có thể Thoa chỉ thấy một sự gì dịu dặt, nhẹ nhàng trong quạnh hiu, có lẽ Thoa chỉ thấy vắng ở chỗ thường ngày cái ông già nghiêm nghị buồn rầu, lúc nào cũng ngồi cạnh khay trà và mắt đeo kính để xem sách.

Những kỷ niệm sót lại trong tâm tưởng Thoa hồi này là sự huyền ảo của một nhà đám, những tiếng kể lễ ai oán hỗn độn với tiếng kèn trống náo nùng ánh ỏi lần lần phai mờ, những người mặc toàn trắng loáng thoáng qua lại với bộ mặt sứt sùi dưới mũ mấn, những con mắt đỏ hoe và thóc mách xoi mói nhìn tận mặt và từng bộ dạng của Thoa... Chị Trâm lấy chồng vào đúng dịp này, nhưng đám cưới chạy tang ấy lẫn lộn vào đám hiếu. Thoa chỉ nhớ có người anh rể mà Thoa đã được trông thấy mấy lần trước, bây giờ khác lạ trong bộ tang phục và tháo vát một cách nghiêm trang.

Những hình ảnh ký ức kia diễn hoạt hàng giờ đắm đắm im chìm của Thoa, cho đến ngày bà tú không buôn bán đường xa nữa. Bà trang trải xong công nợ, dọn một ngôi hàng nhỏ trao cho cô Xuyên, và nghỉ hẳn ở nhà. Lúc ấy bà tú mới nhìn thấy rõ người con gái tội nghiệp của bà và lúc ấy Thoa mới được hưởng sự đầm ấm. Thoa vẫn tinh ý sớm, lòng thương yêu đủ cho hai người tìm được cách hiểu nhau. Bà tú bảo ban Thoa từng điều, dẫn dụ Thoa từng nhẽ, thêm khéo cho cái tay thêu thùa nấu nướng đã sẵn tài. Bà ứa nước mắt thầm nhận thấy con gái mình có đủ cả nét na, đủ thông minh và càng không thua kém ai về nhan sắc. Đôi mắt Thoa quán quýt mẹ gồm tất cả mọi tình cảm rung động ở đời. Thoa đối khác hẳn trước. Đôi môi ý nhị của nàng hơi mấp máy đã linh hoạt cùng với vẻ nhìn chí thiết của nàng đủ là những lời, những câu mà bao giờ bà mẹ cũng nghe thấy hết. Bà tú thường vuốt tóc Thoa mà nói không xiết ý:

- Con châu con báu của mẹ đây!

Cái cố tật của Thoa pha những vị chua chát vào nỗi sung sướng của người mẹ khi bà nghĩ xa đến hậu vận của Thoa. Thoa thì không nghĩ ngợi gì, tươi tốt thỏa thuê như cây hoa gặp mùa nắng ấm.

Nhưng hạnh phúc của Thoa không bền.

Bà tú ở nhà chưa được bao lâu cũng lại thụ bệnh rồi mất. Thoa khóc nghẹn đến ngất đi, tỉnh dậy rú lên, những tiếng đứt ruột. Thoa gieo mình ôm choàng lấy quan tài mẹ khi hạ huyết và trên đường về, người ta phải ghì tay mà xốc nách một người con gái rũ rượi, hai mắt điên cuồng.

Thoa ốm liệt giường năm tháng, gần ngơ mất hơn một năm, hoàn toàn bình phục để thấy gia đình tẻ ngắt với ba chị em mồ côi. Đau thương không khiến cho họ thương yêu nhau và Lạc, người con trai, vừa hồn xược vừa lêu lổng. Những tiếng tăm người ta nín giữ từ trước được lúc ủa chạy tung ra. Người ta nói đến quả báo từ những tội nợ đâu đâu. Thoa còn nhỏ mà khôn ngoan hơn, lấy thế làm khổ sở nhất, thường chạy đến gục đầu vào chân bàn thờ mẹ hàng giờ. Sự nghèo túng hiện đến mau chóng lạ. Lốp nhà, trước còn đem cầm nợ, rồi sau bán hẳn. Người anh rể, chồng Trâm, không kịp can thiệp để ngăn đón những mưu mô lừa gạt của một người họ xa. Rồi Xuyến theo tình nhân, bạn của em trai cô. Lạc cũng phiêu bạt chẳng biết tới đâu, mang theo số còn lại ở món tiền bán nhà mà hắn đòi giữ. Thoa trở nên cái gánh nặng cho gia đình người chị cả, thanh bạch và đã có hai con.

Thoa như hiểu ngay từ lúc đầu sự gượng gạo của Trâm. Những lời tử tế quá phải lẽ Trâm nói khi đem Thoa về nuôi chỉ là để điểm tô cho một cử chỉ không thể dừng được. Cho nên Thoa cố xếp dọn lấy một đời sống kín đáo nhất trong cảnh ăn nhờ chị. Thoa tìm cách thu hẹp địa vị của mình lại, ẩn náu trong một sự ngừng lặng hết mực, để đỡ vướng bận mọi người. Thoa lựa lọc dần dà cho sự sống của Thoa nhẹ nhàng ăn khớp với cuộc đời mới.

Thoa khâu vá đỡ đàn chị, sắm sửa cho các cháu mà Thoa rất sẵn sàng quý mến, nhưng chúng cứ sờ sợ không hay đến gần. Rồi Thoa được người ta đưa đến cho ngày một thêm nhiều những kiểu áo để đan, những mặt gối để thêu với những công việc may cắt nhỏ. Suốt ngày, ngày nọ sang ngày kia, Thoa ngồi ở một góc nhà, cúi đầu

xuống kim chỉ, và cũng như xưa ở với cha mẹ, Thoa khiến được người ta không nhắc nhở đến sự có mặt của mình.

Tháng năm qua đi, cùng với cuộc đời hoạt động bên ngoài, người thiếu nữ cặm cùi vẫn ngồi mãi một nơi âm u và điếm vào những ngày lặng lẽ của nàng một đôi tiếng thở dài rất nhẹ, rất dịu. Dưới khuôn mặt hòa đối kia, đẹp một vẻ thanh tao trầm tích, ai biết được có những nỗi niềm, những nguyện ước gì?

Thoa mười bảy tuổi rồi. Đôi mắt đen láy khi nhìn ra dưới cái vùng trán trắng mịn, đã làm cho những người vô tâm nhất cũng phải sửng sờ.

*
* *

Cái Tết thứ hai sau năm hết tang mẹ, chị Trâm thêm vào số tiền Thoa kiếm được dân trong việc khâu đan, đã mua cho Thoa một chiếc khăn nhung và một cặp áo xuyến. Món quà ấy là một thứ hảo tâm chợt nảy sinh ra, nhưng cũng khiến người cho có thêm một chút quý mến chân thành đối với người nhận. Còn Thoa thì sung sướng rõ ràng. Hôm đưa hàng về, chưa may thành áo, Thoa đã ướm đi ướm lại mãi, miệng rung rung phác một nét cười, đôi mắt loáng ướm. Sự vui vẻ của nàng hiển lộ vì biết bao ngày lặng khép đã thấm vào lòng Trâm một thứ cảm động rất ngọt ngào.

Tết năm ấy người ta mới bớt quên Thoa. Một chút điểm trang cũng tôn hân nhan sắc nàng lên. Và cử chỉ tử tế của chị Trâm như đưa tới cho nàng một sự vỗ về cùng với những ý sung sướng. Người thiếu nữ sớm trầm ngâm kia như trẻ hẳn lại. Miệng Thoa, mắt Thoa, và cả thân thể của Thoa là sự hớn hở tươi đẹp của tuổi thanh tân. Trâm khen:

- Cô ả khéo làm đom tệt!

Trâm mỉm cười để giữ một câu không tiện nói đùa về việc chồng con Thoa. Dưới mắt ngấm nghĩa của chị, Thoa làm vẻ nũng nịu ông ọ thêm. Nàng đi ra đi vào, lấy trầu mời Trâm, vẩy Trâm lại sữa khăn cho nàng. Nàng chúm chím miệng và nghiêng đầu liếc

Trâm. Ô! Giá Trâm hiểu được sự biết ơn của nàng trong đôi mắt chan chứa!

Lần thứ nhất nàng được Trâm đưa đi lễ chùa, đến nhà một vài người họ gần. Vị ẩm ngọt của ngày vui cùng với những cảnh sắc linh động, còn lâu mãi sẽ làm câu chuyện hứng thú để nàng rủ rỉ với riêng nàng. Thoa được thấy đời sống đàn phận của Thoa không phải chỉ có một màu tối lạnh như xưa nữa. Từ cái Tết đáng yêu đó, một cột tươi hồng như đã đánh dấu cho bước đời về sau.

Thoa dần dần được dự vào việc nhà của chị một cách gần gũi hơn. Mấy cháu Thoa không còn xa tránh nàng, ngoài những lúc khâu vá, đan may, Thoa thường giúp chị công việc bếp núc. Trâm không hay gần hắt xa xôi như trước nữa và cái bồn phận phải nuôi em, Trâm cũng đã thấy nhẹ nhàng hơn. Rồi xảy ra con nhỏ của Trâm bị trận ốm nguy kịch, Thoa chăm nom hơn cả bố mẹ nó. Đứa bé khỏi, tình ruột thịt của hai chị em như đậm đà thêm. Trâm thấy nàng săn sóc bé Tuyên và thấy đứa trẻ quăn quýt Thoa, đã nhiều lần bảo: "Thôi đấy, con của dì đấy, tôi cho dì".

Thoa nhếch miệng cười, vẻ mặt lửng lơ một ý tự phụ tràn trề hoan hỉ. Chỗ ngồi của Thoa trong góc gia đình ấy không còn cô tịch lắm nữa. Thoa cũng không phải để tâm dè dặt và lo ngại như trước. Có được một chút yên vui bằng phẳng cũng là có hạnh phúc lớn rồi. Nếu đôi khi phải lúc Trâm bực mình thì tiếng da diết của Trâm chỉ để trách hai đứa em về luân thường không biết sống chết ở đâu. Nghe chị nhắc đến Lạc và Xuyến, Thoa nhắm miệng lại nhìn đi, tỏ ra ý ghét Lạc và Xuyến lắm: điều đó rất được lòng Trâm.

Việc buôn bán của người anh rể Thoa gặp được nhiều dịp may: hòa khí của gia đình nhờ sự sung túc mà không sút kém. Thoa có đưa cho chị những số tiền nhỏ mọn là công may cắt người ta trả nàng, thì Trâm từ chối với một ý rất kẻ cả, thấy lòng mình rộng rãi, có độ lượng đối với một cô em số phận hẩm hiu. Trâm lại được thứ tình cảm ngậm ngùi đến vượt ve lòng như mỗi lần ái ngại cho em: Không! Trâm không thể nào không mến thương nó được.

Cái địa vị bé bỏng của Thoa thế là đã vững chắc. Ngày tháng gần bó chặt thêm.

Nhiều sự xảy ra bên ngoài, Thoa đã chú ý đến: Thoa lắng nghe kể lại những cảnh đời vui, buồn, ly, hợp, trong lúc nàng trầm

mặc đưa mũi kim hay lượn nhát kéo dưới tay. Thỉnh thoảng, người chị sẵn lòng hơn, lại bàn bạc với Thoa về việc sắm sửa cho chồng con hay cả về cách buôn bán. Thoa phần nhiều chỉ chịu chuyện, hoặc năm thì mười họa ngỏ một vài ý kiến thiết thực, bằng những cử chỉ giản lược vẫn là cách biểu đạt của nàng. Thoa rất khéo ra hiệu, và những điều cần phô diễn cũng không có gì lạ thường, đến cả cháu nhỏ của Thoa cũng hiểu được ngay. Hoặc giả nàng cố ý giấu giữ lấy, trong câm lặng của nàng, những điều không tiện nói, không cần nói?

*
* *

Bốn, năm năm Thoa mới có thêm được bộ áo mới nữa và một đôi hoa tai. Nữ trang vẫn là cái hạnh phúc đầm thắm nhất trong sự sống của nàng. Thoa xếp rất kỹ lưỡng trong cái hòm riêng của mình cùng với những thứ chẳng ai biết là gì nhưng xem chừng Thoa quý trọng, giữ gìn rất cẩn mật. Khi rồi rãi và yên vắng, Thoa lại lúi húi xếp lại những của báu trong hòm. Sự vui thích trẻ thơ vẫn giống như ngày nào Thoa ngồi bày những nút chai, những mảnh ấm để ngắm nghía. Vậy mà nàng đã trên hai chục tuổi. Thời gian không làm kém cái màu xuân xanh trên khuôn mặt hiền dịu. Nhưng sự lặng lẽ của Thoa với những cử động quá chừng thông thả đã phác sẵn những vẻ đúng mực của ngày già.

Qua một Tết này, Thoa lại kiên tâm đợi đến Tết sau: chỉ có trong dịp ấy Thoa được nhiều xúc động êm ái nhất. Nàng trang điểm quá chừng cẩn thận, ngắm mình trong gương không có lúc ngớt, sửa đi sửa lại vành khăn không bao giờ vừa ý, hay kéo kéo vuốt vuốt mãi mãi cặp áo cho thực sổng tã. Nàng tốn bao nhiêu công phu để lấy hết mực gọn gàng. Nhưng sự gọn gàng ở người thiếu nữ này là một vẻ đẹp lạnh lẽo, Tết năm nay cũng giống Tết năm trước, mỗi năm một khô khan.

Con gái Trâm hồi ấy đã là một học sinh lớn, mới mẻ, bạo dạn và tươi cười. Thoa được cháu đưa đi chơi những cảnh đền chùa xa lạ nhất từ xưa tới nay, trong đó khách đi lễ ngày xuân không phải chỉ là những người thành tín. Thoa trông thấy những thanh

niên hơn hở, gặp những đôi trai gái gần nhau mà không hề ngượng ngịu; đôi khi nàng lại bất chợt thấy những con mắt kín đáo đánh giá nhan sắc của mình. Một chút hồi hộp có lẽ đã làm đôi má kia hồng thêm và những Tết năm ngoái năm xưa đưa trở lại những tình cảm phơi phới cũ.

Thoa có nghĩ đến ngày mai của Thoa không? Tình duyên ở đời gọi những tư tưởng gì trong lòng người xấu số? Và những ngày dài nối tiếp nhau đi, Thoa ngồi trong câm lặng, tiếng thở dài của Thoa dịu nhẹ, có còn mang những ước mong tha thiết nào nữa chăng?

*
* *

Mùa rét năm Thoa hai mươi chín, Thoa đem cái áo cánh bông mới may ra mặc. Khi qua chiếc gương lớn, Thoa đứng lại nhìn mãi cái bóng mình. Nàng chậm chạp đưa hai tay áp má, thờ ơ vuốt xuôi xuống rồi ngơ ngác nhìn lại chung quanh. Trở về chỗ ngồi, đường kim của nàng lơ đãng hơn thường. Nàng cặm cùi suốt mấy ngày và nhiều lúc buông tay xuống một vẻ chán mỏi.

Chị Trâm thì hết ngày hết tháng bận về việc cầm cái họ. Thăng Tuyên vẫn là đứa cháu út (Trâm đẻ hai bận nữa đều không đậu) nhưng Tuyên đã đi học và thôi quán quýt nàng. Gần nàng nhất bây giờ chỉ có Lan, cô cháu lớn nhất. Những ngày nghỉ, Lan hay ở bên dì, học cắt, học thêu rồi lại bảo cho dì những mũi đan lối mới, Lan lại hay đem chuyện bà giáo, chuyện bạn gái trong trường về thuật lại với Thoa. Cả những chuyện riêng và những việc tâm tình nữa. Ngày ngày, Thoa coi chừng giờ tan học của Lan và bước chân Lan trở về; hai dì cháu lại to nhỏ với nhau; Thoa mỉm nụ cười mờ phai và Lan khúc khích phô cả miệng răng trắng muốt.

Đã có lần Lan nhí nhảnh bảo nàng:

- Dì ạ, dì đừng giận cháu nhé, con Phương nó bảo cháu rằng dì đẹp lắm cơ. Nó muốn làm mối cho dì đấy!

Nàng lườm cháu, lấy cái thước đo lại, và ướm mảnh vải áo len lên ngực, tay khe khẽ run. Nhưng nàng biết là câu nói đùa,

không giận cháu và cũng không có vẻ tủi thẹn. Nàng thấy Lan vui thái quá, vui vẻ một ý khác thường. Nàng đưa mắt hỏi Lan thì chợt nhận thấy cháu mơ màng xa xôi. Lan lảng chuyện bằng những câu đùa ghẹo Thoa. Nàng lại nguyền cháu và để cho những chuyện mỗi lái vu vơ kia giống cột.

Sau đám cưới của một người trong họ, chị Trâm một tối kia ngồi lại bàn với nàng về việc nhân duyên của Lan. Có người bạn buôn muốn hỏi Lan cho con trai, học trường thuốc, Thoa lựa chiều bày tỏ ý kiến mình và "nói" đến những áo cô dâu mà Thoa trông thấy ở một vài đám cưới gần xóm. Đêm ấy Thoa để đèn tối khuya, mở hòm xếp lại những cặp áo đẹp và ngắm một vài thứ nữ trang của mình.

Tết năm ấy, Lan ít đi lễ với nàng, nhưng Thoa được cô Phương và mấy bạn trai của Phương chào mình một cách mến mộ quá đáng. ở giữa những người thanh niên lanh lẹn và bọn thiếu nữ giòn giã lỏng lẫy kia, Thoa là một bậc nữ lưu cũ kỹ trong vẻ đẹp nhu mì, sự ngượng ngập của Thoa làm khô khan thêm đáng người gợn ghê.

Lan về nhà đòi đi thuật lại chuyện mà Lan đã nghe Phương kể từ trước. Lan reo lên cười khi nhận ra được những người mà Thoa mô tả và bình phẩm bằng lối nói riêng của nàng. Lan lại nói đùa đi, để tránh những câu Thoa hỏi về chàng sinh viên. Thoa mỉm cười luôn như mới nghĩ ra nhiều ý ngộ nghĩnh.

Cho đến ngày Lan thôi học, để sắp về nhà chồng, Lan vẫn nhắc lại câu nói Thoa nghe đã quen nhưng không thấy nhàm và cũng không đời nào tin.

Không ngờ, đó là sự thực.

Một hôm Lan ở ngoài hàng chạy vào ghé tai bảo nàng:

- Đấy, cháu có nói dối di đâu, chả tin rồi chốc nữa di hỏi để cháu khác biết.

Ở nhà ngoài, chị Trâm đương tiếp chuyện một người khách đàn ông. Lúc Trâm đưa khách lên gác nói chuyện với chồng, nàng thấy một người mặc tây, chừng ba năm, bốn mươi tuổi, thông thả đi vào qua mép sân trên rồi dềnh dảnh vừa trèo lên bậc thang gác vừa ngoảnh nhìn xuống. Lan máy:

- Chú họ Phương đấy, dì ạ.

Rồi Lan khúc khích chạy coi hàng. Thoa bối rối, nhưng nhất định vẫn không chịu tin. Nàng cố điềm nhiên ngồi đan cho hết một đường nữa, tháo ra đan lại mấy mắt lỗi, rồi sau cùng đặt len xuống thúng, giận Lan sao không trở lại. Chị Trâm ở trên gác dẫn người khách xuống. Thoa lại thấy mình bị người ấy chăm chú nhìn. Nàng nghe trống ngực đập mạnh, cau mày cho đến lúc không còn bóng người trong sân. Lâu lắm, Lan vẫn không vào: hình như có tiếng Lan cười sau mấy câu mắng của mẹ.

Không, không có gì hết. Chỉ là câu chuyện đùa thôi. Lan dè dặt mấy hôm liền. Thoa cũng tỏ vẻ thờ ơ và chỉ mãi miết với thúng khâu. Một tuần lễ qua nàng với Lan không nhắc đến người đàn ông. Đột nhiên một hôm giữa lúc nàng thử áo cho Lan thì người ấy lại đến.

Lần này Trâm đưa ông ta vào tiếp chuyện ngay ở nhà trong là nơi Thoa ngồi làm việc. Nàng thản nhiên nhưng giữ Lan lại không cho bỏ vội áo mới thử. Ông khách đã đứng tuổi, đầu tóc mượt và thưa, vẻ mặt hiền hậu, không linh hoạt lắm, dáng người vững chãi, nói năng và điệu bộ khoan thai. Thoa cho rằng ông ta là người tử tế - nhưng cái đó có quan hệ gì đến mình? Ông ta nhìn phía Thoa, Thoa không cảm động đâu. Thoa thấy chính ông ta như ngượng ngập thì có. Vả lại người ta đến đây cũng như bao nhiêu khách khứa vẫn đến... Lan nó sắp lấy chồng nên chỉ khéo ồm ờ đấy thôi.

Chiều hôm ấy Thoa thấy chị Trâm đến nhả nhả hỏi Thoa về những đồ trang sức cho Lan, rồi lựa lời bảo nàng:

- Này em ạ, ông phán Tấn, cái ông đến nhà lúc sáng ấy mà, ông ấy hiền lành tử tế lắm kia đấy, từ hôm nọ đến hôm nay cầu khẩn mãi anh chị để xin em...

Nàng hiểu rồi, hiểu ngay từ lời đầu tiên của Trâm kia, và không nghe thấy chị nói thêm gì nữa. Tất cả nỗi vui mừng dè giữ, nỗi sung sướng lo ngại, trong giây phút ấy thành hình rõ rệt, và tươi đẹp và đôn hậu đến quẩn quýt nàng. Thoa không có một ý gì giấu giếm. Nàng cười bằng cả đôi mắt rất linh động của nàng, miệng hé ra một chút chờ đợi rồi ngậm lại, rồi nàng đưa mắt ý nhị nhìn cái chỗ lúc trước người đàn ông đã ngồi. Nàng thấy một hạnh

phúc mới, rạng rỡ nhất, mà có lẽ nàng không bao giờ dám vương qua một chút tư tưởng đến nay không phải là sự không thể có được cho đời nàng. Thoa ứa nước mắt mà mặt vẫn tươi. Lần đầu tiên nàng tội nghiệp cho thân và hưởng một vị tử cực thâm đậm.

Thoa biết thêm rằng ông phán Tấn còn mẹ già và góa vợ sớm.

Ông ở vậy để nuôi con nhỏ (Thoa sẽ là mẹ đỡ con với hết tấm lòng ấp ủ của nàng). Ông phán vừa chí thú vừa là người quảng đại, tình cảnh của Thoa ông biết rõ và sẽ dành cho Thoa một địa vị chững chạc cũng như đợi ở Thoa một người dâu thảo, một người vợ hiền. Việc hôn nhân này sẽ lặng lẽ thích hợp với cuộc đời hai người. Định hết tang chú ruột ông ta, ông phán sẽ xin cưới.

Ông phán Tấn thỉnh thoảng lại đến chơi, rất lễ phép với nàng, và lời nói đầm ấm của ông sao mà có duyên thế! Thoa thấy ông có nhiều điều đáng quý mến, có một vẻ trang trọng quân tử ít người đàn ông sánh bằng.

Thoa sắm sửa cho Lan và nghĩ đến lúc chính mình về nhà chồng nàng sẽ đem bao nhiêu tâm trí và khôn khéo ra để gây một cảnh gia đình rất êm đẹp. Nàng sẽ dốc sức phụng dưỡng người mẹ già, để cho Tấn không những được yên tâm mà còn vui bụng, còn hãnh diện vì có người vợ khéo chiều chuộng mẹ chồng.

Những câu trêu chọc Thoa từ đấy không ai cần giữ gìn nữa. Trước kia, dù là lời nói của Lan cũng vẫn có nhiều dè dặt để khỏi chạm ý Thoa. Bây giờ, nhiều khi Trâm đã dám nhắc đến cái tật cam của Thoa, khen mĩ một cảnh hòa thuận gia đình ít "điều tiếng". Thoa cũng vẫn sung sướng. Càng có lời chế giễu, Thoa càng được cảm động một tình tứ dịu dàng.

Ngày Lan về nhà chồng, Thoa không từ chối làm một người trong họ nhà gái đưa dâu. Nàng mừng cháu một chiếc nhẫn vàng, công sức của bao nhiêu ngày tháng tần tảo. Nàng được cháu biếu lại hai hộp phấn. Lan dạy nàng vẽ môi thoa má và ép mãi nàng mới chịu tô điểm ngay trong dịp đó; ý nàng định dành việc son phấn cho ngày khác, quan trọng.

Vắng Lan, Thoa đã thừa cách để khuây buồn. Nỗi lòng chờ đợi nhẹ nhàng, những cảm tưởng quý mến sau những lần Tấn đến chơi; những lúc trí nghĩ nàng tìm đoán cử chỉ người đàn ông trong

công việc hàng ngày; bằng ấy ý niệm đến làm cho những giờ cô quạnh của nàng được ấm cúng.

Gần đến tháng đã định, thỉnh linh bà cô Thoa ở Hải Dương chết. Thoa kiên tâm trước, nghĩ đến cái khoảng thì giờ phải đợi chờ thêm.

Chưa đoạn tang cô, Thoa lại được tin bà thân sinh ông phán Tấn ốm nặng. Chị Trâm đi thăm về nói bệnh tình bà cụ trầm trọng lắm, nhưng cũng tìm lời yên ủi Thoa, để nuôi cái hy vọng cho chính mình Trâm. Chị Thoa cũng hết lòng mong cho nhân duyên cô em không đến nỗi trắc trở.

Tất cả sự quan tâm của Thoa cũng như của mấy người trong cuộc, đều dồn về nơi giường bệnh của bà già. Thoa hỏi chị về đường thuốc thang, nhờ chị kêu cầu giúp mình, và một lần chẳng biết nghe ai mách, Thoa gửi bốn chục bạc nhờ người đi mua quế tốt để biếu mẹ Tấn.

Chưa kịp biếu, bà cụ đã tắt nghỉ. Anh rể Thoa đã bàn đến việc cưới chạy tang, nhưng ông phán Tấn còn chần chừ: ông nói là không còn bụng dạ nào để tính chuyện cưới lúc này, vì ông quả thực là một người con chí hiếu. Chị Trâm phiền muộn ra mặt. Thoa thì không thiết nghe thiết nghĩ gì hết. Ông phán Tấn nghe biết chuyện Thoa mua quế, lấy làm cảm động vì cái ý thảo của nàng lắm. Ông thừa đến hơn trước, nhưng mỗi lần có lại những lời ông gán bó, Thoa cũng được vững lòng thêm.

Tâm hồn Thoa đã quen với sự thua thiệt từ trước rồi. Cái tang mới kia, cũng là cái tang của chính Thoa; nàng lại sửa soạn tính tình để chịu lấy; nỗi trông mong và tin cậy vẫn được nuôi giữ một bên. Thoa dè chừng trước một đôi cái tang nữa trong họ gần họ xa, để lỡ ra việc xảy đến thực thì nàng có sẵn sức dưới gáng nặng. Nàng cũng dự tưởng cả đến lúc nàng hay ông phán Tấn đau ốm, hoặc quá ra nữa, người đàn ông sẽ gặp tai nạn gì thảm khốc hơn.

Điều nàng không ngờ nhất lại xảy đến.

Ông phán Tấn phải dời đi Sài Gòn. Đâu thế nhỉ? Nhưng sự cách biệt hẳn xa lắc và nguy hiểm lắm theo về lo ngại của Trâm. Lời ông phán lúc đến chào, đôn hậu và thực thà. Ông nói mấy câu với nàng, tiếng ngượng nghịu và hơi run run khiến cả tâm hồn nàng ngan ngát ảo não.

Hôm ông lên đường, vợ chồng Lan và cô Phương đến rửa nòng ra ga tiễn, nhưng Thoa khe khẽ lắc đầu, tuy mặt nàng lộ hết cả ý muốn. Thoa ngồi ở nhà, tưởng đến đoàn tàu hỏa chạy biến về một phương mù mịt. Nàng nghẹn mãi ở cổ, nuốt khan bọt, và thấy nước mắt nhỏ nóng trên bàn tay.

Bức thư thứ nhất của Tấn gửi về một tháng sau có những lời thăm hỏi riêng, xoa dịu đau thương của lòng nàng. Nàng mượn lấy tờ giấy quý hóa kia để nhìn những chữ mà nàng không biết đọc. Thoa cắt thư xuống một góc thúng và chờ lúc vắng vẻ, vẩy gọi đứa cháu nhỏ đến đọc lại cho nàng nghe. Tin tức của người đàn ông về đều được hơn một năm, do những bức thư lời lẽ đơn sơ trung hậu. Rồi có lẽ vì công việc bận - Tấn nói phải coi nhiều việc quan trọng lắm - thư gửi về thưa dần. Sau cùng, chỉ gần Tết, anh rể Thoa mới nhận được một tấm danh thiếp chúc mừng cả nhà.

Chờ đợi hết năm nọ qua năm kia để thấy những lời lẽ phép hờ hững, Thoa vẫn không tỏ một thái độ nào khác lạ, sự im lặng của nàng hòa những tháng ngày bình tịch và người đàn bà ấy héo hắt chậm chạp trong một đời lu mờ.

Tin tức của Tấn bằng hẫng rồi.

Cái tang cay nghiệt đã hết hạn từ lâu.

Trâm đã trở nên bà, và bận lo về việc cưới vợ cho con trai. Anh rể Thoa, giàu có và mỗi một, suốt ngày ở trên gác nghỉ ngơi bên cạnh bàn đèn. Nhân duyên trắc trở của Thoa người ta quên cũng đã lâu; đời hơn hở bình yên dễ dàng cởi bỏ những kỷ niệm vương bận.

Chỉ lòng Thoa còn nhớ.

Đôi mắt trông xa của nàng vẫn còn ánh mong ước.

Nàng bao giờ cũng tuân theo và chịu lấy các nỗi đời khát khe, nhưng hình như vẫn chờ đợi một sự may mắn vu vơ nào.

Nhưng bước đi thông thả ngày một nặng nề thêm, mắt trông lỗ kim đã không đủ rõ. Thoa đã ngày một yếu, và cái miệng ngậm lại đã phẳng phất hai nét hằn ở khóe môi.

Ngày Tết, trang điểm vẫn là một việc êm ái nhất cho Thoa. Vẻ đẹp đã hơi cũ kỹ trên thân hình và trong dáng điệu nàng. Thoa đi lễ một mình, đến chơi với vợ chồng Lan, cho con Lan những áo

mũ đàn để dành hồi trong năm. Rồi về nhà, Thoa ngồi bên coi trầu, chum chim nghe chuyện bọn cháu đến vây quanh mà xem chúng tíu tít nhận tiền nàng mừng tuổi. Mấy năm gần đây, năm nào cũng chỉ thế. Hết Tết nàng lại gọn gàng xếp vào hòm những bộ áo bao giờ cũng còn mới, khóa kín lại với một vẻ trân trọng trong cử chỉ, rồi lại trở lại chỗ công việc đơn điệu của nàng.

*
* *

Tháng hai năm ấy, Thoa đã bốn mươi mốt. Một người bạn ở xa về chơi với vợ chồng Trâm. Mắt Thoa tươi sáng lên khi nghe nói người ấy ở Sài Gòn ra. Nàng nhẹ tay đặt kim chỉ xuống, nhìn ông ta với một cảm tình không che giấu. Không biết chuyện của Thoa, và cũng không hiểu những dấu hiệu riêng Trâm định cản lại, người ấy tình cờ nói đến Tấn, cho vợ chồng Trâm biết rõ cái điều hai người đã ngờ từ lâu. Tấn lấy được một người vợ rất giàu ở Chợ Lớn, đã thôi đi làm để ra buôn bán được mấy năm nay rồi. Chị của Thoa nhìn lại phía em thì thấy nàng hơi cúi đầu, khuôn mặt bình tĩnh nhưng nước da xanh một màu đáng sợ. Trâm vội để chồng ngồi với khách, lại gần hỏi Thoa. Nàng thản nhiên ngẩng nhìn chị, cười một nụ cười lạnh lẽo và đưa tay trở cuốn chỉ để Trâm lấy lại giùm. Đêm ấy Trâm thức dậy thấy em còn lịch kịch xếp dọn mãi bên đèn. Trâm không hiểu lo ngại một sự gì mập mờ, không dám ngủ lại nữa. Sáng hôm sau, nàng thấy em hốc hác, ngồi rũ trên góc phản, thúng khâu và những vải sợi ở đó chỉ để làm vì. Mọi người trông thấy Thoa già tọp hẳn đi.

Mười mấy năm vừa qua trong không đầy nửa tháng.

Sự thất vọng ghê gớm của nàng khiến cả nhà kinh ngạc: Thế ra Thoa vẫn mong đợi Tấn thực sao? Thái độ lãnh đạm của Tấn đã cho mọi người biết sự cố nhiên, trừ có riêng nàng. Hay người ta có thể giữ một ảo tưởng đến bậc đó?

Dẫu sao, Thoa cũng đã đến lúc biết sự thực. Tất cả sức lực tinh thần của nàng sụp đổ ngay một lúc, cùng với chút nhan sắc còn giữ được ở thân hình nàng. Trong tấm áo bông đen dài, Thoa xo ro

và ngờ ngác, không thiết gì đến công việc, hàng giờ ngồi nhìn sững quăng không.

Trâm thương em có lẽ chưa bao giờ bằng hồi ấy. Nàng sẵn sóc coi chừng từng ly chút, và khi thấy Thoa không gượng dậy được nữa, Trâm lao sức đi lo thuốc thang cho em. Thoa không để nài ép bao giờ, ngoan ngoãn đón lấy sự săn sóc của chị. Nàng mỉm những nụ cười ỏm ỉu mỗi khi Trâm thăm hỏi, đôi mắt cảm ơn. Nàng cố uống cạn những chén thuốc Trâm đưa tới, cố nuốt những bát cháo Trâm dỗ nàng ăn. Lúc nào Thoa cũng dịu dàng, cũng vâng theo, cho đến khi nàng không còn đủ sức để làm vui lòng chị nữa.

Công chạy chữa đã thành vô hiệu lực. Trâm khóc và gạn hỏi, nhưng Thoa không tỏ một ý muốn trời trăng gì.

Nàng phải nằm tắt cả tám ngày, bệnh kịch chỉ có nửa ngày và nửa đêm, lúc hấp hối cũng rất mau chóng.

Trong cái rương đồ mà ngày sống Thoa giữ gìn rất cẩn mật không cho ai được động vào, Trâm thấy dưới đám quần áo tất cả vốn liếng của cải của em: tám chục bạc gói trong vuông nhiễu điều, những đồ chơi trẻ con của Thoa hồi xưa gói trong cái khăn tay thêu đầu tiên: cái lược gẩy của Lạc, cái độn tóc của Xuyên; cái ruột tượng đũi của bà mẹ: một hộp con đựng những mẫu mực, tháp bút, cái kính trắng của ông tú vứt bỏ cùng với một quyển sách chữ nho mỏng gập đôi. Kỷ vật của các người thân mà có lẽ nàng vẫn yêu vẫn nhớ suốt đời trong sự lặng lẽ của nàng.

Riêng trong một túi lớn bằng gấm may theo kiểu phong bì, mấy thứ hàng lụa nàng định mặc khi lấy chồng, một cái lược ngà Trâm mua cho nàng, mấy bức thư của Tấn gửi cho vợ chồng Trâm và mấy tấm danh thiếp. Trâm bỗng chú ý đến một tờ giấy gấp nhỏ, màu mực khác, trên có nhiều câu dập xóa trong những hàng chữ sau này:

"Cậu mợ tôi gửi lời hỏi thăm ông được bình yên. Từ ngày ông vào Sài Gòn, cậu mợ tôi vẫn thường nhắc ông luôn. Dì tôi cũng bảo tôi gửi lời hỏi thăm ông và anh bé. Dì tôi gửi vào làm quà cho anh bé hai tá mùi xoa lụa, một cái nhẫn mặt ngọc và một đôi áo len".

Thì ra tờ nháp một bức thư. Nét chữ của Tuyên. Thư đề ngày 12 tháng tư năm 1920; tám năm rồi. Biết bao nhiêu đắn đo, bao nhiêu công phu, bao nhiêu khúc mắc phi thường phải vượt qua trước khi nàng gửi được bức thư ấy.

Nhà xuất bản Đời nay Hà Nội, 1943.